

BÀI GIẢNG
HƯỚNG DẪN NGHIỆP VỤ CHO VAY THEO TỪNG
CHƯƠNG TRÌNH TÍN DỤNG

I. CÁC CHƯƠNG TRÌNH CHO VAY ĐỐI VỚI NGƯỜI NGHÈO

Bao gồm:

- Cho vay Hộ nghèo.
- Cho vay hộ Cận nghèo.
- Cho vay hộ Mới thoát nghèo.

1. Đối tượng được vay vốn

a. Đối với chương trình cho vay Hộ nghèo, hộ Cận nghèo:

Đối tượng được vay vốn là hộ gia đình có tên trong danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo được Chủ tịch UBND cấp xã xác nhận theo chuẩn hộ nghèo, hộ cận nghèo được Thủ tướng Chính phủ quy định từng thời kỳ. Giai đoạn 2022-2025, thực hiện theo Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg ngày 16/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ và Nghị định 07/2021/NĐ-CP ngày 27/01/2021 của Thủ tướng Chính phủ).

*** Đối với chương trình cho vay Hộ nghèo:**

- Hộ nghèo ở nông thôn: Là hộ gia đình có thu nhập bình quân đầu người/tháng từ 1.500.000 đồng trở xuống và thiếu hụt từ 03 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản trở lên.

- Hộ nghèo ở thành thị: Là hộ gia đình có thu nhập bình quân đầu người/tháng từ 2.000.000 đồng trở xuống và thiếu hụt từ 03 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản trở lên.

*** Đối với chương trình cho vay Hộ cận nghèo:**

- Hộ cận nghèo ở nông thôn: Là hộ gia đình có thu nhập bình quân đầu người/tháng từ 1.500.000 đồng trở xuống và thiếu hụt dưới 03 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản.

- Hộ cận nghèo ở thành thị: Là hộ gia đình có thu nhập bình quân đầu người/tháng từ 2.000.000 đồng trở xuống và thiếu hụt dưới 03 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản.

b. Đối với chương trình cho vay Hộ mới thoát nghèo:

Là các Hộ đã từng là hộ nghèo, hộ cận nghèo nay đã thoát nghèo, được UBND cấp xã xác nhận. Thời gian thoát nghèo được tính từ khi Hộ được ra khỏi danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo tối đa là 03 năm.

Lưu ý: Những đối tượng sau đây **không được** vay vốn của NHCSXH

- Hộ không còn sức lao động.

- Hộ độc thân đang trong thời gian thi hành án.
- Hộ bị chính quyền địa phương loại ra khỏi danh sách vay vốn vì mắc tệ nạn cờ bạc, nghiện hút, trộm cắp, lừa dối, không chịu lao động...
- Hộ thuộc diện chính sách xã hội như già cả neo đơn, tàn tật, thiếu ăn... do ngân sách Nhà nước trợ cấp.

2. Nguyên tắc vay vốn

- Sử dụng vốn vay đúng mục đích xin vay.
- Hoàn trả nợ gốc và lãi vốn vay đúng thời hạn đã thỏa thuận.

3. Điều kiện để được vay vốn

- Người vay cư trú hợp pháp tại địa phương và được UBND cấp xã xác nhận trên danh sách hộ gia đình đề nghị vay vốn NHCSXH (mẫu số 03/TD) và thuộc danh sách các đối tượng vay vốn theo quy định nêu trên.
- Người vay vốn là người đại diện hộ gia đình chịu trách nhiệm trong mọi quan hệ với Ngân hàng Chính sách xã hội (NHCSXH), là người ký nhận nợ và chịu trách nhiệm trả nợ NHCSXH.
- Hộ vay không phải thế chấp tài sản và được miễn lệ phí làm thủ tục vay vốn nhưng phải là thành viên tổ tiết kiệm và vay vốn, được tổ bình xét, lập thành danh sách đề nghị vay vốn có xác nhận của UBND cấp xã.

4. Mục đích sử dụng vốn vay

a. Đối với chương trình cho vay hộ nghèo:

- Sử dụng để đầu tư vào lĩnh vực SXKD, dịch vụ mà pháp luật không cấm

Lưu ý: đối với chương trình cho vay hộ nghèo:

Ngoài mục đích vay vốn để sử dụng vào các mục đích trên thì hộ nghèo còn được vay vốn để sử dụng vào giải quyết một phần nhu cầu thiết yếu về nhà ở, nước sạch, điện thắp sáng và một phần chi phí học tập cho con đang theo học phổ thông, cụ thể:

- + Tiền học phí phải nộp theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo đối với trường công lập và theo quy định của nhà trường đối với trường dân lập.
- + Kinh phí xây dựng trường theo quy định của địa phương phù hợp với quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- + Tiền mua dụng cụ học tập và sách giáo khoa theo giá ghi trên bìa sách (không cho vay mua sách tham khảo, sách nâng cao).
- + Tiền mua quần áo hoặc trang phục của học sinh theo quy định.
- + Một phần nhu cầu thiết yếu về nhà ở, nước sạch, điện thắp sáng.

Nhưng khi Giám đốc NHCSXH xem xét cho vay, phải căn cứ vào tình hình thực tế nguồn vốn và nhu cầu vốn tại địa phương, ưu tiên, tập trung nguồn vốn cho vay để sản xuất kinh doanh trước, sau đó mới xét đến cho vay giải quyết một phần nhu cầu thiết yếu về nhà ở, nước sạch, điện thấp sáng và học tập tại các trường phổ thông.

b. Đối với chương trình cho vay hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo:

- Sử dụng để đầu tư vào lĩnh vực SXKD, dịch vụ mà pháp luật không cấm

NHCSXH không cho vay vốn từ chương trình này để sử dụng vào mục đích giải quyết một phần nhu cầu thiết yếu về sửa chữa nhà ở, nước sinh hoạt, điện thấp sáng, học tập các cấp học phổ thông và những phương án sản xuất, kinh doanh những mặt hàng thuộc danh mục hàng hóa cấm lưu thông, dịch vụ thương mại cấm thực hiện theo Phụ lục I Nghị định 59/2006/NĐ-CP ngày 12/6/2006 của Chính phủ.

5. Mức cho vay tối đa:

a. *Đối với nhu cầu vay vốn để SXKD*: tối đa 100 triệu đồng/1 hộ trong **mọi thời điểm** (kể cả những hộ đang còn dư nợ, nhưng chưa vay đến mức tối đa, nếu có phương án khả thi và có nhu cầu vay bổ sung)

b. *Đối với nhu cầu thiết yếu về nhà ở, nước sạch, điện thấp sáng và học tập tại các trường phổ thông* là (chỉ áp dụng đối với chương trình cho vay Hộ nghèo):

- Sửa chữa nhà ở, mức tối đa 3 triệu đồng/1 hộ.

- Điện thấp sáng, mức tối đa 1,5 triệu đồng/1 hộ.

- Nước sạch, mức tối đa 10 triệu đồng/công trình/1 hộ.

- Chi phí học tập tại các trường phổ thông: do Giám đốc chi nhánh NHCSXH các tỉnh, thành phố quyết định mức cho vay tối đa phù hợp với địa bàn tỉnh nhưng không vượt quá tổng 4 khoản chi phí học tập cao nhất được vay nêu trên.

Lưu ý:

(1). Các đối tượng vay vốn nêu trên để sản xuất kinh doanh, nếu vốn vay bị rủi ro do nguyên nhân khách quan (thiên tai, dịch bệnh, hỏa hoạn...) được cho vay bổ sung để khôi phục sản xuất, kinh doanh nhưng tối đa không vượt quá 100 triệu đồng/1 hộ (dư nợ này không bao gồm dư nợ khoanh và dư nợ mới bị thiệt hại được các bên liên quan lập Biên bản theo mẫu 02/XLN).

(2). Hộ nghèo được vay vốn chương trình cho vay Hộ nghèo: Mức cho vay tối đa 100 triệu đồng/1 hộ, bao gồm cả nhu cầu sản xuất kinh doanh và giải quyết một phần nhu cầu thiết yếu về nhà ở, nước sạch, điện thấp sáng và học tập tại các trường phổ thông. Như vậy, nếu hộ đã vay đủ 100 triệu đồng để SXKD thì **không được** vay 04 nhu cầu thiết yếu nêu trên. Ngược lại, nếu hộ vay đủ 04

nhu cầu thiết yếu, thì số tiền vay về nhu cầu SXKD bằng 100 triệu đồng – (trừ) số vốn đã vay cho 04 nhu cầu thiết yếu.

6. Lãi suất cho vay:

- * Lãi suất cho vay do Thủ tướng Chính phủ quy định từng thời kỳ, hiện nay:
 - Chương trình cho vay Hộ nghèo: 6,6%/năm
 - Chương trình cho vay Hộ cận nghèo: 7,92%/năm (bằng 120% lãi suất cho vay hộ nghèo).
 - Cho vay Hộ mới thoát nghèo: 8,25%/năm (bằng 125% lãi suất cho vay hộ nghèo).
- * Lãi suất nợ quá hạn: Bằng 130% lãi suất cho vay.

7. Thời hạn cho vay

7.1. Căn cứ xác định thời hạn cho vay:

NHCSXH và hộ vay thỏa thuận về thời hạn cho vay căn cứ vào:

- Mục đích sử dụng vốn vay của hộ vay.
- Thời hạn thu hồi vốn của phương án đầu tư (chu kỳ sản xuất kinh doanh).
- Khả năng trả nợ của hộ vay.
- Nguồn vốn cho vay của NHCSXH.

7.2. Loại cho vay:

- Cho vay ngắn hạn: Đến 12 tháng.
- Cho vay trung hạn: Trên 12 tháng đến 60 tháng.
- Cho vay dài hạn: Trên 60 tháng đến 120 tháng.

Lưu ý:

- Thời hạn cho vay chương trình hộ mới thoát nghèo do NHCSXH và hộ vay thỏa thuận trên cơ sở chu kỳ sản xuất, kinh doanh và khả năng trả nợ của khách hàng nhưng tối đa không quá 5 năm.
- Đối với cho vay hộ nghèo để trang trải chi phí học tập ở các trường phổ thông:

Thời hạn cho vay = Thời gian ân hạn + Thời gian trả nợ.

- Thời gian ân hạn: tính từ ngày hộ vay nhận món vay đầu tiên cho đến khi người con kết thúc cấp học kể cả năm học lưu ban (nếu có). Trường hợp hộ vay có nhiều con theo học thì **thời gian ân hạn** được xác định theo số năm của người con đang theo học ở cấp học có **số năm dài nhất**. Trong thời gian ân hạn, hộ nghèo chưa phải trả gốc, nhưng phải trả lãi tiền vay (theo tháng).

- Thời gian trả nợ: tối đa bằng số năm được NHCSXH cho vay vốn trong thời gian học tại cấp học đó (tiểu học là 5 năm, trung học cơ sở 4 năm, trung học phổ thông 3 năm).

8. Thủ tục và quy trình cho vay

8.1. Hồ sơ cho vay, gồm:

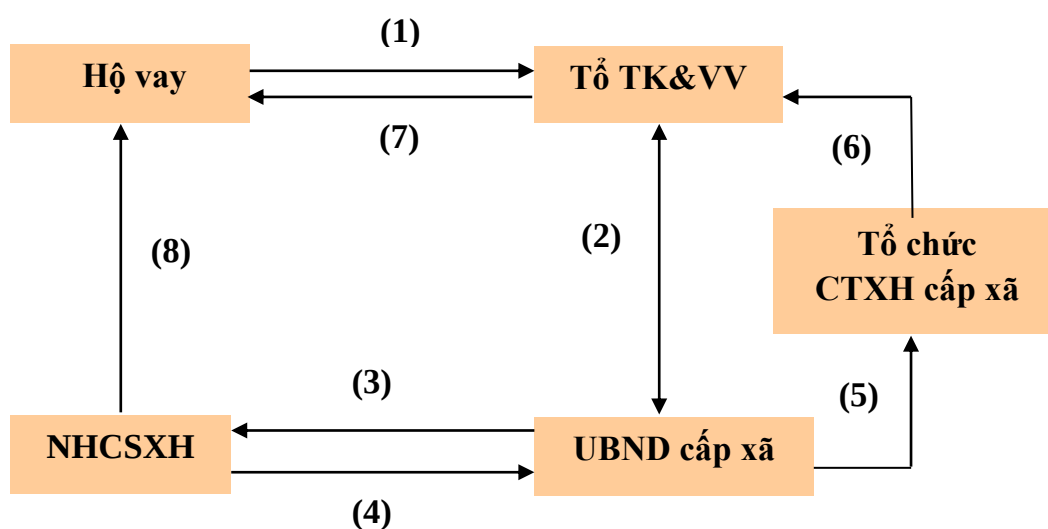
- Giấy đề nghị vay vốn kèm phương án sử dụng vốn vay (Mẫu 01/TD).
- Giấy ủy quyền theo mẫu số 01/UQ.
- Danh sách các hộ đề nghị vay vốn NHCSXH (Mẫu 03/TD) có xác nhận của UBND cấp xã.
- Biên bản họp tổ TK&VV (Các trường hợp theo quy định phải gửi cho NHCSXH nơi cho vay).

Trường hợp thuộc đối tượng được vay vốn bổ sung để khôi phục sản xuất, kinh doanh thì phải nộp thêm:

Danh sách khách hàng vay vốn bị rủi ro đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt khoan nợ hoặc Danh sách khách hàng vay vốn mới bị rủi ro do nguyên nhân khách quan có mức độ thiệt hại từ 40% trở lên được UBND cấp huyện phê duyệt kèm Biên bản xác định mức độ thiệt hại về vốn và tài sản đã có đầy đủ chữ ký của các bên liên quan (mẫu 02/XLN).

8.2. Quy trình cho vay

SƠ ĐỒ CHO VAY



Bước 1: khi có nhu cầu vay vốn, người vay được ủy quyền theo quy định (nếu có) viết Giấy đề nghị vay vốn kèm phương án sử dụng vốn vay (mẫu số 01/TD), gửi cho Tổ TK&VV.

Bước 2: Tổ TK&VV cùng tổ chức Hội, đoàn thể, Trưởng thôn (ấp, bản...) tổ chức họp để bình xét theo đúng quy định những hộ đủ điều kiện vay vốn, lập

danh sách mẫu 03/TD trình UBND cấp xã xác nhận là đối tượng được vay và cư trú hợp pháp tại xã.

Bước 3: Tổ TK&VV gửi hồ sơ đề nghị vay vốn tới Ngân hàng.

Bước 4: Ngân hàng phê duyệt cho vay và thông báo tới UBND cấp xã (mẫu 04/TD).

Bước 5: UBND cấp xã thông báo cho tổ chức Hội, đoàn thể cấp xã.

Bước 6: Tổ chức Hội, đoàn thể cấp xã thông báo cho Tổ TK&VV.

Bước 7: Tổ TK&VV thông báo cho tổ viên/hộ gia đình vay vốn biết danh sách hộ được vay, thời gian và địa điểm giải ngân.

Bước 8: Ngân hàng tiến hành giải ngân trực tiếp cho người vay.

8.3. Giải ngân cho vay

NHCSXH trực tiếp giải ngân cho hộ vay bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản. Các trường hợp uỷ quyền nhận tiền vay phải có xác nhận của UBND cấp xã. Khi giải ngân, kế toán ghi đầy đủ nội dung vào hồ sơ vay vốn → yêu cầu người vay ký nhận đầy đủ.

9. Định kỳ hạn trả nợ, thu nợ, thu lãi

9.1. Định kỳ hạn trả nợ

- Món vay ngắn hạn: không phân kỳ hạn trả nợ.
- Món vay trung, dài hạn: thỏa thuận phân kỳ trả nợ 6 tháng/1 năm một lần
- Hộ vay được trả nợ trước hạn.

9.2. Thu nợ gốc: NHCSXH tổ chức việc thu nợ gốc trực tiếp tới từng hộ vay tại Điểm giao dịch xã hoặc tại trụ sở NHCSXH nơi cho vay theo quy định sau:

- Món vay ngắn hạn: thu nợ gốc một lần khi đến hạn.
- Món vay trung hạn, dài hạn: phân kỳ trả nợ nhiều lần (6 tháng hoặc 1 năm một lần do NHCSXH và hộ vay thỏa thuận), hộ vay có thể trả nợ trước hạn.

Lưu ý: Đối với cho vay để chi phí học tập tại các trường phổ thông

- NHCSXH phân kỳ thu nợ gốc một năm 1 lần, kỳ thu nợ gốc đầu tiên sau 1 năm kể từ khi kết thúc cho vay đối với học sinh đó.
- Số tiền thu nợ gốc mỗi kỳ ít nhất bằng số tiền cho vay bình quân một năm trong thời gian ân hạn.

9.3. Thu lãi:

- Đối với các khoản nợ trong hạn: Thực hiện thu lãi định kỳ hàng tháng trên Biên lai do NHCSXH nơi cho vay in. Lãi chưa thu của kỳ trước được chuyển sang thu kỳ hạn tiếp theo.

- Đối với các khoản nợ quá hạn: thu gốc đến đâu thu lãi đến đó.
- Đối với các khoản nợ khó đòi: ưu tiên thu gốc trước thu lãi sau. Số lãi chưa thu được hạch toán ngoại bảng để có kế hoạch thu sát với thực tế.

Lưu ý: đối với hạ sĩ quan, binh sĩ phục vụ tại ngũ, trước khi nhập ngũ **là thành viên hộ nghèo đang đứng tên vay vốn các chương trình tín dụng chính sách** của NHCSXH thì được tạm hoãn trả và không tính lãi suất trong thời gian tại ngũ (VB 3543/NHCS-TDSV ngày 6/6/2019).

Để được tạm hoãn trả và không tính lãi suất trong thời gian tại ngũ, người vay vốn phải gửi NHCSXH nơi cho vay các giấy tờ sau: (VB 1233/NHCS-TDSV ngày 17/4/2017).

- + Lệnh gọi nhập ngũ (bản sao có công chứng hoặc chứng thực)
- + Quyết định xuất ngũ (bản sao có công chứng hoặc chứng thực)
- + Quyết định về việc tuyển dụng công nhân viên chức quốc phòng hoặc Quyết định về việc chuyển chế độ từ Hạ sĩ quan, binh sĩ sang chế độ Quân nhân chuyên nghiệp (bản sao có công chứng hoặc chứng thực).

10. Xử lý nợ đến hạn

10.1. Điều chỉnh kỳ hạn trả nợ

Trường hợp hộ vay có khó khăn, chưa trả được nợ gốc theo đúng kỳ hạn đã thỏa thuận (kỳ con) do nguyên nhân:

- Chưa kết thúc chu kỳ sản xuất kinh doanh.
- Chưa tiêu thụ được sản phẩm/gặp khó khăn tạm thời về tài chính.

→ Thì khoản nợ của kỳ hạn đó được theo dõi vào kỳ hạn trả nợ tiếp theo (không chuyển nợ quá hạn của từng kỳ hạn và người vay không phải làm thủ tục điều chỉnh kỳ hạn nợ).

10.2. Cho vay lưu vụ

- *Đối tượng áp dụng:* là các khoản cho vay có chu kỳ SXKD kế tiếp như chu kỳ trước đó, được thực hiện đối với chương trình sau:

- + Cho vay hộ nghèo:
- + Cho vay hộ cận nghèo.

Lưu ý: không áp dụng cho vay lưu vụ đối với chương trình cho vay Hộ mới thoát nghèo và cho vay để chi phí học tập đối với chương trình cho vay Hộ nghèo.

- *Điều kiện cho vay lưu vụ:* hộ vay phải có đủ 3 điều kiện sau:

- + Khoản vay đã đến hạn trả, nhưng hộ vay vẫn có nhu cầu vay vốn cho chu kỳ sản xuất, kinh doanh liên kế.
- + Phương án đang vay có hiệu quả.
- + Hộ vay trả đủ số lãi còn nợ của khoản vay trước và chưa thoát nghèo/cận nghèo.

- *Mức cho vay lưu vụ:* không quá số dư nợ **còn lại** của hộ vay đến ngày cho vay lưu vụ.

- *Thời hạn cho vay lưu vụ:* là thời hạn của chu kỳ sản xuất, kinh doanh tiếp theo nhưng tối đa không quá thời hạn đã cho vay.

- *Lãi suất cho vay lưu vụ:* theo lãi suất hiện hành tại thời điểm cho vay lưu vụ.

- *Thủ tục cho vay lưu vụ:* khi có nhu cầu vay lưu vụ, trước 5 ngày đến hạn trả cuối cùng, hộ vay làm giấy đề nghị (Mẫu số 07/TD) gửi Tổ trưởng Tổ TK&VV để tổ chức họp bình xét cho vay và lập Biên bản mẫu 10C/TD và mẫu số 03/TD giống như quy trình cho vay mới, các thủ tục khác (Sổ vay vốn) hộ vay không phải lập lại.

Mọi trường hợp cho vay lưu vụ, NHCSXH phải ghi đầy đủ các yếu tố quy định vào cả Sổ vay vốn lưu tại NHCSXH và Sổ của hộ vay giữ.

Lưu ý: nghiêm cấm việc hạch toán giả cho vay, giả thu nợ.

10.3. Gia hạn nợ

* *Trường hợp gia hạn nợ:* khi hộ vay không trả nợ đúng hạn do thiên tai, dịch bệnh và nguyên nhân khách quan khác, có Giấy đề nghị gia hạn nợ (Mẫu số 09A/TD) thì NHCSXH xem xét cho gia hạn nợ.

* *Thời gian cho gia hạn nợ:* NHCSXH có thể thực hiện việc gia hạn nợ một hay nhiều lần đối với một khoản vay nhưng tổng số thời gian cho gia hạn nợ không quá thời hạn cho vay đối với cho vay ngắn hạn và không quá 1/2 thời hạn cho vay đối với cho vay trung hạn, dài hạn.

* *Thủ tục, quy trình gia hạn nợ:*

(1). Tại địa phương nơi hộ vay vốn

Bước 1: trước kỳ hạn trả nợ cuối cùng, hộ vay chưa trả được nợ do nguyên nhân khách quan, có nhu cầu gia hạn nợ thì viết Giấy đề nghị gia hạn nợ theo Mẫu 09A/TD gửi Tổ TK&VV.

Bước 2: Tổ trưởng Tổ TK&VV

- Kiểm tra đầy đủ các thông tin, ký, ghi rõ họ tên vào Giấy đề nghị gia hạn nợ.

- Gửi Giấy đề nghị gia hạn nợ của hộ vay và đề nghị Hội, đoàn thể nhận ủy thác cấp xã kiểm tra thực tế nguyên nhân chưa trả được nợ.

Bước 3: Hội, đoàn thể cấp xã sau khi kiểm tra thực tế nguyên nhân khách quan:

- Nếu nhu cầu gia hạn nợ phù hợp: ghi ý kiến “Đề nghị cho gia hạn nợ” và ký tên, đóng dấu.

- Nếu nhu cầu gia hạn nợ không phù hợp: ghi ý kiến “Đề nghị không cho gia hạn nợ” và ký tên, đóng dấu.

- Trình Giấy đề nghị gia hạn nợ cho UBND cấp xã xác nhận, ký tên và đóng dấu.

- Gửi cán bộ tín dụng trước hạn trả nợ cuối cùng tối thiểu 5 ngày hoặc chậm nhất vào ngày giao dịch tại xã theo lịch cố định của kỳ giao dịch có nợ đến hạn.

(2). Tại Ngân hàng Chính sách xã hội nơi cho vay

a. Trường hợp Cán bộ tín dụng nhận Giấy đề nghị gia hạn nợ vào trước ngày giao dịch cố định tại xã:

* *Tại NHCSXH*

- Kiểm tra tính hợp lệ, hợp pháp của Giấy đề nghị gia hạn nợ, có thể thẩm định lại (nếu thấy cần thiết), xem xét, hoàn thiện nội dung phân phê duyệt của NHCSXH, ký tên và trình Trưởng phòng hoặc Tổ trưởng tổ nghiệp vụ tín dụng kiểm soát.

- Trình Giám đốc phê duyệt gia hạn nợ theo chế độ quy định:

❖ **Được phê duyệt**

- Cán bộ tín dụng: chuyển Giấy đề nghị gia hạn nợ cho bộ phận kế toán, đồng thời lập “Thông báo kết quả phê duyệt gia hạn nợ” theo **Mẫu 09.1/TD** gửi Tổ trưởng TK&VV, để gửi người vay lưu giữ cùng Sổ vay vốn (mỗi người vay 01 liên).

- Bộ phận kế toán: ghi thời gian gia hạn vào Sổ vay vốn hoặc Hợp đồng tín dụng lưu tại NH và lưu Giấy đề nghị gia hạn vào hồ sơ cho vay.

❖ **Không được phê duyệt**

- Cán bộ tín dụng lập “Thông báo Danh sách người vay không được gia hạn nợ” theo **Mẫu 09.2/TD** trình Giám đốc phê duyệt, gửi Tổ trưởng TK&VV để thông báo và đôn đốc tổ viên trả nợ.

- Trường hợp này, Giấy đề nghị gia hạn nợ được lưu tại bộ phận tín dụng.

*** *Tại cuộc họp giao ban***

Chủ trì cuộc họp: thông báo cụ thể từng hộ vay được gia hạn nợ và thời gian được gia hạn nợ; hộ vay không được gia hạn, lý do không được gia hạn nợ cho Hội, đoàn thể và BQL Tổ biết và theo dõi, đôn đốc trả nợ đúng hạn.

*** *Tại buổi sinh hoạt Tổ:*** Ban quản lý Tổ thông báo:

Các hộ được NHCS phê duyệt gia hạn nợ, thời gian được gia hạn nợ; các hộ không được NH gia hạn nợ, lý do không được gia hạn nợ.

b. Trường hợp Cán bộ tín dụng nhận Giấy đề nghị gia hạn nợ vào ngày giao dịch cố định tại xã:

- Kiểm tra tính hợp lệ, hợp pháp trên mẫu 09A/TD từ Hội, đoàn thể cấp xã, có thể thẩm định lại (nếu thấy cần thiết), sau đó ghi đầy đủ các thông tin vào phần phê duyệt của NHCSXH, ký tên và thực hiện như sau:

*** *Đối với Tổ giao dịch xã trở về Trụ sở trong thời gian làm việc theo quy định.***

- Trình Trưởng phòng hoặc Tổ trưởng tổ NVTD kiểm soát và trình Giám đốc/Người được ủy quyền phê duyệt gia hạn nợ ngay trong ngày giao dịch đó.

- Thủ tục và cách thức thực hiện như trường hợp nhận Giấy đề nghị gia hạn nợ trước ngày giao dịch cố định tại xã (điểm 2.1 nêu trên).

Lưu ý: việc gia hạn nợ trên hồ sơ và trên hệ thống Intellect phải hoàn tất trước khi khóa sổ kế toán ngày giao dịch đó.

*** *Đối với Tổ giao dịch xã sẽ trở về Trụ sở NHCSXH muộn*** (không kịp thời gian làm việc theo quy định) thì xử lý:

Bước 1: tại Điểm giao dịch xã, cán bộ tín dụng

- Kiểm tra tính hợp lệ, hợp pháp trên Mẫu **09A/TD**, sau đó ghi đầy đủ các thông tin vào phần phê duyệt của NHCSXH, ký tên.

- Lập “Danh sách người vay đủ điều kiện gia hạn nợ” theo Mẫu **09.3/TD**.

- Chụp ảnh “Danh sách người vay đủ điều kiện gia hạn nợ” và các Giấy đề nghị gia hạn nợ của người vay gửi về Trụ sở NHCSXH nơi cho vay qua thư điện tử cho Giám đốc hoặc người được ủy quyền để phê duyệt trên danh sách.

Bước 2: tại Trụ sở NHCSXH

- Giám đốc/Người được ủy quyền phê duyệt gia hạn nợ vào “Danh sách người vay đủ điều kiện gia hạn nợ” và gửi Danh sách đó cho bộ phận Kế toán làm căn cứ thực hiện các bước tiếp theo của quy trình gia hạn nợ.

Lưu ý:

- Việc ghi chép gia hạn nợ trên hồ sơ lưu và thực hiện gia hạn nợ trên hệ thống Intellect phải hoàn thành trước khi khóa Sổ kế toán của ngày giao dịch đó.

- Danh sách người vay đủ điều kiện gia hạn nợ được lưu tại bộ phận tín dụng

Bước 3: kết thúc giao dịch xã, khi trở về trụ sở NHCSXH

- Cán bộ tín dụng trình Trưởng phòng/Tổ trưởng tổ NVTĐ ký kiểm soát, trình Giám đốc/Người được ủy quyền phê duyệt cho gia hạn nợ trên Giấy đề nghị gia hạn nợ của từng người vay khớp đúng với nội dung đã phê duyệt trên “Danh sách người vay đủ điều kiện gia hạn nợ”.

- Chuyển Giấy đề nghị gia hạn nợ được phê duyệt cho bộ phận kế toán lưu hồ sơ cho vay, đồng thời:

+ Lập “Thông báo kết quả phê duyệt gia hạn nợ” theo Mẫu **09.1/TD** gửi Tổ trưởng TK&VV để gửi cho hộ vay lưu giữ.

+ Lập “Thông báo Danh sách người vay không được gia hạn nợ” theo mẫu **09.2/TD** trình Giám đốc phê duyệt, gửi Tổ trưởng TK&VV để thông báo và đôn đốc tổ viên trả nợ.

-Việc thông báo kết quả phê duyệt gia hạn nợ tại cuộc họp giao ban và sinh hoạt Tổ được thực hiện như điểm 2.1 nêu trên.

10.4. Chuyển nợ quá hạn

- NHCSXH sẽ chuyển nợ quá hạn khi hộ vay:

+ Sử dụng vốn vay sai mục đích.

+ Có khả năng trả khoản nợ đến hạn nhưng không trả hoặc đến kỳ hạn trả nợ cuối cùng, hộ vay không được Ngân hàng cho gia hạn nợ

Sau khi chuyển nợ quá hạn, NHCSXH phối hợp với chính quyền sở tại, các tổ chức Hội, đoàn thể có biện pháp tích cực để thu hồi nợ.

11. Xử lý nợ rủi ro

Thực hiện theo Quyết định số 62/QĐ-HĐQT ngày 27/9/2021 của Hội đồng quản trị NHCSXH và các văn bản liên quan khác.

12. Kiểm tra

- Trước khi phát tiền vay cho người vay, NHCSXH phải kiểm tra:

+ Người vay phải là thành viên của Tổ TK&VV do tổ chức Hội, đoàn thể thành lập theo văn bản hướng dẫn của NHCSXH.

+ Người vay có tên trong Danh sách (Mẫu số 03/TD) do Tổ TK&VV bình xét, lập danh sách và được UBND cấp xã xác nhận.

- NHCSXH uỷ thác cho tổ chức Hội, đoàn thể kiểm tra việc sử dụng vốn vay của từng hộ vay trong phạm vi 30 ngày kể từ ngày nhận tiền vay và kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất (Mẫu số 06/TD). Kết quả kiểm tra của tổ chức Hội, đoàn thể được gửi cho NHCSXH để lưu trữ.

Ngoài ra, NHCSXH phối hợp với tổ chức Hội, đoàn thể kiểm tra việc sử dụng vốn vay và chấp hành quy định cho vay đối với người vay khi cần thiết.

CÁC VĂN BẢN LIÊN QUAN

1. Văn bản 316/NHCS-TD ngày 02/5/2003 V/v Hướng dẫn nghiệp vụ cho vay hộ nghèo.
2. Văn bản 2628/NHCS-NVTD ngày 15/12/2004 V/v Hướng dẫn nghiệp vụ cho vay một phần nhu cầu thiết yếu trong sinh hoạt đối với hộ nghèo.
3. Văn bản số 676/NHCS-TD ngày 22/4/2007 V/v Sửa đổi một số điểm văn bản 316/NHCS-KH.
4. Văn bản số 1003/NHCS-TDNN ngày 12/4/2013 hướng dẫn nghiệp vụ cho vay vốn đối với hộ cận nghèo theo QĐ số 15/QĐ-TTg ngày 23/02/2013 của TTCP.
5. Văn bản số 2859/NHCS-TDNN ngày 13/8/2015 V/v Hướng dẫn nghiệp vụ cho vay vốn đối với hộ mới thoát nghèo theo QĐ số 28/2015/QĐ-TTg ngày 21/7/2015 của TTCP.
6. Văn bản 4710/NHCS-TDNN ngày 24/11/2016 V/v Hướng dẫn thực hiện cho vay bổ sung vốn để khôi phục SXKD đối với khách hàng vay vốn bị rủi ro do nguyên nhân khách quan.
7. Văn bản 4086/NHCS-TDNN ngày 26/10/2016 V/v Sửa đổi thủ tục, quy trình gia hạn nợ thông thường.
8. Văn bản 767/NHCS-TD-KH-CNTT ngày 9/4/2009 V/v Một số vướng mắc sau hội nghị tập huấn nghiệp vụ tháng 3/2009 (quy định về Nợ khó đòi).
9. Văn bản 720/NHCS-TDNN-HSSV ngày 29/3/2011 V/v Hướng dẫn sửa đổi, bổ sung, thay thế một số điểm trong các văn bản hướng dẫn nghiệp vụ cho vay hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác.
10. Văn bản 3105/NHCS-TDNN-HSSV- QL&XLNRR- KHNVTTCNTT ngày 10/9/2015 trả lời vướng mắc sau Hội nghị chuyên đề tổ chức tại tỉnh Nghệ An.
11. Văn bản số 1129/NHCS-TDNN ngày 29/4/2014 V/v Nâng mức cho vay tối đa đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo.
12. Văn bản số 866/NHCS-TDNN ngày 22/02/2019 V/v Nâng mức cho vay và thời hạn cho vay tối đa.
13. Văn bản số 3543/NHCS-TDNN ngày 6/6/2019 V/v Giải đáp vướng mắc khi thực hiện chính sách đối với hạ sĩ quan, binh sĩ phục vụ tại ngũ.
14. Văn bản số 5650/NHCS-TDNN ngày 28/12/2016 V/v bổ sung nội dung giao dịch dân sự giữa NHCSXH với hộ gia đình vay vốn kể từ ngày 01/01/2017.
15. Các văn bản khác có liên quan.

II. CHƯƠNG TRÌNH CHO VAY TẠI VÙNG KHÓ KHĂN

Bao gồm:

- Cho vay hộ gia đình sản xuất kinh doanh tại vùng khó khăn.
- Cho vay Thương nhân hoạt động thương mại tại vùng khó khăn.

1. Đối tượng được vay vốn

a. Chương trình cho vay Hộ sản xuất, kinh doanh tại vùng khó khăn

Các hộ gia đình theo quy định của Bộ Luật dân sự (bao gồm cả hộ gia đình làm kinh tế trang trại) không thuộc diện hộ nghèo thực hiện các hoạt động sản xuất, kinh doanh tại vùng khó khăn trong những lĩnh vực mà pháp luật không cấm (danh mục vùng khó khăn theo Quyết định 1010/QĐ- TTg ngày 10/8/2018 của Thủ tướng Chính phủ).

b. Chương trình cho vay Thương nhân hoạt động thương mại tại vùng khó khăn:

Các thương nhân hoạt động thương mại thường xuyên ở vùng khó khăn (gọi tắt là người vay).

* Thương nhân bao gồm tổ chức kinh tế được thành lập hợp pháp, cá nhân hoạt động thương mại một cách độc lập, thường xuyên và có đăng ký kinh doanh.

- Thương nhân là tổ chức kinh tế bao gồm: doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp tư nhân, công ty hợp danh, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, hợp tác xã có tên riêng, có tài sản, có trụ sở giao dịch ổn định, được đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật nhằm mục đích thực hiện các hoạt động kinh doanh.

- Thương nhân là cá nhân bao gồm:

+ Thương nhân là cá nhân không thực hiện mở sổ sách kế toán và nộp thuế khoán theo quy định của cơ quan thuế;

+ Thương nhân là cá nhân thực hiện mở sổ sách kế toán và kê khai nộp thuế theo quy định của pháp luật.

2. Nguyên tắc cho vay

a. Người vay phải sử dụng vốn vay đúng mục đích xin vay.

b. Người vay phải trả nợ đúng hạn gốc và lãi theo cam kết với Ngân hàng.

* Lưu ý: đối với cho vay hộ gia đình sản xuất kinh doanh tại vùng khó khăn có thêm nguyên tắc người vay vốn có thể vay đầu tư một hoặc nhiều dự án, hoặc phương án sản xuất, kinh doanh nhưng tổng dư nợ cho một hộ gia đình vay vốn tại một thời điểm không vượt quá mức cho vay tối đa của chương trình.

3. Điều kiện vay vốn

a. Chương trình cho vay Hộ sản xuất, kinh doanh tại vùng khó khăn

- Người vay vốn phải có dự án hoặc phương án sản xuất, kinh doanh được Ủy ban nhân dân xã nơi thực hiện dự án hoặc phương án sản xuất, kinh doanh xác nhận.

+ Đối với món vay đến 50 triệu đồng: Trên Giấy đề nghị vay vốn kèm phương án sử dụng vốn vay (mẫu số 01/TD) phải được UBND cấp xã xác nhận với nội dung “Có phương án sản xuất kinh doanh được thực hiện tại địa phương”.

+ Đối với món vay trên 50 triệu đồng: Trên mẫu 01A/TD phải được UBND cấp xã xác nhận với nội dung “Có phương án sản xuất kinh doanh được thực hiện tại địa phương”.

- Người vay vốn phải có năng lực hành vi dân sự đầy đủ.

- Người vay vốn cư trú hợp pháp tại nơi thực hiện dự án hoặc phương án sản xuất kinh doanh.

* Đối với món vay trên 50 triệu đồng phải có thêm điều kiện sau:

- Có vốn tự có tham gia tối thiểu bằng 20% tổng nhu cầu vốn của dự án hoặc phương án sản xuất, kinh doanh.

- Cam kết sử dụng tài sản hình thành từ vốn vay làm tài sản bảo đảm tiền vay.

b. Chương trình cho vay Thương nhân hoạt động thương mại tại vùng khó khăn

Thương nhân vay vốn phải đáp ứng các điều kiện sau:

- Được Ủy ban nhân dân cấp xã nơi thương nhân hoạt động thương mại xác nhận có thực hiện hoạt động thương mại thường xuyên trên địa bàn.

+ Thương nhân là cá nhân: phải có xác nhận của UBND cấp xã trên Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (có chứng thực hoặc công chứng) hoặc trên Giấy đề nghị vay vốn kèm phương án sử dụng vốn vay (mẫu 01/TD) hoặc xác nhận riêng với nội dung “Là thương nhân có thực hiện hoạt động thương mại thường xuyên trên địa bàn” ^{VB 5077, vb 4098}). Thương nhân là cá nhân đứng tên trên Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, có nhu cầu vay vốn chương trình tín dụng tại vùng khó khăn thì thương nhân là cá nhân đó phải trực tiếp là người đứng tên vay vốn. ^{Vb 3791}

+ Thương nhân là tổ chức kinh tế: phải có Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (có chứng thực hoặc công chứng); được UBND cấp xã xác nhận trên Giấy đề nghị vay vốn mẫu số 01/DNV&N là thương nhân hoạt động thương mại thường xuyên trên địa bàn. Trường hợp tổ chức kinh tế mở văn phòng đại diện hoặc chi nhánh tại vùng khó khăn phải có thêm Giấy phép hoạt động. Có vốn tự có tham gia tối thiểu bằng 20% tổng nhu cầu vốn vay cho hoạt động thương mại tại vùng khó khăn.

- Thương nhân vay vốn trên 50 triệu đồng phải thực hiện bảo đảm tiền vay theo quy định.

*** Ghi chú: Vốn tự có tham gia vào dự án, phương án SXKD gồm:**

- Vật tư: nguyên vật liệu, phân bón, giống cây trồng, vật nuôi...
- Quyền sử dụng đất: giá trị quyền sử dụng đất mà hộ nắm giữ theo giá trị thị trường. Trường hợp đi thuê là giá tiền thuê đã được thanh toán cho thời hạn thuê đất còn được sử dụng.
- Giá trị tài sản trên đất: tính theo giá trị thị trường. Trường hợp đi thuê là giá tiền thuê đã được thanh toán cho thời hạn thuê tài sản còn được sử dụng.
- Lao động: giá trị ngày công lao động mà người vay tham gia phương án sản xuất.
- Vốn bằng tiền: tiền mặt, dư có các tài khoản tiền gửi tại các ngân hàng, giá trị các chứng chỉ, kỳ phiếu, trái phiếu, cổ phiếu...

4. Mục đích sử dụng vốn vay

a. Đối với chương trình cho vay Hộ gia đình sản xuất, kinh doanh tại vùng khó khăn:

(1) Mua sắm vật tư, thiết bị, phương tiện phục vụ sản xuất; cây trồng, vật nuôi, sửa chữa, xây dựng mới nhà xưởng sản xuất, kinh doanh (SXKD); xây dựng và cải tạo đồng ruộng, trang trại chăn nuôi; các nhu cầu về vệ sinh môi trường; thanh toán tiền thuê nhân công và các dịch vụ phục vụ sản xuất, kinh doanh.

(2) Góp vốn thực hiện các dự án hoặc phương án hợp tác SXKD: người vay và các bên góp vốn tự nguyện sử dụng vốn vay góp vốn với các hộ, các tổ hợp, các chủ trang trại, các tổ chức kinh tế trên địa bàn đang cùng sinh sống, có truyền thống làm ăn giỏi, trực tiếp thực hiện các phương án sản xuất.

(3) Giải quyết một phần nhu cầu thiết yếu về nhà ở, điện thắp sáng và đào tạo tay nghề có liên quan mật thiết đến dự án hoặc phương án SXKD.

Lưu ý: NHCSXH không cho vay

- Góp vốn kinh doanh tiền tệ như mua bán chứng khoán, mua xổ số...
- Dự án, phương án SXKD những mặt hàng thuộc danh mục hàng hóa cấm lưu thông, dịch vụ thương mại cấm thực hiện.

b. Đối với chương trình cho vay thương nhân hoạt động thương mại tại vùng khó khăn:

(1) Đầu tư xây dựng trụ sở, cửa hàng, kho tàng, trang thiết bị và các tài sản khác.

(2) Mua sắm hàng hoá gồm máy móc, thiết bị, nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, hàng tiêu dùng, các động sản khác được lưu thông trên thị trường.

(3) Góp vốn với các tổ chức, cá nhân khác để thực hiện các dự án sản xuất kinh doanh tại địa bàn vùng khó khăn.

5. Mức cho vay

- Tối đa 50 triệu đồng: cho vay hộ gia đình và thương nhân là cá nhân không mở sổ sách kế toán và nộp thuế khoán theo quy định của cơ quan thuế.
- Trên 50 triệu đồng đến 100 triệu đồng: cho vay thương nhân là cá nhân thực hiện mở sổ sách kế toán và kê khai nộp thuế theo quy định của pháp luật; hộ gia đình sản xuất kinh doanh tại vùng khó khăn.
- Tối đa 500 triệu đồng: cho vay thương nhân là tổ chức kinh tế.

6. Lãi suất cho vay

- Lãi suất cho vay: thực hiện theo quy định của Thủ tướng Chính phủ từng thời kỳ. Lãi suất cho vay hiện nay là 9%/năm.
- Lãi suất nợ quá hạn bằng 130% lãi suất cho vay.

7. Thời hạn cho vay

a. NHCSXH áp dụng loại cho vay: ngắn hạn, trung hạn và dài hạn.

- Cho vay ngắn hạn là các khoản vay có thời hạn cho vay đến 12 tháng.
- Cho vay trung hạn là các khoản vay có thời hạn cho vay từ trên 12 tháng đến 60 tháng.
- Cho vay dài hạn là các khoản vay có thời hạn từ trên 60 tháng.

Lưu ý: đối với chương trình cho vay thương nhân hoạt động thương mại: Thời hạn cho vay tối đa không quá 5 năm và tối đa không quá thời hạn hoạt động còn lại theo Giấy phép hoạt động (nếu có).

b. Định kỳ hạn nợ, căn cứ:

- Chu kỳ sản xuất kinh doanh;
- Thời hạn thu hồi vốn của phương án sản xuất kinh doanh;
- Khả năng trả nợ của người vay;
- Nguồn vốn cho vay của NHCSXH.

c. Định kỳ hạn trả nợ gốc, lãi:

- Món vay ngắn hạn: trả nợ gốc 1 lần khi đến hạn.
- Món vay trung, dài hạn: định kỳ trả nợ 6 tháng hoặc 01 năm 01 lần.

Lưu ý: đối với cho vay dài hạn chương trình Hộ gia đình sản xuất kinh doanh vùng khó khăn được ân hạn tối đa là 2 năm. Thời gian ân hạn cụ thể do Giám đốc NHCSXH nơi cho vay quyết định. Trong thời gian ân hạn, người vay chưa phải trả nợ gốc nhưng phải trả lãi theo tháng.

d. Thời gian gia hạn nợ:

- Các khoản cho vay ngắn hạn tối đa bằng thời hạn đã cho vay.
- Các khoản cho vay trung hạn và dài hạn tối đa bằng 1/2 thời hạn cho vay ghi trên Sổ vay vốn hoặc Hợp đồng tín dụng.

8. Phương thức cho vay

- NHCSXH ủy thác một số nội dung công việc trong quy trình cho vay thông qua các tổ chức Hội, đoàn thể (gọi tắt là cho vay theo phương thức ủy thác):
 - + Hộ gia đình sản xuất, kinh doanh vay đến 50 triệu đồng.
 - + Thương nhân là cá nhân.
- NHCSXH trực tiếp cho vay:
 - + Hộ gia đình sản xuất, kinh doanh vay trên 50 triệu đồng.
 - + Thương nhân là tổ chức kinh tế.

9. Hồ sơ, thủ tục và quy trình cho vay**9.1. Chương trình cho vay Hộ sản xuất, kinh doanh vùng khó khăn:**

a. Đối với mức vay đến 50 triệu đồng: thủ tục và quy trình thực hiện như cho vay hộ nghèo.

b. Đối với mức vay trên 50 triệu đồng đến 100 triệu đồng:*** Hồ sơ cho vay, gồm:**

- Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sản xuất (Mẫu số 01A/TD).
- Phiếu thẩm định (Mẫu số 02/TD).
- Thông báo kết quả phê duyệt cho vay (Mẫu số 04/TD).
- Khế ước nhận nợ kiêm cam kết bảo đảm tiền vay bằng tài sản hình thành từ vốn vay (Mẫu số 05/TD). Khế ước nhận nợ kiêm cam kết bảo đảm tiền vay bằng tài sản hình thành từ vốn vay bổ sung (Mẫu số 05A/TD).

*** Quy trình cho vay:**

- Người vay viết Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sản xuất theo Mẫu 01A/TD, xin xác nhận của UBND cấp xã, gửi NHCSXH nơi cho vay.
- Cán bộ NHCSXH được phân công tiến hành thẩm định theo (Mẫu số 02/TD). Sau đó trình Trưởng phòng hoặc Tổ trưởng tín dụng thẩm định lại (nếu cần thiết) trình Giám đốc phê duyệt.
- Nếu được phê duyệt cho vay, NHCSXH và người vay lập Khế ước nhận nợ kiêm cam kết bảo đảm tiền vay bằng tài sản hình thành từ vốn vay (mẫu số 05/TD). Nếu không được vay thì lập thông báo theo (mẫu số 04/TD) gửi người vay.

9.2. Chương trình cho vay thương nhân hoạt động thương mại tại vùng khó khăn

a. Thương nhân là cá nhân

*** Hồ sơ cho vay, gồm:**

- + Giấy đề nghị vay vốn kèm phương án sử dụng vốn vay (mẫu số 01/TD);
- + Danh sách hộ gia đình đề nghị vay vốn NHCSXH (mẫu số 03/TD);
- + Biên bản họp Tổ TK&VV (mẫu số 10C/TD);
- + Sổ vay vốn.
- + Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (Bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao và xuất trình bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực);

UBND cấp xã thực hiện việc xác nhận trên bản sao có chứng thực hoặc công chứng Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (doanh nghiệp) của thương nhân. Ngoài ra, UBND cấp xã có thể xác nhận trên giấy đề nghị của người vay hoặc xác nhận riêng với nội dung “Là thương nhân có thực hiện hoạt động thương mại thường xuyên trên địa bàn”.

- Đối với thương nhân là cá nhân không thực hiện mở sổ sách kế toán và nộp thuế khoán phải có thêm “Thông báo nộp thuế khoán của cơ quan Thuế kỳ trước liền kề (Bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao và xuất trình bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực)” hoặc quyết định miễn thuế đối với thương nhân hoạt động sản xuất kinh doanh tại vùng khó khăn được Nhà nước miễn thuế (nếu có).^{vb4098}

- Đối với thương nhân là cá nhân thực hiện mở sổ sách kế toán và nộp các loại thuế theo quy định của pháp luật phải có thêm “Tờ khai thuế hoặc Quyết toán thuế (Bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao và xuất trình bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực)”. Trường hợp Thương nhân được miễn thuế thì phải cung cấp cho NHCSXH nơi cho vay Quyết định miễn thuế. Trường hợp địa phương, cơ quan thuế không gửi cho Thương nhân thông báo nộp thuế khoán thì người vay cung cấp Biên lai thu thuế của kỳ trước liền kề”.

+ Hồ sơ bảo đảm tiền vay đối với trường hợp vay trên 50 triệu đồng: Thực hiện theo quy định về bảo đảm tiền vay đang thực hiện tại NHCSXH (vb 3768)

*** Quy trình cho vay: thực hiện như cho vay hộ nghèo**

Lưu ý: khi Người vay viết giấy đề nghị kèm phương án sử dụng vốn vay kèm Bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao và xuất trình bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực các loại giấy tờ: Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Thông báo nộp thuế hoặc tờ khai nộp thuế (quyết toán thuế) gửi tổ TK&VV.

b. Thương nhân là tổ chức kinh tế

*** Hồ sơ cho vay, gồm:** hồ sơ pháp lý; hồ sơ kinh tế; hồ sơ vay vốn.

- **Hồ sơ pháp lý:** tùy theo loại hình tổ chức kinh tế người vay gửi cho Ngân hàng bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao và xuất trình bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực (trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp); nộp bản sao có chứng thực (trường hợp nộp hồ sơ qua bưu điện) với các loại giấy tờ sau:

- + Điều lệ Doanh nghiệp, Điều lệ Hợp tác xã (trừ Doanh nghiệp tư nhân);
- + Quyết định bổ nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị (nếu có), Tổng giám đốc (Giám đốc), Kế toán trưởng;
- + Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh. Trường hợp tổ chức kinh tế mở văn phòng đại diện hoặc chi nhánh tại vùng khó khăn phải có thêm Giấy phép hoạt động;
- + Giấy phép hành nghề đối với các trường hợp hoạt động thương mại phải có giấy phép hành nghề (ví dụ: kinh doanh Dược phẩm);
- + Biên bản góp vốn, danh sách thành viên sáng lập (Công ty Cổ phần, Công ty Trách nhiệm hữu hạn, Công ty hợp danh);
- + Các giấy tờ về đăng ký mẫu dấu, chữ ký và mở tài khoản;
- + Sổ lượng xã viên, danh sách Ban quản trị, Ban kiểm soát (đối với HTX);
- + Biên bản đã thông qua tại Hội nghị thành lập HTX (đối với Hợp tác xã).

- Hồ sơ kinh tế:

- + Kế hoạch sản xuất kinh doanh định kỳ;
- + Báo cáo tài chính và kết quả thực hiện kinh doanh kỳ trước liền kề.

- Hồ sơ vay vốn:

- + Giấy đề nghị vay vốn (Mẫu số 01/DNV&N);
- + Dự án, phương án sản xuất, kinh doanh, dịch vụ (do người vay lập);
- + Hồ sơ bảo đảm tiền vay theo quy định;
- + Phiếu thẩm định, tái thẩm định (Mẫu số 02/DNV&N);
- + Thông báo phê duyệt cho vay (Mẫu số 04/TD);
- + Hợp đồng tín dụng (Mẫu số 03/DNV&N);
- + Biên bản kiểm tra sau khi cho vay (Mẫu số 06/DNV&N);

*** Quy trình cho vay:**

- Người vay có nhu cầu vay vốn viết Giấy đề nghị vay vốn (Mẫu số 01/DNV&N) có xác nhận của UBND cấp xã. Sau đó người vay nộp trực tiếp hồ sơ cho vay về NHCSXH nơi cho vay.

- NHCSXH nơi cho vay sau khi nhận được Giấy đề nghị vay vốn (Mẫu số 01/DNV&N) và các hồ sơ theo quy định, cán bộ tín dụng tiến hành thẩm định theo Mẫu số 02/DNV&N.

- Căn cứ vào kết quả thẩm định của cán bộ tín dụng, Trưởng phòng hoặc Tổ trưởng Tín dụng có trách nhiệm kiểm tra tính hợp pháp, hợp lệ của hồ sơ hoặc thẩm định lại (nếu cần thiết) trình Giám đốc phê duyệt.

- Nếu được phê duyệt cho vay, cán bộ tín dụng được phân công hướng dẫn người vay lập Hợp đồng bảo đảm tiền vay theo quy định. Trường hợp không được vay, thì lập Thông báo theo Mẫu số 04/TD gửi người vay.

- Sau khi hoàn thành thủ tục bảo đảm tiền vay theo quy định, người vay cùng NHCSXH lập Hợp đồng tín dụng (mẫu số 03/DNV&N). Người vay được lựa chọn và thỏa thuận với Ngân hàng áp dụng 1 trong 2 hình thức cho vay từng lần hoặc cho vay theo hạn mức tín dụng.

10. Tổ chức giải ngân, thu nợ, thu lãi:

10.1. Đối với phương thức cho vay trực tiếp có ủy thác một số nội dung công việc cho các tổ chức chính trị - xã hội: thực hiện như cho vay đối với hộ nghèo.

10.2. Đối với phương thức cho vay trực tiếp:

a) Trường hợp đối với mức vay trên 50 triệu đồng đến 100 triệu đồng:

- NHCSXH trực tiếp giải ngân cho người vay một hoặc nhiều lần bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản. Người vay phải có chứng minh nhân dân. Trường hợp người vay không trực tiếp đến nhận tiền vay, được ủy quyền cho thành viên trong hộ lĩnh tiền nhưng phải có giấy ủy quyền có xác nhận của UBND cấp xã.

- Mỗi lần thu nợ, thu lãi cán bộ ngân hàng ghi đầy đủ nội dung và ký xác nhận theo quy định.

b) Trường hợp Thương nhân là tổ chức kinh tế thực hiện như sau:

*** Giải ngân:**

- Phải mở tài khoản tiền gửi tại NHCSXH nơi cho vay, để thực hiện các hình thức thanh toán không dùng tiền mặt và trả nợ Ngân hàng.

- Người vay trực tiếp đến nhận tiền vay tại Ngân hàng. Trường hợp người vay không trực tiếp đến nhận tiền vay, được ủy quyền cho thành viên khác bằng văn bản có xác nhận của Thủ trưởng đơn vị.

- Trường hợp giải ngân đối với cho vay từng lần: ngân hàng tiến hành giải ngân trực tiếp bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản theo yêu cầu của người vay.

- Trường hợp giải ngân cho vay theo hạn mức: mỗi lần nhận tiền vay người vay viết Giấy nhận nợ, tổng số tiền nhận nợ lần này cộng (+) dư nợ không

được vượt quá hạn mức tối đa đã được phê duyệt. Ngân hàng trực tiếp giải ngân bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản theo yêu cầu của người vay.

*** Thu nợ, thu lãi tiền vay:**

- NHCSXH thu trực tiếp tại trụ sở nơi cho vay. Người vay nếu áp dụng loại cho vay theo hạn mức có thể trả nợ trực tiếp vào tài khoản tiền vay hoặc trích từ tài khoản tiền gửi để trả nợ hàng ngày hoặc theo chu kỳ kinh doanh thương mại.

- Việc thu lãi được thực hiện theo tháng tại trụ sở NHCSXH nơi cho vay.

- Mỗi lần thu nợ, thu lãi, kế toán NHCSXH nơi cho vay lập phiếu thu tiền, căn cứ vào chứng từ, kế toán ghi vào hồ sơ cho vay lưu tại NHCSXH và hồ sơ người vay giữ theo đúng quy định.

11. Bảo đảm tiền vay và thủ tục đảm bảo

a. Đối với Chương trình cho vay Hộ sản xuất, kinh doanh vùng khó khăn:

- Mức cho vay đến 50 triệu đồng, thì không phải thực hiện bảo đảm tiền vay nhưng người vay phải là thành viên Tổ TK&VV trên địa bàn do các tổ chức chính trị - xã hội thành lập.

- Mức cho vay trên 50 triệu đồng đến 100 triệu đồng, thì người vay phải có vốn tự có tham gia vào phương án sản xuất tối thiểu bằng 20% và phải thực hiện bảo đảm tiền vay bằng tài sản hình thành từ vốn vay theo quy định của pháp luật về giao dịch bảo đảm.

b. Đối với Chương trình cho vay thương nhân hoạt động thương mại tại vùng khó khăn:

- Mức cho vay đến 50 triệu đồng, thì người vay không phải thực hiện bảo đảm tiền vay.

- Mức cho vay trên 50 triệu đồng đến 500 triệu đồng người vay phải thực hiện bảo đảm tiền vay theo quy định của NHCSXH.

12. Xử lý nợ đến hạn

Đến hạn trả nợ, người vay có trách nhiệm trả nợ gốc, lãi đầy đủ. Trường hợp chưa trả được do nguyên nhân khách quan thì xử lý như sau:

a. Điều chỉnh kỳ hạn nợ: áp dụng với khoản vay trung hạn và dài hạn

- Đối với mức vay đến 50 triệu đồng: người vay gặp khó khăn chưa trả được nợ gốc theo đúng kỳ hạn trả nợ thì được theo dõi vào kỳ hạn trả nợ tiếp theo (không chuyển nợ quá hạn của từng kỳ hạn).

- Đối với mức vay trên 50 triệu đồng: người vay chưa trả nợ gốc đúng kỳ hạn đã cam kết thì trước 05 ngày phải có Giấy đề nghị điều chỉnh kỳ hạn nợ (với

thương nhân là tổ chức kinh tế viết theo mẫu 08/DNV&N) gửi NHCSXH nơi cho vay xem xét điều chỉnh kỳ hạn trả nợ vào kỳ tiếp theo.

b. Gia hạn nợ:

- Đối với cho vay thương nhân cá nhân, cho vay Hộ gia đình sản xuất, kinh doanh vùng khó khăn đến 50 triệu đồng: thực hiện theo hướng dẫn tại văn bản 4086/NHCS-TDNN ngày 26/10/2016 về việc sửa đổi thủ tục quy trình gia hạn nợ thông thường.

- Đối với thương nhân là tổ chức kinh tế, hộ gia đình sản xuất kinh doanh vùng khó khăn vay trên 50 triệu đồng: trước 05 ngày của kỳ hạn trả nợ cuối cùng, người vay không trả được nợ phải có Giấy đề nghị gia hạn nợ theo mẫu (với thương nhân là tổ chức kinh tế viết theo mẫu 09/DNV&N; với hộ gia đình sản xuất kinh doanh tại vùng khó khăn viết theo mẫu 09/TD) gửi NHCSXH nơi cho vay xem xét cho gia hạn nợ.

Thời hạn gia hạn nợ đối với cho vay ngắn hạn tối đa bằng thời hạn đã cho vay, đối với cho vay trung hạn, dài hạn tối đa bằng 1/2 thời hạn đã cho vay.

c. Cho vay lưu vụ: chỉ áp dụng đối với loại cho vay ngắn hạn chương trình Hộ gia đình sản xuất, kinh doanh tại vùng khó khăn.

Điều kiện cho vay lưu vụ; mức cho vay lưu vụ; thời hạn cho vay lưu vụ; thủ tục cho vay lưu vụ: thực hiện như cho vay hộ nghèo.

Lưu ý: nghiêm cấm thực hiện việc hạch toán giả cho vay, giả thu nợ. Mọi trường hợp cho vay lưu vụ, NHCSXH phải ghi đầy đủ các yếu tố theo quy định vào cả sổ lưu tại NHCSXH và Sổ vay vốn của người vay giữ.

13. Chuyển nợ quá hạn

NHCSXH thực hiện chuyển nợ quá hạn trong các trường hợp sau đây:

- Đến hạn trả nợ phân kỳ (đối với cho vay trung hạn, dài hạn và món vay trên 50 triệu đồng), người vay không được ngân hàng xem xét cho điều chỉnh kỳ hạn nợ thì chuyển số tiền đến hạn của kỳ hạn đó sang nợ quá hạn.

- Đến thời hạn trả nợ cuối cùng, người vay không trả được nợ, NHCSXH không chấp thuận cho gia hạn nợ thì chuyển dư nợ còn lại sang nợ quá hạn.

- Người vay sử dụng vốn sai mục đích, NHCSXH nơi cho vay thực hiện thu hồi nợ trước hạn hoặc chuyển sang nợ quá hạn toàn bộ số dư nợ gốc.

Khi chuyển nợ quá hạn, NHCSXH lập thông báo đến người vay việc chuyển nợ quá hạn theo mẫu 14/TD (với Thương nhân là tổ chức kinh tế lập theo mẫu 05/DNV&V).

14. Kiểm tra vốn vay

a, Đối với cho vay Hộ sản xuất, kinh doanh vùng khó khăn:

- Đối với cho vay thông qua ủy thác: thực hiện như cho vay hộ nghèo
- Đối với cho vay trực tiếp: NHCSXH nơi cho vay tổ chức thực hiện kiểm tra trực tiếp tính hợp pháp, hợp lệ của bộ hồ sơ xin vay; kiểm tra tài sản bảo đảm tiền vay; Kiểm tra sử dụng vốn vay (Mẫu số 06/TD) và Biên bản kiểm tra sau khi cho vay theo mẫu 06/DNV&N (đối với thương nhân là tổ chức kinh tế).

Căn cứ vào kết quả kiểm tra, tùy theo mức độ vi phạm của người vay quyết định xử lý như sau: tạm ngừng cho vay; chấm dứt cho vay và thu hồi nợ trước hạn hoặc khởi kiện trước pháp luật.

b. Đối với cho vay Thương nhân hoạt động thương mại tại vùng khó khăn

NHCSXH có trách nhiệm kiểm tra, giám sát quá trình vay vốn, mục đích sử dụng vốn vay và trả nợ của người vay, nhằm đôn đốc người vay thực hiện đúng và đầy đủ những cam kết đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng, nội dung kiểm tra như sau:

- *Kiểm tra trước khi cho vay:* là việc thẩm định, tái thẩm định các điều kiện vay vốn theo quy định.

- *Kiểm tra trong khi cho vay:* là việc kiểm tra tính đầy đủ, hợp pháp, hợp lệ của hồ sơ cho vay và các yếu tố chứng từ; sự khớp đúng giữa Chứng minh thư nhân dân và người vay, giữa người nhận tiền và người có tên trên Giấy đề nghị vay vốn...

- *Kiểm tra sau khi cho vay:*

- + Kiểm tra sử dụng vốn vay theo mục đích đã ghi trong Hợp đồng tín dụng;
- + Kiểm tra tiến độ thực hiện dự án, phương án sản xuất, kinh doanh, dịch vụ;
- + Kiểm tra hiện trạng tài sản bảo đảm tiền vay với hồ sơ bảo đảm tiền vay (mẫu số 06/DNV&N).

- Kết quả kiểm tra phải được ghi vào Biên bản kiểm tra sau khi cho vay để theo dõi và quản lý (mẫu số 06/DNV&N)

15. Xử lý nợ rủi ro: thực hiện theo Quyết định số 62/QĐ-HĐQT ngày 27/9/2021 và các văn bản liên quan khác.

VĂN BẢN LIÊN QUAN

1. Quyết định số 31/2007/QĐ-TTg ngày 05/03/2007 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với hộ gia đình sản xuất, kinh doanh tại vùng khó khăn;

2. Quyết định số 92/2009/QĐ-TTg ngày 08/7/2009 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với thương nhân hoạt động thương mại tại vùng khó khăn.

3. Văn bản số 2479/NHCS-TDSV ngày 04/09/2009 của Tổng Giám đốc NHCSXH về hướng dẫn cho vay theo Quyết định số 92/2009/QĐ-TTg ngày 08/7/2009 của TTCP về tín dụng đối với thương nhân hoạt động thương mại tại vùng khó khăn.

4. Văn bản 677/NHCS-TD ngày 22/4/2007 của Tổng Giám đốc NHCSXH về việc hướng dẫn thực hiện cho vay vốn theo quyết định 31/2007/QĐ-TTg ngày 05/3/2007 của Thủ tướng Chính phủ. 5. Văn bản số 576/NHCS-TDSV ngày 14/3/2016 về việc điều chỉnh mức cho vay chương trình cho vay thương nhân hoạt động thương mại tại vùng khó khăn.

6. Văn bản 575/NHCS-TDSV ngày 14/3/2016 về việc điều chỉnh lãi suất chương trình cho vay hộ SXKD vùng khó khăn.

7. Văn bản 720/NHCS-TDNN-HSSV ngày 29/3/2011 hướng dẫn sửa đổi, bổ sung, thay thế một số điểm trong các văn bản hướng dẫn nghiệp vụ cho vay hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác.

8. Văn bản 4086/NHCS-TDNN ngày 26/10/2016 về việc sửa đổi thủ tục, quy trình gia hạn nợ thông thường.

9. Văn bản 5077/NHCS-TDSV ngày 02/12/2016 về việc xác nhận cho vay đối với hộ gia đình SXKD và thương nhân hoạt động thương mại tại vùng khó khăn.

10. Văn bản 5650/NHCS-TDNN ngày 28/12/2016 về việc bổ sung nội dung giao dịch dân sự giữa NHCSXH với hộ gia đình vay vốn kể từ ngày 01/01/2017.

11. Văn bản 1485/NHCS-TDSV ngày 29/3/2018 về hướng dẫn sửa đổi, bổ sung, thay thế một số điểm trong các văn bản hướng dẫn nghiệp vụ cho vay hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác.

12. Văn bản 3791/NHCS-TDSV ngày 20/6/2019 về việc hướng dẫn sửa đổi, bổ sung nghiệp vụ tín dụng tại vùng khó khăn.

13. Quyết định số 1010/QĐ-TTg ngày 10/8/2018 về đơn vị hành chính cấp xã thuộc vùng khó khăn.

14. Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 4/6/2021 về phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 – 2025.

15. Quyết định số 353/QĐ-TTg ngày 15/3/2022 về phê duyệt danh sách huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo giai đoạn 2021 – 2025.

16. Các văn bản có liên quan khác.

III. CHƯƠNG TRÌNH CHO VAY HỖ TRỢ TẠO VIỆC LÀM, DUY TRÌ VÀ MỞ RỘNG VIỆC LÀM

1. Đối tượng cho vay

- Cơ sở sản xuất, kinh doanh gồm: Doanh nghiệp nhỏ và vừa, Hợp tác xã, Tổ hợp tác, Hộ kinh doanh.

- Người lao động.
- Người được đặc xá, người được tha tù trước thời hạn có điều kiện, người chấp hành xong án phạt tù đã trở về cộng đồng.
- Người lao động bị thu hồi đất theo Quyết định số 63/2015/QĐ-TTg, ngày 10/12/2015 về chính sách hỗ trợ đào tạo nghề và giải quyết việc làm cho người lao động bị thu hồi đất.

2. Điều kiện cho vay

2.1. Đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh:

- Được thành lập và hoạt động hợp pháp;
- Có dự án vay vốn khả thi tại địa phương, phù hợp với ngành, nghề sản xuất kinh doanh duy trì hoặc thu hút thêm lao động vào làm việc ổn định;
- Dự án vay vốn có xác nhận của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền nơi thực hiện dự án;
- Có bảo đảm tiền vay theo quy định của pháp luật (nếu có).

2.2. Đối với người lao động:

- Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;
- Có nhu cầu vay vốn để tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm, có xác nhận của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền nơi thực hiện dự án;
- Cư trú hợp pháp tại địa phương nơi thực hiện dự án.

3. Mức cho vay:

Mức vay cụ thể do NHCSXH xem xét căn cứ vào nguồn vốn, chu kỳ sản xuất, kinh doanh, khả năng trả nợ của đối tượng vay vốn để thỏa thuận với đối tượng vay vốn.

- Cơ sở sản xuất, kinh doanh: Tối đa là **02** tỷ đồng/dự án và không quá **100** triệu đồng cho 01 người lao động được tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm.
- Người lao động: Tối đa **100** triệu đồng.

4. Lãi suất cho vay

- Bằng lãi suất cho vay đối với **hộ cận nghèo** theo quy định pháp luật về tín dụng đối với hộ cận nghèo.

Lưu ý: các trường hợp sau đây được vay vốn với mức lãi suất bằng 50% lãi suất cho vay vốn theo quy định trên:

- + Người lao động là người dân tộc thiểu số đang sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, người khuyết tật;

+ Cơ sở sản xuất, kinh doanh sử dụng từ 30% tổng số lao động trở lên là người khuyết tật;

+ Cơ sở sản xuất, kinh doanh sử dụng từ 30% tổng số lao động trở lên là người dân tộc thiểu số;

+ Cơ sở sản xuất, kinh doanh sử dụng từ 30% tổng số lao động trở lên là người khuyết tật và người dân tộc thiểu số.

- Lãi suất nợ quá hạn bằng 130% lãi suất cho vay.

5. Thời hạn cho vay

Tối đa 120 tháng (10 năm). Thời hạn cho vay cụ thể do NHCSXH xem xét căn cứ vào nguồn vốn, chu kỳ sản xuất, kinh doanh, khả năng trả nợ của đối tượng vay vốn để thỏa thuận với đối tượng vay vốn.

6. Điều kiện bảo đảm tiền vay

Cơ sở sản xuất, kinh doanh vay **từ 100 triệu đồng trở lên**, phải có tài sản bảo đảm tiền vay theo quy định pháp luật về giao dịch bảo đảm và các quy định hiện hành của NHCSXH.

7. Phương thức cho vay và thẩm quyền phê duyệt hồ sơ vay vốn

7.1. Phương thức cho vay

a) Đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh

NHCSXH thực hiện cho vay trực tiếp tại trụ sở chi nhánh NHCSXH cấp tỉnh hoặc trụ sở Phòng giao dịch (PGD) NHCSXH cấp huyện (sau đây gọi chung là NHCSXH nơi cho vay).

b) Đối với người lao động

- NHCSXH thực hiện cho vay trực tiếp tại trụ sở NHCSXH nơi cho vay đối với người lao động vay vốn thuộc nguồn vốn: Do cơ quan Trung ương của Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam, Liên minh Hợp tác xã Việt Nam, Hội Người mù Việt Nam quản lý.

- NHCSXH thực hiện cho vay trực tiếp có ủy thác một số nội dung công việc trong quá trình cho vay cho các tổ chức Chính trị - xã hội và thông qua tổ TK&VV đối với người lao động vay vốn thuộc nguồn vốn do:

+ Ủy ban nhân dân (UBND) cấp tỉnh, cơ quan Trung ương của Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Nông dân Việt Nam, Hội Cựu chiến binh Việt Nam quản lý;

+ NHCSXH huy động và nhận ủy thác từ các địa phương, các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước để cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm.

7.2. Thẩm quyền phê duyệt hồ sơ vay vốn

a) Chủ tịch UBND cấp huyện nơi thực hiện dự án xem xét, phê duyệt: Đối với dự án thuộc nguồn vốn do UBND cấp tỉnh quản lý.

b) Thủ trưởng cơ quan cấp tỉnh của tổ chức thực hiện chương trình xem xét, phê duyệt:

Đối với dự án thuộc nguồn vốn do cơ quan Trung ương của Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam, Liên minh Hợp tác xã Việt Nam, Hội Người mù Việt Nam, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Nông dân Việt Nam, Hội Cựu chiến binh Việt Nam quản lý.

c) Giám đốc NHCSXH nơi cho vay xem xét, phê duyệt:

Đối với dự án thuộc nguồn vốn do NHCSXH huy động và nhận ủy thác từ các địa phương, các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước để cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm: .

8. Thủ tục và quy trình cho vay

8.1. Đối với cho vay trực tiếp tại NHCSXH nơi cho vay

a) Đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh: Lập 02 bộ hồ sơ vay vốn

** Thủ tục cho vay chung:*

- Dự án vay vốn có xác nhận của UBND cấp xã nơi thực hiện dự án (Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định số 74/2019/NĐ-CP);

- Bản sao (có chứng thực hoặc bản sao từ sổ gốc do cơ quan có thẩm quyền cấp) một trong các giấy tờ sau: đối với Doanh nghiệp nhỏ và vừa là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; đối với Hợp tác xã là Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã; đối với Tổ hợp tác là Hợp đồng hợp tác; đối với Hộ kinh doanh là Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh;

Lưu ý: riêng Tổ hợp tác và Hộ kinh doanh có từ hai thành viên trở lên: Văn bản ủy quyền có công chứng hoặc chứng thực của UBND cấp xã do các thành viên ủy quyền cho một thành viên là người đại diện thực hiện các giao dịch liên quan đến vay vốn tại NHCSXH;

- Hồ sơ bảo đảm tiền vay (nếu có).

** Thủ tục bổ sung đối với các đối tượng ưu tiên được vay với mức lãi suất bằng 50% lãi suất cho vay theo quy định:*

- Cơ sở sản xuất kinh doanh sử dụng từ 30% tổng số lao động trở lên là người khuyết tật: bản sao Quyết định về việc công nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh sử dụng từ 30% tổng số lao động trở lên là người khuyết tật do Sở Lao động - Thương binh và Xã hội cấp;

- Cơ sở sản xuất kinh doanh sử dụng từ 30% tổng số lao động trở lên là người dân tộc thiểu số:

- + Danh sách lao động là người dân tộc thiểu số
- + Bản sao chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân hoặc giấy khai sinh
- + Bản sao hợp đồng lao động hoặc quyết định tuyển dụng của những người lao động trong danh sách;
- Cơ sở sản xuất kinh doanh sử dụng từ 30% tổng số lao động trở lên là người khuyết tật và người dân tộc thiểu số:
- + Danh sách lao động là người khuyết tật và người dân tộc thiểu số;
- + Bản sao giấy xác nhận khuyết tật của những người lao động là người khuyết tật do UBND cấp xã cấp;
- + Bản sao chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân hoặc giấy khai sinh của những người lao động là người dân tộc thiểu số
- + Bản sao hợp đồng lao động hoặc quyết định tuyển dụng của những người lao động trong danh sách.

* Lưu ý: đối với người lao động là dân tộc thiểu số có sử dụng thẻ căn cước công dân, thực hiện khai thác, sử dụng thông tin về cư trú của công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. Trường hợp chưa khai thác được thì yêu cầu khách hàng cung cấp Giấy xác nhận thông tin về cư trú còn giá trị tại thời điểm nhận hồ sơ hoặc Giấy thông báo số định danh cá nhân và thông tin công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

** Quy trình cho vay:*

(1) Cơ sở sản xuất kinh doanh: lập dự án vay vốn (Mẫu số 02), có xác nhận UBND cấp xã nơi thực hiện dự án và các giấy tờ nêu trên gửi tới NHCSXH nơi cho vay.

(2) NHCSXH nơi cho vay:

❖ Kiểm tra hồ sơ vay vốn và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt:

Trong thời hạn **10 ngày** làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ vay vốn của khách hàng, cán bộ tín dụng được phân công phải thực hiện:

- Kiểm tra, đối chiếu tính đầy đủ, hợp pháp, hợp lệ của bộ hồ sơ vay vốn.
- Lập 02 liên báo cáo thẩm định (mẫu số 05a/GQVL) trình Trưởng phòng (Tổ trưởng) Kế hoạch – Nghiệp vụ tín dụng kiểm soát.
- Trình Giám đốc nơi cho vay xem xét, phê duyệt, cụ thể:

(i) Đối với dự án thuộc nguồn vốn do UBND cấp tỉnh, cơ quan Trung ương của tổ chức thực hiện chương trình quản lý:

+ Giám đốc NHCSXH nơi cho vay: ký duyệt hồ sơ vay vốn và lập tờ trình mẫu 16/GQVL trình cấp có thẩm quyền quản lý vốn xem xét ra Quyết định phê duyệt cho vay.

+ Cấp có thẩm quyền quản lý vốn: xem xét ra quyết định trong thời hạn 5 ngày làm việc, tính từ khi nhận được hồ sơ trình duyệt.

✓ Nếu không phê duyệt cho vay thì trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

✓ NHCSXH nơi cho vay thông báo cho cơ sở sản xuất, kinh doanh đề nghị vay vốn theo mẫu 04a/GQVL.

(ii) Đối với dự án thuộc nguồn vốn do NHCSXH huy động và nhận ủy thác từ các địa phương, các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước để cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm:

+ Giám đốc NHCSXH nơi cho vay xem xét, phê duyệt cho vay.

+ Nếu không phê duyệt cho vay thì thông báo từ chối cho vay cho khách hàng biết theo mẫu 04a/GQVL.

❖ Lập, ký Hợp đồng tín dụng và lập hồ sơ bảo đảm tiền vay:

Sau khi có phê duyệt cho vay của Giám đốc NHCSXH nơi cho vay hoặc Quyết định phê duyệt cấp có thẩm quyền quản lý vốn, NHCSXH nơi cho vay cùng cơ sở sản xuất, kinh doanh:

- Lập Hợp đồng tín dụng theo mẫu số 07a/GQVL.

- Lập Hợp đồng bảo đảm tiền vay và đăng ký biện pháp bảo đảm tiền vay theo các quy định hiện hành của NHCSXH (nếu có).

❖ Trình phê duyệt giải ngân và giải ngân cho khách hàng:

- Cán bộ tín dụng được phân công tập hợp hồ sơ trình Giám đốc NHCSXH nơi cho vay phê duyệt giải ngân.

- NHCSXH thực hiện giải ngân tại trụ sở Ngân hàng nơi cho vay.

Lưu ý: trước khi phát tiền vay, NHCSXH nơi cho vay làm thủ tục nhập kho bản gốc Hợp đồng bảo đảm tiền vay đã công chứng và các giấy tờ liên quan đến tài sản bảo đảm theo quy định hiện hành (nếu có).

❖ Lưu giữ hồ sơ cho vay:

- Bộ phận kế toán: lưu 01 bộ hồ sơ cho vay và 01 liên Báo cáo thẩm định (mẫu 05a/GQVL).

- Bộ phận tín dụng: lưu mẫu 05/GQVL.

- Cơ sở sản xuất kinh doanh: lưu 01 bộ hồ sơ cho vay.

b) Đối với người lao động (vay vốn từ nguồn vốn do Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam, Liên minh các Hợp tác xã Việt Nam và Hội người mù Việt Nam quản lý).

* Thủ tục vay vốn:

- Người vay lập 02 liên Giấy đề nghị vay vốn (mẫu số 1 ban hành kèm theo Nghị định số 104/2022/NĐ-CP) có xác nhận của UBND cấp xã về việc có dự án thực hiện tại địa phương gửi NHCSXH nơi cho vay.

- Thực hiện khai thác, sử dụng thông tin về cư trú của công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. Trường hợp chưa khai thác được thì yêu cầu khách hàng cung cấp Giấy xác nhận thông tin về cư trú còn giá trị tại thời điểm nhận hồ sơ hoặc Giấy thông báo số định danh cá nhân và thông tin công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

* Quy trình cho vay:

❖ Kiểm tra hồ sơ vay vốn và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt:

Trong thời hạn **10 ngày** làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ vay vốn của khách hàng, cán bộ tín dụng được phân công phải thực hiện:

- Kiểm tra, đối chiếu tính đầy đủ, hợp pháp, hợp lệ của bộ hồ sơ

- Lập 02 liên Báo cáo thẩm định (Mẫu số 05b/GQVL) trình Trưởng phòng/Tổ trưởng Kế hoạch – Nghiệp vụ kiểm soát, trình Giám đốc xem xét, ký duyệt.

- Lập 2 liên Tờ trình về việc phê duyệt dự án vay vốn hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm (mẫu số 16/GQVL) để trình cấp có thẩm quyền quản lý vốn xem xét ra Quyết định phê duyệt cho vay. Cụ thể:

+ Cấp có thẩm quyền quản lý vốn xem xét ra Quyết định phê duyệt cho vay trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ trình duyệt.

✓ Nếu không phê duyệt cho vay thì trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

✓ NHCSXH nơi cho vay thông báo cho người đề nghị vay vốn biết theo mẫu 04a/GQVL.

❖ Lập, ký Hợp đồng tín dụng và giải ngân cho khách hàng:

- NHCSXH và người vay cùng lập Hợp đồng tín dụng theo mẫu số 07b/GQVL trình Giám đốc NHCSXH nơi cho vay phê duyệt giải ngân, sau khi có Quyết định phê duyệt cho vay của cấp có thẩm quyền quản lý,

- NHCSXH thực hiện giải ngân tại trụ sở NHCSXH.

❖ Lưu giữ hồ sơ cho vay:

- Bộ phận kế toán: lưu 01 bộ hồ sơ cho vay và 1 liên mẫu 05b/GQVL

- Bộ phận tín dụng: lưu 01 liên mẫu 05b/GQVL

- Người vay vốn: lưu 01 bộ hồ sơ cho vay.

8.2. Đối với cho vay trực tiếp cho người lao động có ủy thác cho các tổ chức chính trị - xã hội

*** Thủ tục vay vốn:**

- Người vay vốn: lập 02 liên Giấy đề nghị vay vốn (mẫu số 1 ban hành kèm theo Nghị định số 104/2022/NĐ-CP) gửi Tổ TK&VV nơi người vay đang cư trú hợp pháp.

- Tổ TK&VV: nhận hồ sơ của người vay, tiến hành họp Tổ để bình xét cho vay, kiểm tra các yếu tố trên hồ sơ vay vốn. Lập danh sách hộ gia đình đề nghị vay vốn NHCSXH (Mẫu số 03/TD) kèm Giấy đề nghị vay vốn trình UBND cấp xã xác nhận về nội dung người lao động cư trú hợp pháp tại địa phương; có nhu cầu vay vốn để tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm; thuộc đối tượng ưu tiên nếu có, sau đó gửi đến NHCSXH nơi cho vay.

Người vay chưa là tổ viên của Tổ TK&VV thì Tổ TK&VV tại thôn, tổ dân phố nơi người vay vốn đang cư trú hợp pháp tổ chức họp kết nạp bổ sung tổ viên, kể cả trường hợp người vay vốn thuộc hộ gia đình mà hộ gia đình đó đã là thành viên của Tổ TK&VV.

*** Quy trình cho vay:**

❖ Kiểm tra hồ sơ vay vốn và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt:

Trong thời hạn **10 ngày** làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ vay vốn của khách hàng, cán bộ tín dụng được phân công phải thực hiện:

- Kiểm tra, đối chiếu tính đầy đủ, hợp pháp, hợp lệ của bộ hồ sơ.
- Trình Trưởng phòng (Tổ trưởng) Kế hoạch - Nghiệp vụ tín dụng kiểm soát.
- Trình Giám đốc NHCSXH nơi cho vay xem xét, phê duyệt. Cụ thể:

(i) Đối với nguồn vốn do UBND cấp tỉnh hoặc cơ quan Trung ương của tổ chức thực hiện chương trình quản lý:

+ Giám đốc NHCSXH nơi cho vay ký duyệt trên danh sách theo mẫu số 03/TD và Lập tờ trình theo mẫu số 16/GQVL để trình cấp có thẩm quyền quản lý vốn xem xét ra Quyết định phê duyệt cho vay.

+ Cấp có thẩm quyền quản lý vốn xem xét ra Quyết định phê duyệt cho vay trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ trình duyệt.

- ✓ Nếu không phê duyệt cho vay thì trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.
- ✓ NHCSXH nơi cho vay thông báo cho người đề nghị vay vốn biết theo mẫu 04a/GQVL.

(ii) Đối với nguồn vốn do NHCSXH huy động và NHCSXH nhận ủy thác từ các địa phương, các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước để cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm:

+ Giám đốc NHCSXH nơi cho vay xem xét, phê duyệt cho vay trên mẫu 03/TD.

+ Nếu không phê duyệt cho vay thì thông báo từ chối cho vay cho khách hàng biết theo mẫu 04a/GQVL.

❖ Lập, ký Hợp đồng tín dụng và giải ngân cho khách hàng:

- NHCSXH và người vay cùng lập Hợp đồng tín dụng theo mẫu số 07b/GQVL trình Giám đốc NHCSXH nơi cho vay phê duyệt giải ngân, sau khi có Quyết định phê duyệt cho vay của cấp có thẩm quyền quản lý,

- NHCSXH nơi cho vay lập thông báo kết quả phê duyệt cho vay (Mẫu số 04/TD) gửi UBND cấp xã để thông báo cho người vay.

- NHCSXH thực hiện giải ngân tại Điểm giao dịch xã.

❖ Lưu giữ hồ sơ cho vay:

- Bộ phận kế toán: lưu 01 bộ hồ sơ cho vay.

- Người vay vốn: lưu 01 bộ hồ sơ cho vay.

Lưu ý: nguồn vốn Trung ương do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý phân bổ cho Hội người mù để lao động là người mù vay vốn thì thủ tục và quy trình cho vay được thực hiện theo quy trình “cho vay trực tiếp cho người lao động có ủy thác một số nội dung công việc trong quy trình cho vay cho các tổ chức chính trị - xã hội thông qua Tổ TK&VV”.

9. Tài khoản tiền gửi thanh toán của khách hàng vay vốn

- Cơ sở sản xuất kinh doanh, người lao động vay vốn theo phương thức cho vay trực tiếp tại trụ sở NHCSXH nơi cho vay:

+ Thực hiện mở tài khoản tiền gửi thanh toán tại NHCSXH nơi cho vay.

+ Thời điểm mở tài khoản tiền gửi thanh toán thực hiện trước khi NHCSXH nơi cho vay phát tiền vay.

- Người lao động vay vốn theo phương thức cho vay trực tiếp có ủy thác cho các tổ chức chính trị - xã hội: thực hiện mở tài khoản tiền gửi của tổ viên Tổ TK&VV.

10. Tổ chức giải ngân

- NHCSXH nơi cho vay có thể giải ngân một hay nhiều lần bằng chuyển khoản hoặc tiền mặt do khách hàng vay vốn và ngân hàng thỏa thuận nhưng

phải phù hợp với các quy định hiện hành của pháp luật, đồng thời yêu cầu khách hàng vay vốn ký nhận nợ vào Phụ lục Hợp đồng tín dụng, phần theo dõi cho vay - thu nợ.

Khách hàng vay vốn có trách nhiệm tuân thủ quy định về hóa đơn, chứng từ quy định của pháp luật và các quy định khác của pháp luật có liên quan và lưu giữ hóa đơn, chứng từ chứng minh mục đích sử dụng vốn vay.

11. Định kỳ hạn trả nợ, trả lãi

- Định kỳ hạn trả nợ:

+ Đối với cho vay có thời hạn từ 12 tháng trở xuống: trả nợ gốc một lần khi đến hạn.

+ Đối với cho vay có thời hạn trên 12 tháng: kỳ hạn trả nợ tối đa 6 tháng trả một lần kể từ ngày nhận món vay đầu tiên.

- Trả lãi: NHCSXH thực hiện thu lãi hàng tháng, tiền lãi nếu chưa thu được thì chuyển sang thu vào tháng kế tiếp sau đó.

12. Thu nợ, thu lãi

- Đối với cơ sở sản xuất kinh doanh, người lao động vay vốn theo phương thức cho vay trực tiếp tại trụ sở NHCSXH nơi cho vay:

+ Khách hàng vay vốn chuyển khoản hoặc nộp tiền mặt vào tài khoản tiền gửi thanh toán đã mở.

+ NHCSXH nơi cho vay thực hiện trích từ tài khoản tiền gửi thanh toán để thu nợ, thu lãi theo thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng.

- Đối với người lao động vay vốn theo phương thức cho vay trực tiếp có ủy thác cho các tổ chức chính trị - xã hội:

+ NHCSXH nơi cho vay thực hiện thu nợ, thu lãi theo thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng.

+ Cách thực hiện theo quy định hiện hành của NHCSXH về quy trình ủy thác, ủy nhiệm và giao dịch xã.

Lưu ý: khách hàng vay vốn có thể trả nợ trước hạn. Trường hợp khách hàng vay vốn trả nợ trước hạn, trả nợ quá hạn thì thu gốc đến đâu, thu hết lãi tương ứng phần gốc đó.

13. Kiểm tra, giám sát:

13.1. Đối với cho vay trực tiếp tại trụ sở NHCSXH nơi cho vay:

- Trong thời gian 30 ngày kể từ ngày phát tiền vay, NHCSXH nơi cho vay trực tiếp thực hiện kiểm tra, giám sát việc sử dụng vốn vay.

- Ngoài ra, NHCSXH nơi cho vay có thể kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất theo yêu cầu của cấp có thẩm quyền hoặc xuất phát từ nhu cầu thực tế của NHCSXH nơi cho vay.

- Kết quả kiểm tra phải ghi vào Biên bản kiểm tra:

(i) Đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh theo mẫu số 06/GQVL;

(ii) Đối với người lao động vay vốn theo phương thức cho vay trực tiếp tại trụ sở NHCSXH nơi cho vay theo mẫu số 06/TD.

13.2. Đối với cho vay trực tiếp người lao động có ủy thác một số nội dung công việc trong quy trình cho vay cho các tổ chức chính trị - xã hội thông qua Tổ tiết kiệm và vay vốn:

- Thực hiện theo các quy định hiện hành về nghiệp vụ ủy thác cho vay qua các tổ chức chính trị - xã hội.

- Kết quả kiểm tra phải được ghi vào Biên bản kiểm tra theo mẫu số 06/TD.

13.3. Việc thực hiện kiểm tra giám sát của chi nhánh NHCSXH cấp tỉnh đối với NHCSXH cấp huyện và bộ phận cho vay tại Hội sở NHCSXH cấp tỉnh. Ngoài việc thực hiện kiểm tra theo quy định, thì còn phải thực hiện:

- Đối với những món vay trên 100 triệu đồng đến 500 triệu đồng: NHCSXH cấp tỉnh thực hiện kiểm tra, giám sát trong phạm vi tối đa 180 ngày kể từ ngày NHCSXH nơi cho vay phát tiền vay lần cuối cùng;

- Đối với những món vay trên 500 triệu đồng đến 01 tỷ đồng: NHCSXH cấp tỉnh thực hiện kiểm tra, giám sát trong phạm vi tối đa 90 ngày kể từ ngày NHCSXH nơi cho vay phát tiền vay lần cuối cùng;

- Đối với những món vay trên 01 tỷ đồng: NHCSXH cấp tỉnh thực hiện kiểm tra, giám sát trong phạm vi tối đa 30 ngày kể từ ngày NHCSXH nơi cho vay phát tiền vay lần cuối cùng.

14. Xử lý nợ đến hạn

14.1. Điều chỉnh kỳ hạn trả nợ

- Điều kiện điều chỉnh kỳ hạn nợ: khách hàng vay vốn gặp khó khăn do nguyên nhân khách quan chưa trả nợ theo đúng kỳ hạn trả nợ đã thỏa thuận.

- Thủ tục và quy trình điều chỉnh kỳ hạn nợ:

+ Đối với Cơ sở sản xuất kinh doanh:

(i) Trước 05 ngày đến kỳ hạn trả nợ, gửi Giấy đề nghị điều chỉnh kỳ hạn trả nợ theo mẫu số 08/GQVL cho NHCSXH nơi cho vay.

(ii) Giấy đề nghị điều chỉnh kỳ hạn trả nợ được Giám đốc NHCSXH nơi cho vay phê duyệt được lưu tại bộ phận kế toán.

(iii) Thời hạn điều chỉnh cho 01 kỳ hạn trả nợ: có thể một hoặc nhiều lần, nhưng tối đa không quá 6 tháng cho mỗi kỳ hạn trả nợ.

+ Đối với người lao động: khi gặp khó khăn do nguyên nhân khách quan chưa trả được nợ theo đúng kỳ hạn trả nợ thì được theo dõi thu vào kỳ hạn trả nợ tiếp theo, không phải làm thủ tục gì gửi NHCSXH nơi cho vay.

14.2. Gia hạn nợ

- Điều kiện gia hạn nợ: đến kỳ hạn trả nợ cuối cùng người vay chưa trả được nợ do nguyên nhân khách quan và có nhu cầu xin gia hạn nợ.

- Thủ tục và quy trình gia hạn nợ:

+ Đối với cho vay trực tiếp tại trụ sở NHCSXH: khách hàng vay vốn viết Giấy đề nghị gia hạn nợ gửi NHCSXH nơi cho vay trước 05 ngày đến hạn trả nợ để NHCSXH nơi cho vay xem xét cho gia hạn nợ.

✓ Cơ sở sản xuất, kinh doanh theo mẫu số 09a/GQVL.

✓ Người lao động theo mẫu 09b/GQVL.

+ Đối với cho vay trực tiếp có ủy thác cho các tổ chức chính trị - xã hội: thực hiện theo thủ tục, quy trình hiện hành về gia hạn nợ thông thường đối với người vay vốn là tổ viên Tổ TK&VV theo mẫu số 09A/TD

- Thời gian gia hạn nợ: việc gia hạn nợ có thể một hay nhiều lần, nhưng tối đa không quá thời hạn đã cho vay đối với cho vay từ 12 tháng trở xuống và tối đa không quá 1/2 thời hạn đã cho vay đối với cho vay trên 12 tháng.

- Lưu giữ Giấy đề nghị gia hạn nợ: tại bộ phận kế toán.

14.3. Chuyển nợ quá hạn

- Đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh:

+ Đến kỳ hạn trả nợ kể cả nợ của kỳ hạn trước đó đã được điều chỉnh mà cơ sở sản xuất, kinh doanh chưa trả được, không được NHCSXH nơi cho vay xem xét cho điều chỉnh kỳ hạn trả nợ thì NHCSXH nơi cho vay chuyển số dư nợ đó sang quá hạn.

+ Đến hạn cuối cùng của thời hạn cho vay đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng mà cơ sở sản xuất, kinh doanh chưa trả được nợ, không được NHCSXH nơi cho vay xem xét cho gia hạn nợ thì NHCSXH nơi cho vay chuyển toàn bộ số dư nợ còn lại sang quá hạn.

- Đối với người lao động:

Đến hạn cuối cùng của thời hạn cho vay đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng, nếu người vay vốn không trả được nợ và không được NHCSXH nơi cho vay xem xét cho gia hạn nợ, thì NHCSXH nơi cho vay chuyển toàn bộ số dư nợ còn lại sang quá hạn.

15. Xử lý các vi phạm:

NHCSXH căn cứ vào kết quả kiểm tra mức độ vi phạm ghi trong Biên bản kiểm tra theo mẫu số 06/GQVL; mẫu số 06/TD để quyết định xử lý như sau:

15.1. Tạm dừng cho vay: khách hàng vay vốn vi phạm các cam kết trong Hợp đồng tín dụng và đang trong thời gian khắc phục sửa chữa.

15.2. Chấm dứt cho vay: khách hàng vay vốn vi phạm các cam kết trong Hợp đồng tín dụng nhưng không khắc phục, sửa chữa.

- Ngân hàng nơi cho vay thông báo cho khách hàng theo mẫu số 15/GQVL trong thời gian tối đa 03 tháng kể từ thời điểm thông báo cho khách hàng vay vốn về việc chấm dứt cho vay, NHCSXH nơi cho vay phải thực hiện thu hồi nợ trước hạn, nếu khách hàng vay vốn không trả hết số nợ vi phạm thì chuyển số nợ vi phạm còn lại sang quá hạn.

- Thông báo của Giám đốc NHCSXH nơi cho vay về việc chấm dứt cho vay do người vay vốn vi phạm được lưu tại bộ phận kế toán.

15.3. Chuyển nợ quá hạn

- Đối với trường hợp khách hàng vay vốn sử dụng vốn vay sai mục đích đã ghi trong Hợp đồng tín dụng và được ghi nhận trong Biên bản kiểm tra:

- + Sau thời gian tối đa 30 ngày kể từ ngày phát hiện sai phạm được ghi trong Biên bản kiểm tra, NHCSXH nơi cho vay đã phối hợp với các cơ quan liên quan và chính quyền địa phương áp dụng các biện pháp để đôn đốc, yêu cầu khách hàng vay vốn thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

- + Trường hợp khách hàng vay vốn không trả hết số nợ sử dụng sai mục đích thì chuyển số nợ sử dụng sai mục đích còn lại sang quá hạn.

- Đối với các trường hợp khách hàng bị chuyển nợ quá hạn, khi chuyển nợ quá hạn, NHCSXH nơi cho vay gửi thông báo cho khách hàng vay vốn:

- + Mẫu số 14/GQVL áp dụng đối với phương thức cho vay trực tiếp tại NHCSXH nơi cho vay.

- + Mẫu số 14/TD áp dụng cho vay trực tiếp cho người lao động có ủy thác cho các tổ chức chính trị - xã hội.

Đồng thời phối hợp với các cơ quan chức năng, chính quyền địa phương và cơ quan có thẩm quyền quản lý vốn phê duyệt dự án (nếu có) để tìm biện pháp tích cực thu hồi nợ hoặc chuyển hồ sơ sang cơ quan pháp luật để xử lý thu hồi theo quy định của pháp luật.

+ Thông báo của Giám đốc NHCSXH nơi cho vay về việc chuyển nợ quá hạn do khách hàng vay vốn vi phạm được lưu tại bộ phận kế toán.

15.4. Xử lý tài sản bảo đảm theo quy định của pháp luật và của NHCSXH

Sau 06 tháng kể từ ngày chuyển nợ quá hạn của kỳ hạn nợ cuối cùng hoặc có số nợ quá hạn chiếm từ 50% trở lên trên tổng số tiền đã vay thì NHCSXH nơi cho vay xem xét xử lý tài sản bảo đảm hoặc chuyển hồ sơ cho vay đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

15.5. Khởi kiện trước pháp luật: NHCSXH nơi cho vay có quyền khởi kiện trong các trường hợp sau:

- Khách hàng vay vốn vi phạm Hợp đồng tín dụng, Hợp đồng bảo đảm tiền vay, đã được NHCSXH nơi cho vay thông báo bằng văn bản nhưng không khắc phục;
- Khách hàng vay vốn có nợ quá hạn do nguyên nhân chủ quan nhưng không có biện pháp khả thi để trả nợ ngân hàng; khách hàng vay vốn có năng lực tài chính để trả nợ nhưng cố tình trốn tránh trả nợ theo thỏa thuận;
- Khách hàng vay vốn có hành vi lừa đảo, gian lận;
- Các vi phạm khác theo quy định của pháp luật.

16. Xử lý nợ rủi ro: việc xử lý nợ bị rủi ro do nguyên nhân khách quan được thực hiện theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về quy chế xử lý nợ bị rủi ro tại NHCSXH.

TÀI LIỆU LIÊN QUAN

1. Luật việc làm số 38/2013/QH13 ngày 16/11/2013 của Quốc hội;
 2. Nghị định 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm;
 3. Nghị định số 74/2019/NĐ-CP ngày 23/9/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 7 năm 2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm.
 4. Quyết định số 63/2015/QĐ-TTg, ngày 10/12/2015 về chính sách hỗ trợ đào tạo nghề và giải quyết việc làm cho người lao động bị thu hồi đất
 5. Nghị định 49/2020/NĐ-CP; ngày 17/4/2020 Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Thi hành án hình sự về tái hòa nhập cộng đồng.
 6. Văn bản số 8055/NHCS-TDSV ngày 30/10/2019 của Tổng Giám đốc NHCSXH về việc Hướng dẫn nghiệp vụ cho vay Hỗ trợ tạo việc làm, duy trì mở rộng việc làm.
 7. Văn bản số 10575/NHCS-TDSV ngày 30/12/2022 của Tổng Giám đốc NHCSXH về việc sửa đổi, bổ sung văn bản số 8055/NHCS-TDSV.
-

IV. CHƯƠNG TRÌNH CHO VAY ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG ĐI LÀM VIỆC Ở NƯỚC NGOÀI THEO HỢP ĐỒNG

1. Đối tượng được vay vốn

a. Người lao động thuộc hộ nghèo theo chuẩn nghèo được Thủ tướng Chính phủ quy định từng thời kỳ.

b. Người lao động thuộc diện hộ cận nghèo theo chuẩn cận nghèo được Thủ tướng Chính phủ quy định từng thời kỳ.

c. Người lao động là người dân tộc thiểu số.

d. Người lao động là thân nhân của người có công với cách mạng. Thân nhân người có công với cách mạng được Ủy ban nhân dân xã xác nhận.

e. Người lao động bị thu hồi đất gồm:

- Người lao động thuộc hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp đã được Nhà nước giao đất nông nghiệp theo quy định (trừ trường hợp hộ gia đình, cá nhân là cán bộ, công nhân viên của nông trường quốc doanh, lâm trường quốc doanh đã nghỉ hưu, nghỉ mất sức lao động, thôi việc được hưởng trợ cấp) khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp mà được bồi thường bằng tiền đối với diện tích đất nông nghiệp thu hồi;

- Người lao động thuộc hộ gia đình, cá nhân khi Nhà nước thu hồi đất ở kết hợp kinh doanh, dịch vụ mà phải di chuyển chỗ ở.

2. Nguyên tắc cho vay

a. Khách hàng vay vốn phải sử dụng vốn vay đúng mục đích xin vay.

b. Khách hàng vay vốn phải trả nợ đúng hạn cả gốc và lãi theo Hợp đồng tín dụng.

c. Đúng đối tượng thụ hưởng, đảm bảo công khai, minh bạch.

3. Điều kiện cho vay

a. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ.

b. Cư trú hợp pháp tại địa phương.

c. Có nhu cầu vay vốn để đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, đã ký kết hợp đồng với doanh nghiệp đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài.

d. Có bảo đảm tiền vay theo quy định của pháp luật và của NHCSXH (nếu có).

Lưu ý: người lao động bị thu hồi đất phải có thêm Quyết định thu hồi đất trong vòng 5 năm kể từ ngày có Quyết định thu hồi đất.

4. Mục đích sử dụng vốn vay

Vốn vay được sử dụng vào việc chi trả các khoản chi phí đi làm việc ở nước ngoài theo quy định được ghi theo hợp đồng ký kết giữa người lao động và Doanh nghiệp đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài.

5. Mức cho vay

Mức cho vay tối đa bằng 100% chi phí người lao động phải trả trước khi đi làm việc ở nước ngoài theo Hợp đồng đã ký kết giữa người lao động và Doanh nghiệp, tổ chức sự nghiệp được Nhà nước cho phép đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng. Trong đó, lưu ý các khoản chi phí sau:

- Đối với khoản chi phí trả tiền dịch vụ từng thị trường, từng ngành nghề, công việc không vượt quá mức trần tiền dịch vụ thu từ người lao động đối với một số thị trường, ngành nghề, công việc theo quy định của pháp luật.

- Đối với tiền ký quỹ ghi trên Hợp đồng, NHCSXH nơi cho vay loại trừ khỏi chi phí khi phê duyệt cho vay.

- Đối với người lao động đã được hỗ trợ từ kinh phí của các Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo hoặc từ ngân sách của địa phương như: tiền đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng nghề, ngoại ngữ, tiền ăn, sinh hoạt phí ..., NHCSXH nơi cho vay loại trừ khỏi chi phí khi phê duyệt cho vay.

6. Bảo đảm tiền vay

Mức vay từ 100 triệu đồng trở lên: Khách hàng vay vốn phải có tài sản bảo đảm tiền vay theo quy định của pháp luật và theo văn bản hướng dẫn bảo đảm tiền vay của NHCSXH.

7. Lãi suất cho vay

- Bằng lãi suất cho vay vốn đối với hộ nghèo do Chính phủ quy định từng thời kỳ (hiện nay, lãi suất cho vay hộ nghèo là 6,6%/năm).

- Lãi suất nợ quá hạn bằng 130% lãi suất khi cho vay.

8. Thời hạn cho vay

Thời hạn cho vay không vượt quá thời hạn làm việc ở nước ngoài của người lao động ghi trong hợp đồng đã ký.

9. Phương thức cho vay

Cho vay trực tiếp đến người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng tại trụ sở Chi nhánh NHCSXH cấp tỉnh, trụ sở NHCSXH cấp huyện nơi người lao động cư trú hợp pháp (gọi tắt là NHCSXH nơi cho vay).

10. Hồ sơ vay vốn

*** Các loại giấy tờ chung:**

- Giấy đề nghị vay vốn (mẫu số 01/LĐNN).

- Bản sao có chứng thực Chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân, sổ hộ khẩu hoặc sổ tạm trú.
- Bản sao có chứng thực hộ chiếu còn thời hạn của người lao động.
- Bản sao có chứng thực hợp đồng ký kết giữa người lao động với Doanh nghiệp đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài.
- Văn bản ủy quyền của người lao động mẫu số 03/LĐNN.
- Hợp đồng thỏa thuận về việc chuyển tiền lương của người lao động để trả nợ, trả lãi tiền vay (mẫu số 07/LĐNN) đối với trường hợp người lao động được Doanh nghiệp đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài quản lý tiền lương.
- Các giấy tờ chứng minh về tài sản bảo đảm tiền vay (Nếu có).

*** Các loại giấy tờ bổ sung đối với một số đối tượng vay vốn:**

- Khách hàng vay vốn là thân nhân của người có công với cách mạng: nộp Bản sao có chứng thực Giấy xác nhận mẫu số 4 ban hành theo Nghị định số 74/2019/NĐ-CP.
- Khách hàng vay vốn thuộc đối tượng bị thu hồi đất theo Quyết định số 63/2015/QĐ-TTg ngày 10/12/2015 của Thủ tướng Chính phủ: nộp Bản sao có chứng thực Quyết định thu hồi đất của cấp có thẩm quyền.

11. Quy trình, thủ tục cho vay

a. Người vay: viết Giấy đề nghị vay vốn theo Mẫu số 01/LĐNN và các loại giấy tờ khác như hồ sơ vay vốn nêu trên gửi trực tiếp cho NHCSXH nơi cho vay.

b. Tại NHCSXH nơi cho vay:

Trong vòng 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ vay vốn của khách hàng, NHCSXH nơi cho vay thực hiện:

- Cán bộ Tín dụng được Giám đốc phân công, thực hiện: kiểm tra, đối chiếu, thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp, hợp lệ của đối tượng vay vốn, hồ sơ vay vốn, đồng thời lập Báo cáo thẩm định mẫu số 02/LĐNN. Trình Trưởng phòng Kế hoạch - nghiệp vụ tín dụng/Tổ trưởng tổ Kế hoạch – nghiệp vụ kiểm soát, sau đó trình Giám đốc xem xét phê duyệt hồ sơ vay vốn.

- Thông báo cho khách hàng vay vốn biết kết quả phê duyệt:

+ Nếu không phê duyệt: lập mẫu số 04a/LĐNN ghi rõ lý do từ chối cho vay.

+ Nếu phê duyệt cho vay: lập mẫu 04/LĐNN.

- NHCSXH nơi cho vay cùng khách hàng vay vốn lập: hợp đồng tín dụng mẫu số 05/LĐNN; hợp đồng bảo đảm tiền vay và thực hiện các biện pháp bảo đảm tiền vay (nếu có) theo quy định của pháp luật và quy định của NHCSXH.

- Báo cáo thẩm định và các hợp đồng nêu trên được lập phù hợp với từng đối tượng vay vốn, loại tài sản bảo đảm nhưng phải tuân thủ theo nội dung mẫu hướng dẫn và được đánh máy.

- Sau khi hồ sơ vay vốn được hoàn thiện được bàn giao cho bộ phận kế toán làm căn cứ giải ngân vốn vay cho khách hàng, trong đó Báo cáo thẩm định được lập 02 bản theo mẫu số 02/LĐNN, 01 bản lưu tại bộ phận tín dụng, 01 bản lưu tại bộ phận kế toán.

- Trước khi giải ngân: nhập kho hồ sơ bảo đảm tiền vay và giấy tờ liên quan đến bảo đảm tiền vay (nếu có) theo quy định; hướng dẫn khách hàng vay vốn thực hiện mở tài khoản tiền gửi thanh toán tại NHCSXH nơi cho vay theo quy định.

12. Giải ngân

- Việc giải ngân được thực hiện tại NHCSXH nơi cho vay, bằng hình thức chuyển khoản cho doanh nghiệp đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài.

- Khi giải ngân, cán bộ NHCSXH ghi đầy đủ nội dung và yêu cầu khách hàng vay vốn ký nhận tiền vay trên 03 bản phụ lục Hợp đồng tín dụng và phiếu giao dịch theo quy định.

13. Định kỳ hạn trả nợ, trả lãi

NHCSXH nơi cho vay thỏa thuận với khách hàng vay vốn về kỳ hạn trả nợ gốc, lãi tiền vay, nhưng tối đa không quá 6 tháng/kỳ.

14. Thu nợ, thu lãi

- NHCSXH nơi cho vay trích từ tài khoản tiền gửi thanh toán của người vay mở tại NHCSXH để thu nợ, thu lãi theo thỏa thuận trên hợp đồng tín dụng. Khách hàng vay vốn có thể trả nợ gốc trước hạn.

- Nếu khách hàng vay vốn chưa trả hết lãi của kỳ này thì chuyển sang thu vào kỳ kế tiếp.

- Khi khách hàng trả nợ trước hạn, trả nợ quá hạn thì thu gốc đến đâu, thu hết lãi tương ứng của phần gốc đó.

15. Xử lý nợ đến hạn

a. Điều chỉnh kỳ hạn nợ

- Điều kiện được điều chỉnh kỳ hạn trả nợ: khi đến kỳ hạn trả nợ, khách hàng vay vốn không trả được nợ do nguyên nhân khách quan và có nhu cầu xin điều chỉnh kỳ hạn trả nợ.

- Thủ tục điều chỉnh kỳ hạn trả nợ: trước 05 ngày đến hạn theo từng kỳ trả nợ, người vay hoặc người được ủy quyền phải có Giấy đề nghị điều chỉnh kỳ hạn trả nợ (mẫu số 08/LĐNN) gửi NHCSXH nơi cho vay xem xét cho điều chỉnh kỳ hạn trả nợ. Giấy đề nghị điều chỉnh kỳ hạn trả nợ được Giám đốc NHCSXH nơi cho vay phê duyệt và được lưu ở bộ phận kế toán.

- Thời hạn điều chỉnh cho một kỳ hạn trả nợ: có thể được thực hiện một hoặc nhiều lần nhưng tối đa không quá 6 tháng cho mỗi kỳ hạn trả nợ.

Lưu ý: trường hợp khách hàng vay vốn không trả được nợ hoặc không được NHCSXH nơi cho vay điều chỉnh kỳ hạn trả nợ thì số tiền đến hạn của kỳ đó sẽ chuyển sang nợ quá hạn và lập thông báo mẫu số 11/LĐNN gửi cho khách hàng vay vốn.

b. Gia hạn nợ

Trước 30 ngày đến kỳ hạn trả nợ cuối cùng, NHCSXH nơi cho vay gửi Thông báo nợ đến hạn đến người vay hoặc người được ủy quyền (Mẫu số 10/LĐNN).

- Điều kiện cho gia hạn nợ: đến kỳ hạn trả nợ cuối cùng, khách hàng vay vốn không trả được nợ do nguyên nhân khách quan và có nhu cầu xin gia hạn nợ.

- Thủ tục gia hạn nợ: trước 05 ngày đến hạn trả nợ, người vay hoặc người được ủy quyền phải có Giấy đề nghị gia hạn nợ mẫu số 09/LĐNN gửi NHCSXH nơi cho vay xem xét cho gia hạn nợ. Giấy đề nghị gia hạn nợ được Giám đốc NHCSXH nơi cho vay phê duyệt và được lưu ở bộ phận kế toán.

- Thời gian cho gia hạn nợ: việc gia hạn nợ có thể thực hiện một hay nhiều lần nhưng tối đa không quá thời hạn cho vay đối với món vay có thời hạn từ 12 tháng trở xuống và tối đa không quá 1/2 thời hạn cho vay đối với món vay có thời hạn trên 12 tháng.

c. Chuyển nợ quá hạn

- Đến kỳ hạn trả nợ kể cả nợ của kỳ hạn trước đó đã được điều chỉnh mà khách hàng chưa trả được, không được NHCSXH nơi cho vay xem xét cho điều chỉnh kỳ hạn trả nợ thì NHCSXH nơi cho vay chuyển dư nợ đó sang quá hạn.

- Đến hạn cuối cùng của thời hạn cho vay đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng mà khách hàng chưa trả được nợ không được NHCSXH nơi cho vay xem xét gia hạn nợ thì NHCSXH nơi cho vay chuyển toàn bộ số dư nợ còn lại sang nợ quá hạn.

16. Xử lý các vi phạm

Căn cứ vào kết quả kiểm tra, mức độ vi phạm hợp đồng tín dụng để quyết định xử lý như sau:

a. Tạm dừng cho vay: khi khách hàng vay vốn vi phạm các cam kết theo các điều khoản ghi trong Hợp đồng tín dụng và đang trong thời gian khắc phục sửa chữa.

b. Chấm dứt cho vay: khách hàng vay vốn vi phạm các cam kết theo các điều khoản ghi trong Hợp đồng tín dụng nhưng không khắc phục sửa chữa:

- NHCSXH thông báo cho khách hàng về việc chấm dứt cho vay Mẫu số 12/LĐNN

- Trong thời hạn tối đa 03 tháng kể từ ngày thông báo cho khách hàng vay vốn về việc chấm dứt cho vay, NHCSXH nơi cho vay phải thực hiện thu hồi nợ

trước hạn, trường hợp khách hàng vay vốn không thực hiện trả nợ theo thông báo thì chuyển số nợ vi phạm sang nợ quá hạn.

- Mẫu số 12/LĐNN được lưu ở bộ phận kế toán.

c. Chuyển nợ quá hạn:

- Khách hàng vay vốn sử dụng tiền vay sai mục đích được ghi trong hợp đồng tín dụng, tối đa 30 ngày kể từ ngày phát hiện sai phạm khách hàng vay vốn không thực hiện trả hết số nợ sử dụng sai mục đích thì chuyển số nợ vi phạm chưa trả đó sang nợ quá hạn.

- Khi chuyển nợ quá hạn, NHCSXH nơi cho vay gửi thông báo cho khách hàng vay vốn hoặc người được ủy quyền (mẫu số 11/LĐNN), đồng thời thông báo cho các cơ quan liên quan (doanh nghiệp đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài, chính quyền địa phương,...) để tìm biện pháp thu hồi nợ hoặc làm thủ tục chuyển hồ sơ sang cơ quan Pháp luật để đề nghị xử lý.

d. Xử lý tài sản bảo đảm:

Sau 06 tháng kể từ ngày chuyển số dư còn lại của khoản vay sang nợ quá hạn hoặc có số nợ quá hạn chiếm từ 50% trở lên trên tổng số tiền đã vay thì NHCSXH nơi cho vay xem xét xử lý tài sản bảo đảm hoặc chuyển hồ sơ đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để đề nghị xử lý. Việc xử lý tài sản bảo đảm được thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật và của NHCSXH.

e. NHCSXH nơi cho vay có quyền khởi kiện trong các trường hợp sau:

- Khách hàng vay vốn vi phạm hợp đồng tín dụng, hợp đồng bảo đảm tiền vay (nếu có) đã được NHCSXH nơi cho vay thông báo bằng văn bản nhưng không khắc phục.

- Khách hàng vay vốn có nợ quá hạn, có năng lực tài chính, có khả năng trả nợ nhưng cố tình không trả nợ theo thỏa thuận.

- Khách hàng vay vốn có hành vi lừa đảo.

- Các vi phạm khác theo quy định của pháp luật.

17. Xử lý nợ bị rủi ro

Việc xử lý nợ bị rủi ro được thực hiện theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế xử lý nợ bị rủi ro tại NHCSXH.

18. Kiểm tra, giám sát

Trong thời gian 30 ngày kể từ ngày giải ngân, NHCSXH nơi cho vay trực tiếp thực hiện kiểm tra, giám sát việc sử dụng vốn vay.

- Khách hàng vay vốn gửi bản sao kết quả cấp thị thực từ cơ quan có thẩm quyền, vé máy bay và thông báo xuất cảnh của Doanh nghiệp đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài (nếu có) cho NHCSXH nơi cho vay để lưu vào hồ sơ vay vốn.

- Cán bộ tín dụng được phân công có trách nhiệm thông qua người được ủy quyền, Công an xã, Trưởng thôn, UBND cấp xã để kiểm tra và xác nhận việc xuất cảnh của khách hàng vay vốn, tình trạng vắng mặt tại địa phương để đi làm việc ở nước ngoài theo Mẫu số 06/LĐNN.

- Việc kiểm tra có thể thực hiện đột xuất theo yêu cầu của cấp có thẩm quyền hoặc xuất phát từ nhu cầu thực tế của NHCSXH.

- Việc kiểm tra giám sát của Chi nhánh NHCSXH cấp tỉnh đối với Phòng giao dịch cấp huyện và bộ phận cho vay tại cấp tỉnh ngoài thực hiện kiểm tra theo quy định thì đối với những món vay từ 100 triệu đồng trở lên phải thực hiện kiểm tra trong phạm vi 06 tháng kể từ ngày NHCSXH giải ngân lần cuối cùng; Chi nhánh NHCSXH cấp tỉnh kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy trình cho vay, tính hợp pháp, hợp lệ của hồ sơ vay vốn, hồ sơ bảo đảm tiền vay, hiện trạng tài sản bảo đảm tiền vay (nếu có), kiểm tra thực tế khách hàng vay vốn về mục đích sử dụng vốn (nếu có thể) và các nội dung liên quan khác.

TÀI LIỆU LIÊN QUAN

1. Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04/10/2002 của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác;

2. Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 của Chính phủ về quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm;

3. Quyết định số 63/2015/QĐ-TTg ngày 10/12/2015 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ đào tạo nghề và giải quyết việc làm cho người lao động bị thu hồi đất;

4. Nghị định số 74/2019/NĐ-CP ngày 23/9/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm;

5. Văn bản 7886/NHCS-TDNN ngày 24/10/2019 của Tổng Giám đốc NHCSXH về hướng dẫn nghiệp vụ cho vay đối với người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng;

6. Văn bản 8395/NHCS-TDSV-TDNN ngày 15/11/2019 của Tổng Giám đốc về việc trả lời vướng mắc sau Hội nghị tập huấn trực tuyến chuyên đề Tín dụng 2019;

7. Văn bản 8655/NHCS-TDNN ngày 27/11/2019 của Tổng Giám đốc NHCSXH về việc sử dụng sản phẩm tiền vay trên hệ thống Intellect;

8. Văn bản 794/NHCS-TDNN ngày 26/01/2022 của Tổng Giám đốc NHCSXH về việc thực hiện cho vay đối với người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

9. Văn bản số 10545/NHCS-TDNN ngày 28/12/2022 của Tổng Giám đốc NHCSXH về việc giải đáp vướng mắc nghiệp vụ cho vay đối với người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng

10. Văn bản số 1590/NHCS-TDNN ngày 07/3/2023 của Tổng Giám đốc NHCSXH về việc giải đáp vướng mắc nghiệp vụ cho vay đối với người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

V. CHƯƠNG TRÌNH TÍN DỤNG ĐỐI VỚI HỌC SINH SINH VIÊN

1. Đối tượng được vay vốn

(1). Học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn theo học tại các trường đại học (hoặc tương đương đại học), cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp và tại các cơ sở đào tạo nghề được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam theo Quyết định số 157/2007/QĐ-TTg ngày 27/09/2007 và Quyết định số 05/2022/QĐ-TTg ngày 23/03/2022 của Thủ tướng Chính phủ:

a) Học sinh, sinh viên mồ côi cả cha lẫn mẹ hoặc chỉ mồ côi cha hoặc mẹ nhưng người còn lại không có khả năng lao động.

b) Học sinh, sinh viên là thành viên của hộ gia đình thuộc một trong các đối tượng:

- Hộ nghèo theo chuẩn quy định của pháp luật.
- Hộ cận nghèo theo chuẩn quy định của pháp luật.
- Hộ có mức sống trung bình theo chuẩn quy định của pháp luật.

c) Học sinh, sinh viên mà gia đình gặp khó khăn về tài chính do tai nạn, bệnh tật, thiên tai, hoả hoạn, dịch bệnh trong thời gian theo học có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi cư trú.

(2). Người lao động bị thu hồi đất theo Quyết định số 63/2015/QĐ-TTg ngày 10/12/2015 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ đào tạo nghề và giải quyết việc làm cho người lao động bị thu hồi đất tham gia đào tạo nghề.

(3). Học sinh, sinh viên Y khoa có hoàn cảnh khó khăn đã tốt nghiệp (nhưng không quá 12 tháng kể từ ngày tốt nghiệp) các trường đại học, cao đẳng, trung cấp và tại các cơ sở đào tạo chuyên ngành Y theo Quyết định số 09/2016/QĐ-TTg ngày 02/03/2016 của Thủ tướng Chính phủ:

- Sinh viên mồ côi cả cha lẫn mẹ hoặc chỉ mồ côi cha hoặc mẹ nhưng người còn lại không có khả năng lao động.

- Sinh viên là thành viên của hộ gia đình thuộc một trong các đối tượng:

+ Hộ nghèo theo tiêu chuẩn quy định của pháp luật.

+ Hộ gia đình có mức thu nhập bình quân đầu người tối đa bằng 150% mức thu nhập bình quân đầu người của hộ gia đình nghèo theo quy định của pháp luật.

- Sinh viên mà gia đình gặp khó khăn về tài chính do tai nạn, bệnh tật, thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh trong thời gian thực hành có xác nhận của UBND xã, phường, thị trấn nơi cư trú.

(4).Người được đặc xá, người được tha tù trước thời hạn có điều kiện, người chấp hành xong án phạt tù đã trở về cộng đồng theo Văn bản số 6019/2021/NHCS-TDSV ngày 30/6/2021 của Tổng Giám đốc NHCSXH.

Lưu ý:

(1) Các đối tượng trên thuộc các trường hợp sau đây cũng được xem xét cho vay:

- Học sinh, sinh viên học trung cấp, cao đẳng học liên thông lên cao đẳng, đại học; HSSV đang học trường này nhưng đã chuyển sang trường khác, HSSV học hệ đại học tại chức, đào tạo từ xa.

- Lao động đã được vay vốn học nghề một lần nhưng bị mất việc làm do nguyên nhân khách quan có tên trong Quyết định của UBND cấp tỉnh về việc được tiếp tục hỗ trợ học nghề để chuyển đổi việc làm theo chính sách của Đề án thì được NHCSXH tiếp tục xem xét cho vay nhưng tối đa không quá 03 lần.

- Học sinh, sinh viên mà gia đình gặp khó khăn về tài chính, đã được vay đủ 12 tháng nhưng vẫn còn khó khăn hoặc lại khó khăn tiếp nếu có văn bản nêu rõ lý do khó khăn được UBND cấp xã xác nhận.

(2) NHCSXH không giải quyết cho vay với những trường hợp sau:

- Học viên cao học, nghiên cứu sinh; HSSV học văn bằng thứ 2 đã vay vốn để cho con học đại học (4 năm); học cao đẳng (3 năm); học trung cấp (2 năm), hiện nay đã học xong và hộ vay đã thỏa thuận với NHCSXH việc phân kỳ trả nợ đối với khoản vay.

- Cán bộ công tác tại các ngành ở xã, huyện, tỉnh học tại chức.

- HSSV có hoàn cảnh khó khăn bị các cơ quan xử phạt hành chính trở lên về: cờ bạc, nghiện hút, trộm cắp,...

- HSSV đang bị các trường học kỷ luật từ cảnh cáo trở lên.

2. Điều kiện vay vốn

Để được vay vốn, HSSV phải có đủ các điều kiện sau:

(1).Đối với HSSV vay vốn theo QĐ số 157/2007/QĐ-TTg về tín dụng đối với HSSV được xem xét vay vốn khi đáp ứng các điều kiện sau:

- HSSV đang sinh sống trong hộ gia đình cư trú hợp pháp tại địa phương nơi cho vay có đủ các tiêu chuẩn quy định tại điểm 1.

- Đối với sinh viên năm thứ nhất phải có Giấy báo trúng tuyển hoặc giấy xác nhận được vào học của nhà trường.

- Đối với sinh viên năm thứ 2 trở đi phải có Giấy xác nhận của nhà trường về việc đang theo học tại trường và không bị xử phạt hành chính trở lên về các hành vi: cờ bạc, nghiện hút, trộm cắp, buôn lậu.

(2). Đối với người lao động bị thu hồi đất tham gia đào tạo nghề theo Quyết định số 63/2015/QĐ-TTg ngày 10/12/2015 của Thủ tướng Chính phủ:

- Cư trú hợp pháp tại địa phương nơi cho vay và có Quyết định thu hồi đất với thời hạn trong vòng 5 năm kể từ ngày có Quyết định thu hồi đất.

- Người lao động bị thu hồi đất tham gia đào tạo nghề năm thứ nhất phải có giấy báo trúng tuyển hoặc giấy xác nhận được vào học của nhà trường.

- Người lao động bị thu hồi đất tham gia đào tạo nghề từ năm thứ hai trở đi phải có xác nhận của nhà trường về việc đang theo học tại trường và không bị xử phạt hành chính trở lên về các hành vi: cờ bạc, nghiện hút, trộm cắp, buôn lậu.

(3). Học sinh, sinh viên Y khoa đã tốt nghiệp các trường đại học, cao đẳng, trung cấp và tại các cơ sở đào tạo chuyên ngành Y trong thời gian thực hành tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh để được cấp chứng chỉ hành nghề đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau (theo Quyết định số 09/2016/QĐ-TTg ngày 02/03/2016 của Thủ tướng Chính phủ):

- Sinh viên sau khi tốt nghiệp nhưng không quá 12 tháng kể từ ngày tốt nghiệp;

- Phải có xác nhận của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh về: Thời gian thực hành, chi phí thực hành và chưa có hợp đồng làm việc hoặc hợp đồng lao động của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trong thời gian thực hành.

Lưu ý:

Cơ quan có thẩm quyền xác nhận trên mẫu 01/TDSV: là các trường, cơ sở giáo dục khác (gọi chung là các trường) thuộc hệ thống giáo dục quốc dân được Bộ GD&ĐT cho phép đào tạo và cấp bằng tốt nghiệp. Các đơn vị tham gia liên kết đào tạo, không trực tiếp cấp bằng tốt nghiệp cho HSSV thì không có thẩm quyền xác nhận; đối với các đại học, học viện, các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp, Hiệu trưởng (hoặc Giám đốc) có thể uỷ quyền cho lãnh đạo đơn vị phụ trách công tác học sinh, sinh viên hoặc cơ sở đào tạo chính thức của trường ký xác nhận. Các cơ sở giáo dục khác do lãnh đạo đơn vị xác nhận. Riêng các khoa trực thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh, Đại học Thái Nguyên, Đại học Huế, Đại học Đà Nẵng, nếu có con dấu, tài khoản riêng và được Giám đốc các đại học uỷ quyền thì lãnh đạo khoa xác nhận.

(4). Người được đặc xá, người được tha tù trước thời hạn có điều kiện, người chấp hành xong án phạt tù đã trở về cộng đồng: ngoài các giấy tờ liên quan theo quy định tại văn bản số 2162A/NHCS-TD ngày 02/10/2007 của Tổng

Giám đốc về hướng dẫn thực hiện cho vay đối với học sinh, sinh viên theo Quyết định 157/QĐ-TTg ngày 27/9/2007 của Thủ tướng Chính phủ và các văn bản hướng dẫn hiện hành của Tổng Giám đốc về cho vay đối với học sinh, sinh viên thì cần thêm điều kiện phải có Giấy chứng nhận đã chấp hành xong án phạt tù hoặc Giấy chứng nhận tha tù trước hạn có điều kiện của cấp có thẩm quyền (Bản sao có chứng thực hoặc bản sao từ sổ gốc do cơ quan có thẩm quyền cấp).

3. Mức vốn cho vay

Mức cho vay tối đa đối với một HSSV do Thủ tướng Chính phủ quy định từng thời kỳ. Mức cho vay tối đa kể từ ngày 19/5/2022 là: 4.000.000 đồng/tháng; (40.000.000 đồng/năm học) *(QĐ 05/2022/QĐ-TTg ngày 12/05/2022 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 157/2007/QĐ-TTg ngày 27 tháng 9 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với học sinh, sinh viên)*

Số tiền xem xét cho vay tối đa đối với mỗi HSSV đều phải căn cứ vào mức vốn cho vay tối đa hàng tháng quy định và số tháng thực tế mà sinh viên còn phải theo học tại trường/cơ sở dạy nghề. Riêng đối với sinh viên học tại chức, đào tạo từ xa được xem xét thêm cả mức thu học phí từng tháng và chi phí mua sắm sách vở, phương tiện học tập, chi phí ăn ở, đi lại (nếu có) để xác định mức cho vay.

Lưu ý:

(1). Đối với những HSSV thuộc diện được miễn, giảm học phí hoặc HSSV theo học tại các trường Công an, Quân sự đã được miễn học phí và sinh hoạt phí thì loại trừ không cho vay đối với số tiền đã được miễn, giảm học phí, sinh hoạt phí... Mức học phí làm căn cứ giảm trừ là mức học phí của các trường đào tạo hệ công lập của cơ quan có thẩm quyền quy định.

(2). Đối với HSSV mà gia đình gặp khó khăn về tài chính chỉ thực hiện cho vay một lần trong thời gian học tối đa không quá 12 tháng. Trường hợp hộ đã nhận tiền vay đủ 12 tháng nhưng vẫn khó khăn được UBND cấp xã xác nhận thì tiếp tục được vay không quá 12 tháng (thời gian vay tiếp không được vượt quá thời hạn còn lại của khóa học).

(3). Trường hợp hộ gia đình đang thuộc diện gặp khó khăn về tài chính đã được vay vốn nhưng nay thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo đề nghị được vay vốn, khi cho vay NHCSXH nơi cho vay căn cứ vào hồ sơ để giải ngân tiếp của hộ vay để xác định bổ sung thêm số tiền cho vay do thay đổi đối tượng thụ hưởng cho phù hợp.

(4). Trường hợp HSSV đang vay vốn nhưng bị lưu ban (học lại một năm): NHCSXH tiếp tục cho vay để HSSV có điều kiện theo học, căn cứ vào Giấy báo nhập học (Giấy xác nhận) và nội dung giấy đề nghị đã có xác nhận của Tổ trưởng Tổ TK&VV, UBND xã để điều chỉnh lại mức cho vay cho phù hợp.

(5). Trường hợp HSSV đã vay vốn để học đại học (cao đẳng) nhưng năm học mới vì một số nguyên nhân khách quan không thể tiếp tục học được mà chuyển sang học tại trường trung cấp (học nghề) khi cho vay NHCSXH nơi cho vay căn cứ vào Giấy báo nhập học (Giấy xác nhận) và nội dung giấy đề nghị đã có xác nhận của Tổ trưởng Tổ TK&VV, UBND xã để điều chỉnh lại mức cho vay cho phù hợp.

(6). Trường hợp HSSV đã vay vốn để học trung cấp (cao đẳng) nhưng năm học mới thi đỗ vào trường cao đẳng (đại học) và chuyển sang học cao đẳng (đại học), hoặc trường hợp HSSV đã học 01 trường đại học nay thi đỗ một trường đại học khác và chuyển sang học ở trường mới đỗ, khi cho vay NHCSXH nơi cho vay căn cứ vào Giấy báo nhập học (Giấy xác nhận) và nội dung giấy đề nghị đã có xác nhận của Tổ trưởng Tổ TK&VV, UBND xã để điều chỉnh lại mức cho vay cho phù hợp.

(7). Đối với HSSV học liên thông lên đại học, NHCSXH cho vay bổ sung thêm số tiền trong thời gian HSSV học liên thông.

4. Mục đích sử dụng vốn vay

Trang trải chi phí cho việc học tập, sinh hoạt của học sinh, sinh viên trong thời gian theo học tại trường bao gồm: tiền học phí; chi phí mua sắm sách vở, phương tiện học tập, chi phí ăn, ở, đi lại.

5. Thời hạn cho vay

Thời hạn cho vay là khoảng thời gian được tính từ ngày người vay nhận món vay đầu tiên cho đến ngày trả hết nợ gốc và lãi được thoả thuận trong Sổ vay vốn. Thời hạn cho vay bao gồm thời hạn phát tiền vay và thời hạn trả nợ.

(1). Thời hạn phát tiền vay: là khoảng thời gian tính từ ngày người vay nhận món vay đầu tiên cho đến ngày HSSV kết thúc khoá học (đối với sinh viên Y khoa sau khi tốt nghiệp là thời gian thực hành), kể cả thời gian HSSV được nhà trường cho phép nghỉ học có thời hạn và được bảo lưu kết quả học tập, thời gian lưu ban (nếu có).

(2). Thời hạn trả nợ: là khoảng thời gian được tính từ ngày người vay trả món nợ đầu tiên đến ngày trả hết nợ gốc và lãi. Người vay và Ngân hàng thoả thuận thời hạn trả nợ cụ thể nhưng không vượt quá thời hạn trả nợ tối đa được quy định cụ thể như sau:

- Đối với các chương trình đào tạo có thời gian đào tạo đến một năm, thời gian trả nợ tối đa bằng hai lần thời hạn phát tiền vay.

- Đối với các chương trình đào tạo trên một năm, thời gian trả nợ tối đa bằng thời hạn phát tiền vay.

* Kể từ ngày học sinh, sinh viên kết thúc khóa học 12 tháng theo quy định, người vay phải trả nợ gốc và lãi tiền vay lần đầu tiên. (gọi tắt là **thời gian chờ việc làm** và được áp dụng chung cho tất cả các chương trình đào tạo có thời gian đến hoặc trên 1 năm).

Như vậy, ***thời hạn cho vay tối đa = thời hạn phát tiền vay + thời gian chờ việc làm + thời hạn trả nợ.***

Ví dụ 1: Ông Nguyễn văn A thuộc diện hộ nghèo và được NHCSXH cho vay vốn để cho con đi học nghề với thời gian 11 tháng. Ông A đủ điều kiện vay vốn, thì:

- Thời hạn phát tiền vay của hộ: 11 tháng
- Thời gian chờ việc làm: 12 tháng
- Thời hạn trả nợ của hộ: 22 tháng
- Thời hạn cho vay tối đa của hộ ông A = 11 + 12 + 22 = 45 tháng.

Ví dụ 2: Ông Nguyễn văn B thuộc diện hộ nghèo và được NHCSXH cho vay vốn để cho con đi học đại học 4 năm. Ông B đủ điều kiện vay vốn

- Giả sử ông B nhận tiền vay ngay từ năm đầu, thì:
 - Thời hạn phát tiền vay của hộ ông B: 48 tháng
 - Thời gian chờ việc làm: 12 tháng
 - Thời hạn trả nợ của hộ ông B: 48 tháng
 - Thời gian cho vay tối đa của hộ ông B = 48 + 12 + 48 = 108 tháng.
- Giả sử năm học thứ 2 ông B mới vay NHCSXH thì:
 - Thời hạn phát tiền vay của hộ ông B: 36 tháng
 - Thời gian chờ việc làm: 12 tháng
 - Thời hạn trả nợ của hộ ông B: 36 tháng
 - Thời gian cho vay tối đa của hộ ông B = 36 + 12 + 36 = 84 tháng.
- Giả sử năm học cuối cùng ông B không vay NHCSXH thì:
 - Thời hạn phát tiền vay của hộ ông B: 48 tháng
 - Thời gian chờ việc làm: 12 tháng
 - Thời hạn trả nợ của hộ ông B: 48 tháng
 - Thời gian cho vay tối đa của hộ ông B = 48 + 12 + 48 = 108 tháng.

*** Một số trường hợp đặc thù và cách tính thời gian như sau:**

(1). Trường hợp, một hộ gia đình vay vốn để chi phí học tập cho nhiều HSSV cùng một lúc, nhưng thời hạn ra trường của từng HSSV khác nhau, thì thời hạn cho vay được xác định riêng theo từng HSSV.

(2). Trường hợp HSSV đang vay vốn, đi nghĩa vụ quân sự hoặc tham gia nghĩa vụ trong lực lượng công an nhân dân trong thời gian đang theo học hoặc sau khi đã tốt nghiệp thì số tiền đã nhận nợ trước khi tham gia nghĩa vụ quân sự được kéo dài thời gian trả nợ và được miễn lãi tiền vay tương ứng với thời gian phục vụ tại ngũ của HSSV đó.

Thời gian phục vụ tại ngũ/tham gia nghĩa vụ của HSSV tham gia nghĩa vụ quân sự (hạ sĩ quan, binh sĩ) được tính từ ngày ghi trên Lệnh gọi nhập ngũ đến ngày kết thúc thời gian thực hiện nghĩa vụ quân sự (là ngày tháng có hiệu lực của các Quyết định về việc quân nhân xuất ngũ).

Thời hạn cho vay đối với HSSV nhập ngũ/tham gia nghĩa vụ được cộng thêm thời gian tại ngũ theo quy định. (VB 1233/NHCS-TDSV ngày 17/4/2017).

Nếu không có các giấy tờ chứng minh trên thì số dư nợ đó không được kéo dài thời gian trả nợ và không được miễn lãi tiền vay tương ứng với thời gian phục vụ tại ngũ (VB 3262/NHCS-TDSV ngày 24/8/2016 về trả lời vướng mắc... tại Nghệ An, Khánh Hòa).

Ví dụ 3: Bà Nguyễn Thị K thuộc diện hộ nghèo và được NHCSXH cho vay vốn để cho con đi học đại học 4 năm. Giả sử sau khi kết thúc khóa học con Bà phải đi làm nghĩa vụ quân sự là 2 năm. Hộ nhận tiền vay ngay từ năm học đầu tiên, thì:

- + Thời gian phát tiền vay của hộ bà K = 4 năm
- + Thời hạn trả nợ của hộ bà K = 4 năm + 2 năm (kéo dài) = 6 năm
- + Thời hạn cho vay tối đa của hộ = 4 năm + 1 năm (chờ việc) + 6 năm = 11 năm

(3). Trường hợp học sinh sinh viên Y khoa đề nghị vay vốn để đi thực hành (chưa vay chương trình HSSV tại NHCSXH):

Thời hạn cho vay = Thời hạn phát tiền vay + thời hạn trả nợ:

- Thời hạn phát tiền vay là khoảng thời gian tính từ ngày người vay nhận món vay đầu tiên cho đến ngày sinh viên tốt nghiệp kết thúc thời gian thực hành.
- Thời hạn trả nợ là khoảng thời gian tính từ ngày người vay trả món nợ đầu tiên đến ngày trả hết nợ (gốc và lãi). Thời hạn trả nợ tối đa bằng 2 lần thời hạn phát tiền vay.

Lưu ý: Trường hợp này, không được tính thời gian chờ việc làm.

Ví dụ 4: Ông Lê Văn M thuộc diện hộ nghèo, sau khi kết thúc khóa học tại trường đại học Y khoa, 6 tháng sau con bà đi thực hành 2 năm để được cấp

chứng chỉ hành nghề nên gia đình có nhu cầu vay vốn và được NHCSXH cho vay, thì:

- + Thời hạn phát tiền vay của hộ: 2 năm
- + Thời hạn trả nợ của hộ: 4 năm
- + Thời hạn cho vay tối đa của hộ = 2 năm + 4 năm = 6 năm

(4) Trường hợp học sinh sinh viên Y khoa đề nghị vay vốn để đi thực hành (đã vay vốn và đang có dư nợ chương trình HSSV tại NHCSXH):

Thời hạn cho vay = Thời hạn phát tiền vay + Thời gian chờ việc sau khi tốt nghiệp (tối đa không quá 12 tháng) + Thời hạn trả nợ.

* *Thời hạn phát tiền vay*: bằng thời hạn phát tiền vay của món vay đã tốt nghiệp trước đây cộng (+) thời hạn phát tiền vay lần này

* *Thời gian chờ việc*: không quá 12 tháng, kể từ ngày HSSV tốt nghiệp.

* *Thời hạn trả nợ*: bằng thời hạn phát tiền vay của món vay đã tốt nghiệp trước đây cộng tối đa 2 lần thời hạn phát tiền vay lần này.

Lưu ý: trường hợp HSSV tốt nghiệp và đi thực hành ngay, thì thời gian chờ việc làm = 0

Ví dụ 4: Ông Lê Văn Đ thuộc diện hộ nghèo, được NHCSXH cho vay để cho con đi Đại học Y khoa 6 năm. Kết thúc khóa học 5 tháng, con bà được NHCSXH cho vay đi thực hành 2 năm để được cấp chứng chỉ hành nghề, thì:

- + Thời hạn phát tiền vay của hộ = 6 năm + 2 năm = 8 năm
- + Thời hạn trả nợ của hộ = 6 năm + 4 năm = 10 năm
- + Thời gian chờ việc của hộ: 5 tháng
- + Thời hạn cho vay tối đa của hộ = 8 năm + 5 tháng + 10 năm = 18 năm 5 tháng.

* Giả sử, sau khi tốt nghiệp, con ông được vay vốn đi thực hành ngay, thì:

- + Thời hạn phát tiền vay của hộ = 6 năm + 2 năm = 8 năm
- + Thời hạn trả nợ của hộ = 6 năm + 4 năm = 10 năm
- + Thời gian chờ việc của hộ: 0 tháng
- + Thời hạn cho vay tối đa của hộ = 8 năm + 10 năm = 18 năm.

6. Lãi suất cho vay

- Lãi suất cho vay do Thủ tướng Chính phủ quy định từng thời kỳ. HSSV nhận tiền vay tại thời điểm nào thì hưởng lãi suất cho vay thông báo tại thời điểm đó. Hiện nay, lãi suất cho vay là 6,6%/năm

- Lãi suất nợ quá hạn bằng 130% lãi suất cho vay.

7. Thủ tục và quy trình cho vay

a) Đối với cho vay thông qua hộ gia đình:

** Hồ sơ vay vốn gồm:*

(1). Giấy đề nghị vay vốn kèm phương án sử dụng vốn vay (mẫu số 01/TD) kèm Giấy xác nhận của nhà trường (bản chính) hoặc Giấy báo nhập học (bản chính hoặc bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao và xuất trình bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực). (VB 1485/NHCS-TDSV ngày 29/3/2018)

- Trường hợp HSSV đang vay vốn tham gia nghĩa vụ quân sự hoặc đã vay vốn sau khi tốt nghiệp tham gia nghĩa vụ quân sự thì phải kèm theo:

+ Lệnh gọi nhập ngũ (bản sao có công chứng hoặc chứng thực)

+ Quyết định xuất ngũ (bản sao có công chứng hoặc chứng thực)

+ Quyết định về việc tuyển dụng công nhân viên chức quốc phòng hoặc Quyết định về việc chuyển chế độ từ Hạ sĩ quan, binh sĩ sang chế độ Quân nhân chuyên nghiệp (bản sao có công chứng hoặc chứng thực).

- Đối với HSSV Y khoa, phải kèm Giấy xác nhận của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trong thời gian thực hành theo mẫu 02/TDSV.

- Các trường hợp trước đây đã vay nay chuyển sang trường khác, học liên thông, chuyển địa phương, khi viết Giấy đề nghị vay vốn cần ghi rõ lý do và số tiền đã được vay vốn..., đề nghị NHCSXH cho vay tiếp số tiền..., thời gian vay.... (bao gồm thời gian đã học trước đó), sau đó xin xác nhận của Tổ trưởng Tổ TK&VV, Ủy ban nhân dân cấp xã về nội dung trình bày là đúng và gia đình thuộc diện hộ... (diện được vay vốn theo Quyết định số 157/2007/QĐ-TTg).

- Trường hợp HSSV đang vay vốn nhưng bị lưu ban hoặc ốm đau được nhà trường cho phép nghỉ học có thời hạn: giấy đề nghị ghi rõ nội dung HSSV bị lưu ban hoặc ốm đau.

(2). Danh sách hộ gia đình có HSSV đề nghị vay vốn NHCSXH (Mẫu số 03/TD). Do Tổ TK&VV họp bình xét và lập.

(3). Biên bản họp Tổ TK&VV (mẫu số 10C/TD).

(4). Thông báo kết quả phê duyệt cho vay (mẫu số 04/TD).

** Quy trình cho vay:* được thực hiện như cho vay hộ nghèo.

b) Đối với cho vay trực tiếp HSSV mồ côi

Áp dụng đối với HSSV mồ côi cả cha và mẹ hoặc chỉ mồ côi cha hoặc mẹ nhưng người còn lại không còn khả năng lao động, được vay vốn trực tiếp tại NHCSXH nơi địa bàn nhà trường đóng trụ sở.

** Hồ sơ vay vốn bao gồm:*

- Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay (*mẫu số 01/TD*) kèm Giấy xác nhận của nhà trường (*mẫu số 01/TDSV bản chính*) hoặc Giấy báo nhập học (bản chính hoặc bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao và xuất trình bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực).

- Giấy xác nhận HSSV thuộc đối tượng mồ côi cả cha lẫn mẹ hoặc chỉ mồ côi cha hoặc mẹ nhưng người còn lại không có khả năng lao động của UBND cấp xã nơi HSSV cư trú trước khi nhập trường (Mẫu số 01/XNSV).

Riêng đối với HSSV chỉ mồ côi cha hoặc mẹ nhưng người còn lại không có khả năng lao động phải gửi kèm Giấy chứng nhận tình trạng sức khỏe, bệnh tật của cơ quan y tế cấp huyện trở lên.

*** Quy trình cho vay:**

Bước 1: HSSV viết Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay (*mẫu số 01/TD*) kèm hồ sơ liên quan gửi NHCSXH nơi nhà trường đóng trụ sở.

Bước 2: cán bộ NHCSXH được phân công, thực hiện kiểm tra tính hợp lệ, hợp pháp của hồ sơ vay vốn. Trường hợp cần thiết có thể kiểm tra, đối chiếu tính chính xác của hồ sơ vay vốn, sau đó trình Trưởng phòng KHNVT tin dụng (hoặc Tổ trưởng tổ Kế hoạch nghiệp vụ) kiểm tra ký tên, sau đó trình Giám đốc phê duyệt cho vay.

8. Tổ chức giải ngân

- Việc giải ngân của NHCSXH được thực hiện một năm 2 lần vào các kỳ học: Số tiền giải ngân từng lần căn cứ vào mức cho vay/tháng và số tháng của từng học kỳ. Giấy xác nhận của nhà trường hoặc Giấy báo nhập học được sử dụng làm căn cứ giải ngân cho 2 lần của năm học đó. Để giải ngân cho năm học tiếp theo phải có Giấy xác nhận mới của nhà trường.

- NHCSXH có thể giải ngân bằng tiền mặt hoặc chuyển tiền cho HSSV nhận tiền mặt tại trụ sở NHCSXH nơi gần trường học của HSSV (không thu phí) hoặc chuyển khoản đóng học phí cho nhà trường theo đề nghị của người vay.

Để được giải ngân qua thẻ cho HSSV, NHCSXH đã ký hợp đồng hợp tác với Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam (Agribank) và Ngân hàng Thương mại cổ phần Công thương Việt Nam (Vietinbank) về việc phát hành thẻ để thực hiện giải ngân. HSSV phải có thẻ tại Agribank hoặc Vietinbank, HSSV chưa có thẻ sẽ được Agribank hoặc Vietinbank cấp thẻ miễn phí.

- Đối với giải ngân cho vay HSSV mồ côi: Trong thời gian 30 ngày sau mỗi kỳ giải ngân, NHCSXH nơi cho vay thông báo đến nhà trường (*Phòng công tác Học sinh, sinh viên hoặc Phòng đào tạo...*) tình hình vay vốn của HSSV mồ côi để cùng phối hợp quản lý, nhắc nhở HSSV có ý thức trách nhiệm khi vay vốn tại NHCSXH. Đồng thời nhà trường cũng thông báo ngay cho NHCSXH khi HSSV mồ côi bỏ học, thôi học, kỷ luật,... (Mẫu số 02/TBSV).

9. Định kỳ hạn trả nợ, thu nợ, thu lãi tiền vay

a. Định kỳ hạn trả nợ:

- Khi giải ngân số tiền cho vay của kỳ học cuối cùng, NHCSXH nơi cho vay cùng người vay thoả thuận việc định kỳ hạn trả nợ của toàn bộ số tiền cho vay. Số tiền cho vay được phân kỳ trả nợ tối đa 6 tháng 1 lần, phù hợp với khả năng trả nợ của người vay do ngân hàng và người vay thoả thuận ghi vào sổ vay vốn. Kể từ ngày học sinh, sinh viên kết thúc khóa học 12 tháng theo quy định, người vay phải trả nợ gốc và lãi tiền vay lần đầu tiên. Người vay có thể trả nợ trước hạn mà không chịu lãi phạt trả nợ trước hạn.

- Đối với sinh viên Y khoa đã tốt nghiệp, ngay khi giải ngân số tiền cho vay của kỳ thực hành cuối cùng, 2 bên thoả thuận, người vay trả gốc và lãi tiền vay đầu tiên từ ngay sau khi sinh viên kết thúc thời gian thực hành.

- Trường hợp người vay vốn cho nhiều HSSV cùng một lúc nhưng thời hạn ra trường của từng HSSV khác nhau, thì việc định kỳ hạn trả nợ được xác định riêng theo từng HSSV.

- Trường hợp gia đình gặp khó khăn về tài chính, ngân hàng và hộ vay tiến hành thoả thuận kỳ hạn trả nợ ngay khi giải ngân. Khi hộ vay đã nhận tiền vay đủ 12 tháng nhưng đủ điều kiện để được vay tiếp, khi giải ngân khoản vay này thì ngân hàng nơi cho vay tiếp tục định kỳ hạn nợ, thời hạn trả nợ bao gồm cả thời hạn trả nợ của số tiền giải ngân trước và thời hạn phát tiền vay lần này.

- Trường hợp HSSV không nhận hết số tiền vay được duyệt, NHCSXH nơi cho vay xác định kỳ hạn trả nợ căn cứ vào lịch kết thúc khóa học của HSSV ghi trên Giấy xác nhận gần nhất.

b. Thu nợ gốc:

- Việc thu nợ gốc được thực hiện theo phân kỳ trả nợ đã thoả thuận.

- Trường hợp người vay có khó khăn chưa trả được nợ gốc theo đúng kỳ hạn trả nợ theo phân kỳ (kỳ con) thì được theo dõi vào kỳ hạn trả nợ tiếp theo.

c. Thu lãi tiền vay:

- Lãi tiền vay được tính từ ngày người vay nhận món vay đầu tiên đến ngày trả hết nợ gốc. NHCSXH nơi cho vay thoả thuận với người vay trả lãi theo tháng trong thời hạn trả nợ. Trường hợp, người vay có nhu cầu trả lãi theo định kỳ hàng tháng, quý trong thời gian phát tiền vay thì NHCSXH nơi cho vay thực hiện thu theo yêu cầu của người vay.

- Đối với các khoản nợ quá hạn, thu nợ gốc đến đâu thì thu lãi đến đó; trường hợp người vay thực sự khó khăn có thể ưu tiên thu gốc trước thu lãi sau.

- Đối với HSSV đã vay vốn sau khi tốt nghiệp đi nghĩa vụ quân sự hoặc được tuyển chọn phục vụ có thời hạn trong công an nhân dân, được kéo dài thời

gian trả nợ và được **miễn lãi tiền vay** tương ứng với thời gian phục vụ tại ngũ của HSSV đó..

10. Xử lý nợ đến hạn

a) Gia hạn nợ:

- Đến thời điểm trả nợ cuối cùng, nếu người vay có khó khăn khách quan chưa trả được nợ thì được NHCSXH cho gia hạn nợ.

- Thủ tục gia hạn nợ:

+ Đối với cho vay thông qua hộ gia đình: thực hiện như cho vay hộ nghèo.

+ Đối với cho vay HSSV mồ côi: HSSV viết giấy đề nghị gia hạn nợ theo mẫu 09/TD gửi NHCS nơi cho vay để xem xét giải quyết.

- Thời gian cho gia hạn nợ: tùy từng trường hợp cụ thể, ngân hàng có thể cho gia hạn một hay nhiều lần cho một khoản vay, nhưng thời gian gia hạn nợ tối đa bằng 1/2 thời hạn trả nợ.

b) Chuyển nợ quá hạn:

Người vay không trả nợ đúng hạn theo kỳ hạn trả nợ cuối cùng và không được NHCSXH cho gia hạn nợ thì chuyển toàn bộ số dư nợ sang nợ quá hạn.

Sau khi chuyển nợ quá hạn, Ngân hàng nơi cho vay phối hợp với chính quyền sở tại, các tổ chức chính trị - xã hội, Tổ TK&VV và tổ chức, cá nhân sử dụng lao động là HSSV đã được vay vốn để thu hồi nợ. Trường hợp, người vay có khả năng trả nợ thì xem xét chuyển hồ sơ sang cơ quan pháp luật để xử lý thu hồi vốn theo quy định của pháp luật.

11. Xử lý nợ rủi ro

Thực hiện theo Quyết định số 62/QĐ-HĐQT ngày 27/9/2021.

12. Kiểm tra vốn vay

- Đối với những trường hợp vay vốn thông qua hộ gia đình: kiểm tra như cho vay hộ nghèo.

- Đối với trường hợp HSSV vay trực tiếp tại NHCSXH nơi trường đóng trụ sở: NHCSXH nơi cho vay trực tiếp kiểm tra tính hợp lệ, hợp pháp của bộ hồ sơ xin vay và kiểm tra thực tế việc sử dụng vốn vay (Mẫu số 06/TD).

13. Về cam kết trả nợ

- Đối với cho vay HSSV thông qua hộ gia đình: trước kỳ thi tốt nghiệp tối thiểu 2 tuần, sinh viên đã vay vốn vẫn còn dư nợ tại NHCSXH phải làm giấy cam kết trả nợ theo (mẫu 05/TDSV) nộp cho nhà trường.

- Đối với cho vay HSSV mồ côi: khi giải ngân số tiền cho vay của kỳ học cuối cùng, NHCSXH nơi cho vay định kỳ hạn trả nợ của toàn bộ số tiền cho vay

và yêu cầu HSSV mô côi viết cam kết trả nợ (*mẫu số 03/CKSV*). Nếu HSSV mô côi bỏ học, thôi học... và không nhận tiền vay kỳ cuối cùng, NHCSXH nơi cho vay định kỳ hạn trả nợ và phải tìm mọi biện pháp liên hệ với HSSV mô côi để yêu cầu HSSV mô côi viết cam kết trả nợ.

Chỉ sau khi học sinh, sinh viên vay vốn làm giấy cam kết trả nợ thì nhà trường mới làm các thủ tục cấp giấy chứng nhận tốt nghiệp, phát bằng tốt nghiệp và trả hồ sơ cho học sinh, sinh viên.

VI. CHƯƠNG TRÌNH CHO VAY NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN

1. Đối tượng được vay

- Các hộ gia đình thuộc khu vực nông thôn bao gồm các xã thuộc huyện, các xã thuộc thị xã và xã thuộc thành phố thuộc tỉnh.

Lưu ý:

(1) Các hộ trước đây đã vay và **đã trả hết nợ vốn vay**, có nhu cầu vay mới để xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp các công trình nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn đã sử dụng nhiều năm, bị hư hỏng, xuống cấp, không đảm bảo theo Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia được UBND cấp xã xác nhận thì tiếp tục được vay.

(2) Đối với hộ gia đình có các thành viên trên 60 tuổi không có con, chưa có công trình NS&VSMTNT được vay vốn khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau: ^(vb 4098)

- Có hộ khẩu thường trú hoặc đăng ký tạm trú dài hạn ở khu vực nông thôn.
- Chưa có công trình NS&VSMTNT hoặc đã có nhưng chưa đạt tiêu chuẩn quốc gia về nước sạch và chưa đảm bảo vệ sinh môi trường nông thôn được UBND xã xác nhận.
- Là thành viên Tổ TK&VV và được bình xét có tên trong danh sách được UBND cấp xã xác nhận.

2. Điều kiện vay vốn

NHCSXH xem xét và quyết định cho vay khi hộ vay có đủ các điều kiện sau:

- Hộ gia đình cư trú hợp pháp tại địa phương thuộc khu vực nông thôn nơi NHCSXH đóng trụ sở.
- Chưa có công trình nước sạch và vệ sinh môi trường (NS&VSMT) hoặc đã có nhưng chưa đạt tiêu chuẩn quốc gia về nước sạch và chưa đảm bảo vệ sinh môi trường nông thôn được UBND cấp xã xác nhận.

- Hộ vay không phải thế chấp tài sản nhưng phải là thành viên Tổ TK&VV, được Tổ bình xét lập thành Danh sách đề nghị vay vốn có xác nhận của UBND cấp xã về địa chỉ cư trú hợp pháp của các hộ gia đình tại xã, chưa có công trình NS&VSMT hoặc đã có nhưng chưa đạt tiêu chuẩn quốc gia về nước sạch và vệ sinh môi trường.

3. Mục đích sử dụng vốn vay

Mua nguyên vật liệu; trả công xây dựng; các chi phí cần thiết khác cho việc xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp công trình nước sạch, công trình vệ sinh bảo đảm theo tiêu chuẩn quốc gia về NS&VSMT nông thôn (hố xí hoặc hố xí kèm bể biogaz, chuồng trại chăn nuôi gia súc, gia cầm; xử lý nước thải, rác thải khu vực làng nghề nông thôn).

Lưu ý: nếu đầu tư xây dựng chuồng trại để nuôi gia súc, gia cầm mà không đảm bảo theo chuẩn quốc gia về nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn thì không đúng mục đích vay vốn của chương trình.^{vb 4098}

4. Mức cho vay

- Mức cho vay được xác định căn cứ vào: (i) giá trị dự toán công trình do hộ gia đình lập đối với công trình quy mô hộ gia đình hoặc do đơn vị tư vấn lập đối với công trình tập trung nhưng không được vượt quá giá trị dự toán công trình theo thiết kế mẫu do Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn quy định trong từng thời kỳ; (ii) nhu cầu xin vay vốn của hộ gia đình.

- Mức cho vay tối đa đối với mỗi loại công trình 10 triệu đồng/công trình/hộ. Nếu hộ được vay cả hai loại công trình (công trình nước sạch và công trình vệ sinh) thì mức cho vay tối đa là 20 triệu đồng.

5. Lãi suất cho vay

- Lãi suất cho vay do Thủ tướng Chính phủ quyết định từng thời kỳ, hiện nay lãi suất cho vay là 9%/năm.

- Lãi suất nợ quá hạn bằng 130% lãi suất khi cho vay.

6. Phương thức cho vay và thời hạn cho vay

- *Phương thức cho vay:* cho vay trực tiếp có ủy thác một số nội dung công việc trong quy trình cho vay cho các tổ chức Chính trị - xã hội thông qua Tổ TK&VV theo quy định hiện hành của NHCSXH.

- *Thời hạn cho vay:* tối đa không quá 60 tháng.

7. Quy trình và thủ tục cho vay

- *Hồ sơ cho vay:*

+ Giấy đề nghị vay vốn kèm phương án sử dụng vốn vay (mẫu số 01/TD)

+ Danh sách hộ gia đình đề nghị vay vốn (mẫu số 03/TD)

+ Biên bản họp Tổ TK&VV (mẫu 10C/TD)

+ Sổ vay vốn.

- *Quy trình cho vay*: thực hiện như cho vay hộ nghèo.

8. Tổ chức giải ngân

Tuỳ theo hình thức thi công, NHCSXH tổ chức giải ngân như sau:

*** Đối với công trình của từng hộ riêng biệt do hộ tự làm hoặc thầu khoán**

- Giải ngân trực tiếp cho người vay hoặc giải ngân theo phương thức thanh toán tay ba (hộ vay ký nhận tiền vay và số tiền vay này được chuyển thẳng cho đơn vị nhận thầu khoán xây dựng công trình).

- Căn cứ vào tình hình thực tế, NHCSXH có thể giải ngân một lần hoặc nhiều lần số tiền cho vay được duyệt.

*** Đối với công trình cấp nước và vệ sinh môi trường tập trung** (các hộ cùng góp vốn để xây dựng và được sử dụng chung):

- Việc giải ngân thực hiện theo phương thức thanh toán tay ba, hộ vay nhận nợ NHCSXH và NHCSXH chuyển tiền cho đơn vị nhận thầu.

- Việc giải ngân thực hiện làm hai đợt: đợt một ứng trước tối đa 70% số tiền cho vay theo Sổ vay vốn, đợt hai giải ngân số tiền cho vay còn lại sau khi công trình đã nghiệm thu bàn giao của các bên có liên quan (Trung tâm nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn, đơn vị xây dựng, các hộ gia đình hoặc đại diện hộ gia đình và UBND cấp xã).

9. Định kỳ hạn nợ, thu nợ, thu lãi

- *Định kỳ hạn trả nợ*: số tiền cho vay được phân kỳ hạn trả nợ 6 tháng 1 lần, số tiền trả nợ từng lần do Ngân hàng và hộ vay thỏa thuận.

- *Thu nợ gốc*: thu theo phân kỳ đã thỏa thuận. Trường hợp khách hàng không trả được số nợ của kỳ hạn trước được chuyển trả vào kỳ hạn tiếp theo

- *Thu tiền lãi*: thực hiện thu theo tháng.

Lưu ý: trong thời gian chưa trả hết nợ, hộ dân không được tự động bán, chuyển nhượng, cầm cố công trình cho người khác. Trường hợp các hộ dân bán, chuyển nhượng nhà, đất có chung hoặc có riêng các công trình này thì phải có cam kết trả nợ (gốc và lãi), được UBND xã và NHCSXH xác nhận với nguyên tắc **người bán phải trả được nợ**.

10. Gia hạn nợ

- Thời gian cho gia hạn nợ: tùy từng trường hợp cụ thể, NHCSXH có thể thực hiện việc gia hạn nợ một hay nhiều lần nhưng thời gian cho gia hạn nợ tối đa không quá ½ thời hạn cho vay ghi trên Hợp đồng tín dụng.

- Thủ tục, quy trình gia hạn nợ được thực hiện theo văn bản 4086/NHCS-TDNN ngày 26/10/2016.

11. Xử lý nợ rủi ro và kiểm tra vốn vay: thực hiện như cho vay Hộ nghèo.

12. Các trường hợp chuyển nợ quá hạn:

- Hộ vay sử dụng vốn sai mục đích.
- Đến hạn trả nợ cuối cùng và hộ vay không được gia hạn nợ thì Ngân hàng chuyển toàn bộ số dư nợ sang nợ quá hạn.

VII. CHƯƠNG TRÌNH CHO VAY DỰ ÁN DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA

1. Nguồn vốn cho vay

Là khoản cho vay lại của Bộ Tài chính cho NHCSXH vay để cho vay bằng đồng Euro tương đương 10.000.000 EUR (Mười triệu Euro) từ nguồn vốn vay của Chính phủ Cộng hòa Liên bang Đức thông qua Ngân hàng Tái thiết Đức (KFW) để thiết lập Quỹ tín dụng quay vòng nhằm cho vay tới các doanh nghiệp nhỏ và vừa thuộc vùng dự án, cụ thể:

- a) Hợp đồng cho vay lại ký ngày 26/8/2005, thời gian kết thúc là ngày 30/12/2025.
- b) Hợp đồng cho vay lại ký ngày 03/9/2007, thời gian kết thúc là ngày 30/6/2027.

2. Phạm vi thực hiện dự án

Các đơn vị thực hiện cho vay do Tổng Giám đốc NHCSXH thông báo từng thời kỳ. Hiện nay, bao gồm 22 đơn vị: Sở giao dịch, Hưng Yên, Hà Nội, Nam Định, Bắc Ninh, Bắc Giang, Quảng Ninh, Hà Giang, Sơn La, Hòa Bình, Điện Biên, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Đà Nẵng, Khánh Hòa, Gia Lai, TP Hồ Chí Minh, Đồng Nai, Bình Dương, Long An, Thanh Hóa, Cần Thơ.

3. Đối tượng vay vốn

Là doanh nghiệp nhỏ và vừa có đăng ký thành lập và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014 của Quốc hội; Nghị định số 39/2018/NĐ-CP ngày 11/3/2018 của Chính phủ chi tiết một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

4. Điều kiện vay vốn

Doanh nghiệp nhỏ và vừa được vay vốn khi có **đủ các điều kiện** sau:

- a) Có giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.

b) Có dự án vay vốn phù hợp với ngành nghề đăng ký kinh doanh đã được thông báo công khai trên Cổng thông tin Quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

c) Có tài sản bảo đảm theo quy định.

5. Mức cho vay

a) Mức cho vay đối với mỗi khách hàng được căn cứ vào:

- Nhu cầu vay vốn của khách hàng.
- Vốn tự có tham gia vào dự án.
- Giá trị của tài sản bảo đảm.
- Khả năng hoàn trả nợ vay của khách hàng.
- Khả năng nguồn vốn của Dự án KFW.

b) Mức cho vay không quá 80%/giá trị của dự án xin vay, khách hàng có thể vay vốn cho nhiều dự án nhưng tổng dư nợ không quá 01 tỷ đồng/01 khách hàng và không quá **70%** giá trị của tài sản bảo đảm.

6. Lãi suất cho vay:

- Lãi suất cho vay do NHCSXH quyết định theo từng thời kỳ. Mức lãi suất cho vay hiện nay là 0,75%/tháng (9%/năm).
- Lãi suất nợ quá hạn bằng 130% lãi suất cho vay.

7. Thời hạn cho vay

Thời hạn cho vay tối đa 60 tháng. Thời hạn cho vay cụ thể do NHCSXH và khách hàng vay vốn thỏa thuận, căn cứ vào nguồn vốn của dự án do NHCSXH quản lý, thời hạn thu hồi vốn của dự án đầu tư, khả năng trả nợ của khách hàng vay vốn.

8. Phương thức cho vay

NHCSXH thực hiện cho vay trực tiếp tại trụ sở NHCSXH nơi cho vay

9. Hồ sơ vay vốn

- Giấy đề nghị vay vốn theo mẫu số 01/TDDN;
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; giấy phép đầu tư đối với doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; trong đó:
 - + Trường hợp khách hàng nộp hồ sơ trực tiếp: bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao và xuất trình bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực.
 - + Trường hợp khách hàng nộp hồ sơ qua bưu điện: bản sao có chứng thực.
- Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật trong 02 năm liền kề và báo cáo nhanh về tình hình tài chính kể từ đầu năm tài chính đến thời điểm vay vốn. Nếu doanh nghiệp có thời gian hoạt động dưới 02 năm thì gửi báo cáo tài

chính năm đã hoạt động (nếu có) và báo cáo về tình hình tài chính kể từ đầu năm tài chính đến thời điểm vay.

- Dự án vay vốn theo mẫu 02/TDDN.
- Bản sao các giấy tờ liên quan đến tài sản bảo đảm tiền vay.

10. Thủ tục cho vay

a) Khách hàng gửi bộ hồ sơ vay vốn tới NHCSXH nơi cho vay. Cán bộ được phân công nhận hồ sơ và kiểm tra bộ hồ sơ vay vốn. Nếu bộ hồ sơ đáp ứng đầy đủ về số lượng và thông tin theo quy định thì lập giấy nhận hồ sơ theo mẫu 03/TDDN.

b) Trong phạm vi 10 ngày làm việc, cán bộ tín dụng được Giám đốc NHCSXH nơi cho vay phân công tiến hành thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp, hợp lệ của hồ sơ vay vốn và lập báo cáo thẩm định theo mẫu số 04/TDDN. Báo cáo thẩm định phải tuân thủ các nội dung theo mẫu hướng dẫn và được đánh máy.

- Trường hợp không đồng ý cho vay: cán bộ tín dụng trình Trưởng phòng KHNVTĐ/Tổ trưởng KHNVTĐ, sau đó trình Giám đốc NHCSXH nơi cho vay ký thông báo từ chối cho vay theo mẫu số 06/TDDN gửi cho khách hàng.

- Trường hợp đồng ý cho vay: cán bộ tín dụng trình Trưởng phòng KHNVTĐ/Tổ trưởng KHNVTĐ, kiểm soát tính hợp lệ và hợp pháp của hồ sơ, sau đó, trình Giám đốc NHCSXH nơi cho vay xem xét, quyết định cho vay, đồng thời thông báo cho khách hàng theo mẫu số 05/TDDN.

Sau đó cán bộ tín dụng được phân công cùng khách hàng lập hợp đồng tín dụng theo mẫu 07/TDDN; hợp đồng thế chấp tài sản đã thực hiện đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định. Lệ phí công chứng và giao dịch bảo đảm do khách hàng chi trả.

Việc kiểm soát hồ sơ và phê duyệt kể từ khi cán bộ tín dụng được phân công thẩm định trình không quá 05 ngày làm việc.

11. Lưu giữ hồ sơ:

a. Bàn giao hồ sơ cho bộ phận Kế toán lưu giữ bao gồm:

- Giấy đề nghị vay vốn theo mẫu số 01/TDDN.
- Hợp đồng tín dụng theo mẫu số 07/TDDN.
- Hợp đồng thế chấp tài sản đã công chứng.
- Giấy đề nghị giải ngân theo mẫu số 09/TDDN.

Lưu ý: kế toán chỉ được phát tiền vay sau khi khách hàng đã làm các thủ tục nhập kho các giấy tờ gốc: hợp đồng thế chấp tài sản đã công chứng; giấy tờ liên quan đến tài sản bảo đảm.

b. Bộ phận tín dụng: lưu giữ giấy tờ còn lại

12. Giải ngân

Tiền vay được NHCSXH nơi cho vay giải ngân bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản, yêu cầu khách hàng ký xác nhận vào phần theo dõi cho vay - thu nợ trong phụ lục hợp đồng tín dụng.

13. Thu nợ gốc, thu lãi

a) Thu nợ gốc

Khách hàng nộp tiền mặt hoặc chuyển tiền vào tài khoản thanh toán được mở tại NHCSXH nơi cho vay hoặc NHCSXH nơi cho vay thực hiện trích từ tài khoản thanh toán của khách hàng để thu nợ gốc đến hạn. Khách hàng có thể trả nợ gốc trước hạn.

b) Thu lãi

Lãi thu hàng tháng theo quy định, được tính trên số dư nợ thực tế. Khách hàng nộp tiền mặt hoặc NHCSXH nơi cho vay thực hiện trích từ tài khoản thanh toán của khách hàng để thu lãi.

14. Định kỳ hạn trả nợ

- Cho vay ngắn hạn (từ 12 tháng trở xuống): trả nợ gốc một lần khi đến hạn.

- Đối với cho vay trung hạn (trên 12 tháng đến 60 tháng): NHCSXH nơi cho vay và khách hàng căn cứ vào nguồn vốn cho vay, chu kỳ sản xuất, kinh doanh, thời hạn thu hồi vốn của dự án và khả năng trả nợ của khách hàng để thỏa thuận định kỳ hạn trả nợ cho phù hợp nhưng tối đa không quá 6 tháng một lần kể từ ngày khách hàng nhận món vay đầu tiên.

15. Điều chỉnh kỳ hạn nợ, gia hạn nợ, chuyển nợ quá hạn

a) Điều chỉnh kỳ hạn trả nợ:

Đến kỳ hạn trả nợ, khách hàng vay vốn chưa có khả năng trả nợ do nguyên nhân khách quan thì phải có Giấy đề nghị điều chỉnh kỳ hạn trả nợ theo mẫu số 10/TDDN gửi NHCSXH nơi cho vay trước 05 ngày đến hạn trả nợ, NHCSXH nơi cho vay xem xét điều chỉnh kỳ hạn trả nợ, nhưng không được vượt quá hạn trả nợ cuối cùng.

b) Gia hạn nợ

Đến hạn trả nợ cuối cùng khách hàng chưa trả được nợ do nguyên nhân khách quan thì phải có Giấy đề nghị gia hạn nợ theo mẫu số 11/TDDN gửi NHCSXH nơi cho vay trước 05 ngày đến hạn trả nợ. NHCSXH nơi cho vay xem xét cho gia hạn nợ.

Việc gia hạn nợ có thể một hay nhiều lần, nhưng tối đa không quá thời hạn đã cho vay đối với cho vay ngắn hạn và tối đa không quá 1/2 thời hạn đã cho vay đối với cho vay trung hạn.

c) Chuyển nợ quá hạn

- Đến kỳ hạn trả nợ khách hàng chưa trả được nợ, không được NHCSXH xem xét cho điều chỉnh kỳ hạn trả nợ thì NHCSXH chuyển số nợ chưa trả được của kỳ hạn đó sang nợ quá hạn.

- Đến thời hạn trả nợ cuối cùng khách hàng chưa trả được nợ, không được NHCSXH xem xét cho gia hạn nợ thì NHCSXH nơi cho vay chuyển toàn bộ số dư nợ còn lại sang nợ quá hạn.

Sau khi chuyển nợ quá hạn, NHCSXH nơi cho vay gửi thông báo cho khách hàng biết theo mẫu số 12/TDDN, phối hợp với các cơ quan chức năng tìm biện pháp tích cực thu hồi nợ hoặc chuyển hồ sơ sang cơ quan pháp luật để xử lý thu hồi theo quy định của pháp luật.

16. Xử lý nợ rủi ro

Việc xử lý nợ bị rủi ro được thực hiện theo quy định của Thủ tướng Chính phủ và NHCSXH về Quy chế xử lý nợ bị rủi ro tại NHCSXH.

17. Kiểm tra sử dụng vốn vay

NHCSXH thực hiện kiểm tra sử dụng vốn vay định kỳ 1 năm 1 lần hoặc kiểm tra đột xuất theo mẫu 08/TDDN. Trong vòng 30 ngày kể từ ngày phát tiền vay NHCSXH phải kiểm tra lần đầu tiên việc sử dụng vốn vay.

Trường hợp kiểm tra phát hiện khách hàng sử dụng vốn vay sai mục đích hoặc các vi phạm khác theo cam kết trong hợp đồng tín dụng thì NHCSXH thực hiện thu hồi nợ trước hạn hoặc áp dụng các chế tài khác. Sau thời gian vi phạm, khách hàng không khắc phục các vi phạm thì chuyển nợ quá hạn và xử lý theo pháp luật quy định.

18. Thời gian thực hiện khoản vay

a) Căn cứ vào Hợp đồng cho vay lại giữa Bộ Tài chính và NHCSXH, các khoản cho vay phải thu hồi nợ trước thời hạn trả nợ cuối cùng của Hợp đồng vay lại, cụ thể:

- Hạn trả nợ cuối cùng không quá ngày 30/12/2025 đối với khoản vay bằng nguồn tài trợ theo Hợp đồng cho vay lại ký ngày 26/8/2005.

- Hạn trả nợ cuối cùng không quá ngày 30/6/2027 đối với khoản vay bằng nguồn tài trợ theo Hợp đồng cho vay lại ký ngày 03/9/2007.

b) Đối với Hợp đồng tín dụng đã ký trước ngày 02/12/2016 thì việc quản lý, giải ngân cho vay và thu hồi nợ được thực hiện theo nội dung đã ký đến khi thu hồi hết khoản nợ vay.

VĂN BẢN LIÊN QUAN

1. Văn bản 5088/NHCS-TDSV ngày 02/12/2016 của Tổng Giám đốc NHCSXH về hướng dẫn Nghiệp vụ cho vay đối với Dự án “Chương trình phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa vay vốn KFW”
 2. Quyết định 308/QĐ-NHCS ngày 02/02/2017 của Tổng Giám đốc về việc bổ sung chi nhánh tham gia thực hiện Dự án Chương trình phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa vay vốn KFW
 3. Các văn bản khác có liên quan
-

VIII. HƯỚNG DẪN NGHIỆP VỤ CHO VAY ƯU ĐÃI ĐỂ MUA, THUÊ MUA NHÀ Ở XÃ HỘI; XÂY DỰNG MỚI HOẶC CẢI TẠO, SỬA CHỮA NHÀ ĐỂ Ở

CĂN CỨ PHÁP LÝ

Căn cứ Nghị định số 100/2015/NĐ-CP ngày 20 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về phát triển và quản lý nhà ở xã hội; Nghị định số 49/2021/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2021 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 100/2015/NĐ-CP ngày 20 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về phát triển và quản lý nhà ở xã hội;

Căn cứ Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà ở;

Căn cứ Nghị định số 102/2017/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về đăng ký biện pháp bảo đảm;

Căn cứ Nghị định số 21/2021/NĐ-CP ngày 19 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ về quy định thi hành Bộ luật Dân sự về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ;

Căn cứ Quyết định số 16/2003/QĐ-TTg ngày 22 tháng 01 năm 2003 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt điều lệ về tổ chức và hoạt động của Ngân hàng Chính sách xã hội;

Căn cứ Thông tư số 26/2015/TT-NHNN ngày 09/12/2015 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về hướng dẫn trình tự, thủ tục thế chấp và giải chấp tài sản là dự án đầu tư xây dựng nhà ở, nhà ở hình thành trong tương lai;

Căn cứ Thông tư số 09/2021/TT-BXD ngày 16 tháng 8 năm 2021 của Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 100/2015/NĐ-CP ngày 20 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về phát triển và quản lý nhà ở xã hội và Nghị định số 49/2021/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2021 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 100/2015/NĐ-CP ngày 20 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về phát triển và quản lý nhà ở xã hội;

Căn cứ Văn bản số 9496/NHNN-TD ngày 10/12/2015 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc triển khai thực hiện Nghị định số 100/2015/NĐ-CP;

Văn bản 8586/NHCS-TDSV ngày 29/9/2021 của Tổng Giám đốc NHCSXH về việc hướng dẫn Nghiệp vụ cho vay ưu đãi để mua, thuê mua nhà ở xã hội; xây dựng mới hoặc cải tạo, sửa chữa nhà để ở.

1. Đối tượng được vay vốn

- a) Người có công với cách mạng theo quy định của pháp luật về ưu đãi người có công với cách mạng;
- b) Người thu nhập thấp, hộ nghèo, cận nghèo tại khu vực đô thị.
- c) Người lao động đang làm việc tại các doanh nghiệp trong và ngoài khu công nghiệp;
- d) Sĩ quan, hạ sĩ quan nghiệp vụ, hạ sĩ quan chuyên môn kỹ thuật, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân trong cơ quan, đơn vị thuộc công an nhân dân và quân đội nhân dân;
- đ) Cán bộ, công chức, viên chức theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức, viên chức.

2. Nguyên tắc vay vốn

- a) Người vay phải đúng đối tượng được vay và đáp ứng đầy đủ các điều kiện vay vốn theo quy định;
- b) Người vay phải sử dụng vốn vay đúng mục đích xin vay;
- c) Người vay vốn phải trả nợ cả gốc và lãi đúng hạn.

3. Điều kiện được vay vốn

- a) Đối với vay vốn để mua, thuê mua nhà ở xã hội
 - Các đối tượng quy định tại Điểm b, c, d, đ Mục 1 phải thuộc diện không phải đóng thuế thu nhập thường xuyên theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập cá nhân; trường hợp là hộ nghèo, cận nghèo thì phải thuộc chuẩn hộ nghèo, hộ cận nghèo theo quy định của Chính phủ theo từng thời kỳ.
 - Phải thực hiện gửi tiền tiết kiệm hàng tháng tại NHCSXH với thời gian gửi tối thiểu 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng tín dụng với NHCSXH, mức gửi hàng tháng tối thiểu bằng mức trả nợ gốc bình quân tháng của người vay vốn.
 - Có đủ hồ sơ chứng minh về đối tượng, điều kiện thực trạng nhà ở, điều kiện cư trú và điều kiện thu nhập để được hưởng chính sách nhà ở xã hội theo quy định:
 - Có nguồn thu nhập và khả năng trả nợ theo cam kết với NHCSXH;
 - Có Giấy đề nghị vay vốn để mua, thuê mua nhà ở xã hội, trong đó có cam kết của cá nhân và các thành viên trong hộ gia đình chưa được hưởng chính sách hỗ trợ nhà ở, đất ở dưới mọi hình thức tại nơi sinh sống;

- Có Hợp đồng mua, thuê mua nhà ở xã hội với chủ đầu tư dự án mà dự án của chủ đầu tư đó có trong danh mục dự án xây dựng nhà ở xã hội thuộc chương trình, kế hoạch đầu tư nhà ở xã hội của cơ quan có thẩm quyền phê duyệt;

- Có vốn tự có tối thiểu bằng 20% giá trị Hợp đồng mua, thuê mua nhà ở xã hội;

- Thực hiện bảo đảm tiền vay bằng tài sản hình thành từ vốn vay theo quy định của pháp luật. Ngân hàng cho vay, chủ đầu tư và người vay vốn phải quy định rõ phương thức quản lý, xử lý tài sản bảo đảm trong Hợp đồng ba bên.

b) Đối với vay vốn để xây dựng mới hoặc cải tạo, sửa chữa nhà ở

- Các đối tượng quy định tại Điểm b, c, d, đ Mục 1 phải thuộc diện không phải đóng thuế thu nhập thường xuyên theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập cá nhân; trường hợp là hộ nghèo, cận nghèo thì phải thuộc chuẩn hộ nghèo, hộ cận nghèo theo quy định của Chính phủ theo từng thời kỳ;

- Phải thực hiện gửi tiền tiết kiệm hàng tháng tại NHCSXH với thời gian gửi tối thiểu 12 tháng kể từ ngày ký Hợp đồng tín dụng với NHCSXH, mức gửi hàng tháng tối thiểu bằng mức trả nợ gốc bình quân tháng của người vay vốn;

- Có đủ hồ sơ chứng minh về đối tượng, điều kiện thực trạng nhà ở, điều kiện cư trú và điều kiện thu nhập để được hưởng chính sách nhà ở xã hội theo quy định;

- Có nguồn thu nhập và khả năng trả nợ theo cam kết với NHCSXH;

- Có Giấy đề nghị vay vốn để xây dựng mới hoặc cải tạo, sửa chữa nhà ở, trong đó có cam kết của cá nhân và các thành viên trong hộ gia đình chưa được vay vốn ưu đãi hỗ trợ nhà ở xã hội tại các tổ chức tín dụng;

- Có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại địa phương cấp huyện nơi đăng ký hộ khẩu thường trú do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp theo quy định của pháp luật về đất đai;

- Có phương án tính toán giá thành, có giấy phép xây dựng đối với trường hợp yêu cầu phải có giấy phép xây dựng theo quy định của pháp luật về xây dựng. Trường hợp có giấy phép xây dựng có thời hạn theo quy định của pháp luật thì được xem xét cho vay vốn phù hợp với thời hạn được tồn tại của công trình;

- Có vốn tự có tối thiểu bằng 30% phương án tính toán giá thành của người vay;

- Thực hiện bảo đảm tiền vay bằng giá trị quyền sử dụng đất ở và tài sản gắn liền với đất ở hoặc tài sản khác theo quy định của pháp luật và quy định của NHCSXH.

4. Mức vốn cho vay

a) Đối với vay vốn để mua, thuê mua nhà ở xã hội, mức cho vay tối đa bằng 80% giá trị Hợp đồng mua, thuê mua nhà ở xã hội.

b) Đối với vay vốn để xây dựng mới hoặc cải tạo, sửa chữa nhà để ở, mức cho vay tối đa bằng 70% giá trị dự toán hoặc phương án vay, tối đa không quá 500 triệu đồng và không vượt quá 70% giá trị tài sản bảo đảm tiền vay.

c) Mức cho vay cụ thể do NHCSXH nơi cho vay xem xét căn cứ vào nguồn vốn, khả năng trả nợ, phương án tính toán giá thành và phương án vay của người vay để thống nhất xác định mức cho vay phù hợp.

5. Lãi suất cho vay

a) Lãi suất cho vay do Thủ tướng Chính phủ quyết định cho từng thời kỳ theo đề nghị của Hội đồng quản trị NHCSXH cho từng thời kỳ, hiện nay lãi suất cho vay là 4,8%/năm.

b) Lãi suất nợ quá hạn bằng 130% lãi suất cho vay do Thủ tướng Chính phủ quyết định cho từng thời kỳ.

6. Thời hạn cho vay

Thời hạn cho vay do NHCSXH nơi cho vay và người vay vốn thỏa thuận phù hợp với khả năng trả nợ của người vay vốn và tối đa không quá 25 năm kể từ ngày giải ngân khoản vay đầu tiên.

7. Phương thức cho vay

NHCSXH thực hiện cho vay trực tiếp tại trụ sở chi nhánh NHCSXH cấp tỉnh hoặc Phòng giao dịch NHCSXH cấp huyện (gọi chung là NHCSXH nơi cho vay), có ủy thác một số nội dung công việc cho các tổ chức chính trị - xã hội. Người vay vốn là thành viên của Tổ TK&VV được thành lập và hoạt động theo quy định của NHCSXH.

8. Hồ sơ vay vốn

a) Hồ sơ do người vay vốn lập và cung cấp

❖ Bản gốc Giấy đề nghị vay vốn theo mẫu số 01/NOXH; Bản gốc Giấy ủy quyền theo quy định của NHCSXH đối với đối tượng vay vốn là hộ nghèo, hộ cận nghèo tại khu vực đô thị;

❖ Giấy xác nhận về đối tượng và thực trạng nhà ở

- Đối với vay vốn để mua, thuê mua nhà ở xã hội:

+ Đối tượng quy định tại Điểm a Mục 1: bản sao có chứng thực hoặc bản sao từ sổ gốc do cơ quan có thẩm quyền cấp chứng minh về đối tượng là người có công với cách mạng; Giấy xác nhận theo mẫu số 02 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 09/2021/TT-BXD của Bộ xây dựng;

+ Đối tượng quy định tại Điểm b Mục 1: xác nhận theo mẫu số 04 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 09/2021/TT-BXD của Bộ xây dựng;

+ Đối tượng quy định tại Điểm c, d, đ Mục 1 xác nhận theo mẫu số 03 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 09/2021/TT-BXD của Bộ xây dựng.

- Đối với vay vốn để xây dựng mới hoặc cải tạo, sửa chữa nhà để ở:

+ Đối tượng quy định tại Điểm a Mục 1: bản sao có chứng thực hoặc bản sao từ sổ gốc do cơ quan có thẩm quyền cấp chứng minh về đối tượng là người có công với cách mạng; Giấy xác nhận theo mẫu số 01 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 09/2021/TT-BXD của Bộ xây dựng;

+ Đối tượng quy định tại Điểm b Mục 1 xác nhận theo mẫu số 02 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 09/2021/TT-BXD của Bộ xây dựng;

+ Đối tượng quy định tại Điểm c, d, đ Mục 1 xác nhận theo mẫu số 03 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 09/2021/TT-BXD của Bộ xây dựng.

❖ Giấy chứng minh về điều kiện thu nhập

- Đối với vay vốn để mua, thuê mua nhà ở xã hội:

+ Đối tượng quy định tại Điểm b Mục 1 tự khai về điều kiện thu nhập theo mẫu số 09 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 09/2021/TT-BXD của Bộ xây dựng (không cần phải có xác nhận);

+ Đối tượng quy định tại Điểm c, d, đ Mục 1 xác nhận theo mẫu số 08 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 09/2021/TT-BXD của Bộ xây dựng.

- Đối với vay vốn để xây dựng mới hoặc cải tạo, sửa chữa nhà để ở:

+ Đối tượng quy định tại Điểm b Mục 1 tự khai về điều kiện thu nhập theo mẫu số 05 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 09/2021/TT-BXD của Bộ xây dựng (không cần phải có xác nhận);

+ Đối tượng quy định tại Điểm c, d, đ Mục 1 xác nhận theo mẫu số 04 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 09/2021/TT-BXD của Bộ xây dựng.

❖ Giấy tờ chứng minh về điều kiện cư trú.

- Người vay phải có Giấy xác nhận thông tin về cư trú theo quy định, cụ thể như sau:

+ Đối với vay vốn để mua, thuê mua nhà ở xã hội: giấy xác nhận thông tin về cư trú phải thể hiện nơi thường trú trên cùng địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi có nhà ở xã hội mua, thuê mua. Trường hợp chỉ có tạm trú tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi có nhà ở xã hội mua, thuê mua thì phải có thời gian tạm trú từ một năm trở lên và người vay vốn phải có giấy xác nhận đóng bảo hiểm xã hội từ một năm trở lên tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi có dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội.

+ Đối với vay vốn để xây dựng mới hoặc cải tạo, sửa chữa nhà để ở: Giấy xác nhận thông tin về cư trú phải thể hiện nơi thường trú trên cùng địa bàn cấp huyện với nơi có đất để xây dựng mới hoặc cải tạo, sửa chữa nhà để ở.

❖ Giấy tờ chứng minh vay vốn để mua, thuê mua nhà ở xã hội; xây dựng mới hoặc cải tạo, sửa chữa nhà để ở

- Đối với vay vốn để mua, thuê mua nhà ở xã hội:

+ Bản sao có chứng thực Hợp đồng mua bán nhà ở xã hội hoặc Hợp đồng thuê mua nhà ở xã hội theo quy định hiện hành;

+ Bản sao giấy tờ chứng minh đã đóng tiền cho chủ đầu tư để mua, thuê mua nhà ở xã hội theo Hợp đồng đã ký;

+ Bản sao Biên bản bàn giao nhà ở giữa người vay vốn để thuê mua nhà ở xã hội với chủ đầu tư.

- Đối với vay vốn để xây dựng mới hoặc cải tạo, sửa chữa nhà để ở:

+ Bản gốc Phương án tính toán giá thành và phương án vay mẫu số 02/NOXH;

+ Bản gốc Hợp đồng thi công (nếu có);

+ Bản sao có chứng thực Giấy phép xây dựng theo quy định của pháp luật về xây dựng (nếu có);

+ Bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp theo quy định của pháp luật về đất đai.

❖ Giấy tờ khác liên quan đến thực hiện bảo đảm tiền vay:

- Bản sao có chứng thực Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu của người ký Bên thế chấp trên Hợp đồng thế chấp tài sản;

- Bản chính Giấy chứng nhận bảo hiểm tài sản (nếu có) trong trường hợp pháp luật quy định tài sản thế chấp phải mua bảo hiểm;

- Bản gốc văn bản uỷ quyền (có công chứng) của các đồng sở hữu đồng ý cho Bên thế chấp dùng tài sản để làm tài sản thế chấp (nếu có);

- Một số giấy tờ khác liên quan đến bảo đảm tiền vay.

❖ Giấy đề nghị giải ngân mẫu số 10/NOXH;

❖ Giấy đề nghị điều chỉnh kỳ hạn trả nợ mẫu số 12/NOXH;

❖ Giấy đề nghị gia hạn nợ mẫu số 13/NOXH;

❖ Hồ sơ mở tài khoản thanh toán tại NHCSXH nơi cho vay.

b) Hồ sơ do Tổ tiết kiệm và vay vốn lập

Biên bản họp Tổ TK&VV theo quy định hiện hành của NHCSXH.

c) Hồ sơ do Ủy ban nhân dân (UBND) cấp xã lập

- Danh sách đề nghị vay vốn nhà ở xã hội tại NHCSXH theo mẫu số 03/NOXH;

- Biên bản về việc tổ chức bốc thăm lựa chọn người vay vốn trong trường hợp nhu cầu vay vốn lớn hơn chỉ tiêu kế hoạch vốn được giao.

d) Hồ sơ do NHCSXH nơi cho vay lập

- Thông báo nhận hồ sơ vay vốn theo mẫu số 04/NOXH;

- Báo cáo thẩm định theo mẫu số 05/NOXH;

- Thông báo phê duyệt cho vay theo mẫu số 06a/NOXH;

- Thông báo từ chối cho vay theo mẫu số 06b/NƠXH;
- Thông báo chuyển nợ quá hạn theo mẫu số 14/NƠXH;
- Thông báo chấm dứt cho vay theo mẫu số 15/NƠXH;
- Báo cáo thẩm định tài sản thế chấp, thông báo phê duyệt tài sản thế chấp theo quy định hiện hành của NHCSXH.

đ) Hồ sơ do NHCSXH nơi cho vay, người vay vốn và các bên liên quan cùng lập

- Hợp đồng tín dụng theo mẫu số 07a, 07b, 07c/NƠXH;
- Hợp đồng ba bên theo mẫu số 08/NƠXH;
- Hợp đồng thế chấp tài sản theo mẫu số 09/NƠXH;
- Biên bản kiểm tra theo mẫu số 11/NƠXH;
- Biên bản xác định giá trị tài sản thế chấp theo quy định hiện hành của NHCSXH (nếu có);
- Hồ sơ đăng ký biện pháp bảo đảm tiền vay có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền.

9. Quy trình cho vay

a) Tại tổ TK&VV

Người vay vốn gửi hồ sơ quy định (Bản gốc Giấy đề nghị vay vốn; Bản gốc giấy ủy quyền (đối với trường hợp đối tượng là Hộ nghèo, Hộ cận nghèo khu vực đô thị), Giấy xác nhận về đối tượng và thực trạng nhà ở, Giấy chứng minh về điều kiện thu nhập, giấy chứng minh về điều kiện cư trú) cho Tổ TK&VV tại nơi cư trú hợp pháp. Nếu người vay vốn chưa là tổ viên Tổ TK&VV thì Tổ TK&VV tổ chức họp kết nạp bổ sung tổ viên; họp bình xét công khai dưới sự giám sát, chứng kiến của Trưởng thôn hoặc Tổ trưởng tổ dân phố và người đại diện tổ chức chính trị - xã hội nhận ủy thác cấp xã, sau đó gửi hồ sơ vay vốn kèm biên bản họp Tổ TK&VV đến UBND cấp xã.

b) Tại UBND cấp xã

- Căn cứ chỉ tiêu kế hoạch vốn được giao và hồ sơ đề nghị vay vốn của các Tổ TK&VV gửi đến, UBND cấp xã xác nhận trên Danh sách đề nghị vay vốn nhà ở xã hội tại NHCSXH theo mẫu số 03/NƠXH, sau đó gửi Tổ TK&VV để gửi NHCSXH nơi cho vay.

- Trường hợp nhu cầu vay vốn lớn hơn chỉ tiêu kế hoạch vốn được giao thì UBND cấp xã tổ chức xét ưu tiên vay vốn nhà ở xã hội cho người vay vốn là đối tượng người có công với cách mạng hoặc đối tượng tại Điểm b, c, d, đ Mục 1 là người khuyết tật, nữ giới. Sau khi xét ưu tiên cho các đối tượng nói trên được vay vốn, các đối tượng còn lại tổ chức bốc thăm để ưu tiên vay vốn. Việc xét ưu tiên và tổ chức bốc thăm phải được thực hiện công khai, minh bạch,

khách quan, có sự tham gia của người vay vốn và lập thành biên bản lưu tại UBND cấp xã.

c) Tại NHCSXH nơi cho vay

- Khi nhận được hồ sơ vay vốn do Tổ TK&VV gửi đến, NHCSXH nơi cho vay thông báo cho người vay vốn theo mẫu số 04/NOXH đến làm thủ tục và mang theo hồ sơ vay vốn quy định (Giấy tờ chứng minh vay vốn để mua, thuê mua NOXH; xây dựng mới hoặc cải tạo, sửa chữa nhà để ở). Cán bộ được Giám đốc NHCSXH nơi cho vay phân công, trong thời gian tối đa 10 ngày làm việc thực hiện thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp, hợp lệ của hồ sơ vay vốn, lập Báo cáo thẩm định theo mẫu số 05/NOXH. Báo cáo thẩm định được lập phù hợp với từng đối tượng xin vay nhưng phải tuân thủ các nội dung theo mẫu hướng dẫn và được đánh máy.

- Cán bộ được phân công thẩm định trình Báo cáo thẩm định kèm hồ sơ vay vốn cho Trưởng phòng Kế hoạch – Nghiệp vụ tín dụng/Tổ trưởng Kế hoạch - nghiệp vụ kiểm soát, sau đó trình Giám đốc NHCSXH nơi cho vay xem xét phê duyệt. Việc kiểm soát và phê duyệt hồ sơ vay vốn kể từ khi cán bộ được phân công thẩm định đến khi trình Giám đốc tối đa 05 ngày làm việc.

- NHCSXH nơi cho vay thông báo kết quả phê duyệt cho vay theo mẫu số 06a/NOXH hoặc không đồng ý phê duyệt cho vay theo mẫu số 06b/NOXH.

Trường hợp phê duyệt cho vay thì NHCSXH nơi cho vay cùng người vay vốn lập Hợp đồng tín dụng theo mẫu số 07a/NOXH hoặc 07b/NOXH hoặc 07c/NOXH. NHCSXH nơi cho vay cùng người vay vốn và chủ đầu tư ký Hợp đồng ba bên theo mẫu số 08/NOXH (đối với vay vốn để mua, thuê mua nhà ở xã hội); cùng Bên thế chấp lập Hợp đồng thế chấp tài sản và thực hiện công chứng, đăng ký biện pháp bảo đảm theo đúng quy định hiện hành của pháp luật, chi phí do người vay chi trả.

Khi ký hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp tài sản, người vay vốn phải xuất trình bản gốc: giấy tờ chứng minh đã đóng tiền cho chủ đầu tư để mua, thuê mua nhà ở xã hội; hợp đồng mua bán nhà ở xã hội/hợp đồng thuê mua nhà ở xã hội; biên bản bàn giao nhà ở giữa người vay vốn để thuê mua nhà ở xã hội với chủ đầu tư hoặc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất và các giấy tờ liên quan đến hồ sơ thế chấp tài sản để đối chiếu.

Các hợp đồng nêu trên được lập phù hợp với từng đối tượng vay vốn, loại tài sản bảo đảm và phải tuân thủ các nội dung theo mẫu hướng dẫn, được đánh máy.

- Căn cứ hợp đồng tín dụng đã được ký kết giữa người vay vốn với NHCSXH nơi cho vay, người vay vốn mở tài khoản tại NHCSXH nơi cho vay và thực hiện gửi tiền gửi tiết kiệm hàng tháng theo quy định bắt đầu kể từ ngày ký Hợp đồng tín dụng.

- Sau khi hồ sơ của khoản vay được hoàn thiện, cán bộ được Giám đốc

NHCSXH nơi cho vay phân công bàn giao toàn bộ hồ sơ cho bộ phận kế toán làm căn cứ giải ngân.

- Kế toán chỉ được phát tiền vay sau khi người vay vốn đã thực hiện gửi tiền gửi tiết kiệm theo quy định và người vay vốn, bên thế chấp đã bàn giao cho bộ phận kế toán bản gốc: hợp đồng thế chấp tài sản đã công chứng; hợp đồng mua bán nhà ở xã hội/hợp đồng thuê mua nhà ở xã hội của người vay vốn với chủ đầu tư; giấy chứng nhận bảo hiểm tài sản trong trường hợp pháp luật quy định tài sản thế chấp phải mua bảo hiểm (nếu có); biên bản bàn giao nhà ở giữa người vay vốn để thuê mua nhà ở xã hội với chủ đầu tư; giấy tờ chứng minh đã đóng tiền cho chủ đầu tư hoặc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; giấy tờ liên quan đến tài sản thế chấp để lưu thành túi riêng và làm thủ tục lưu trữ, bảo quản trong kho theo chế độ quy định của NHCSXH.

10. Giải ngân

a) Đối với vay vốn để mua, thuê mua nhà ở xã hội

Mỗi lần giải ngân, người vay vốn viết Giấy đề nghị giải ngân theo mẫu số 10/NÓXH gửi kèm Giấy đề nghị thanh toán hoặc thông báo nộp tiền của chủ đầu tư, Hợp đồng tín dụng theo mẫu số 07a/NÓXH hoặc 07b/NÓXH đến NHCSXH nơi cho vay, tiền vay được NHCSXH nơi cho vay chuyển khoản cho chủ đầu tư. Cán bộ được Giám đốc phân công kiểm tra tính hợp lệ, hợp pháp của bộ hồ sơ, ký và trình Trưởng phòng Kế hoạch – Nghiệp vụ tín dụng/Tổ trưởng Kế hoạch - Nghiệp vụ kiểm soát, sau đó trình Giám đốc phê duyệt. Người vay vốn ký xác nhận vào Phụ lục Hợp đồng tín dụng, phần theo dõi giải ngân.

b) Đối với vay vốn để xây dựng mới hoặc cải tạo, sửa chữa nhà để ở

- Mỗi lần giải ngân, người vay vốn viết Giấy đề nghị giải ngân theo mẫu số 10/NÓXH gửi kèm Hợp đồng tín dụng theo mẫu số 07c/NÓXH đến NHCSXH nơi cho vay, tiền vay được NHCSXH nơi cho vay chuyển khoản trả cho đơn vị cung ứng vật tư hoặc chi tiền mặt hoặc chuyển khoản vào tài khoản thanh toán theo đề nghị của người vay vốn.

- Số tiền giải ngân lần đầu không quá 50% số tiền phê duyệt cho vay. Cán bộ được Giám đốc phân công kiểm tra tính hợp lệ, hợp pháp của bộ hồ sơ, ký và trình Trưởng phòng Kế hoạch – Nghiệp vụ tín dụng/Tổ trưởng Kế hoạch - Nghiệp vụ kiểm soát, sau đó trình Giám đốc phê duyệt, tiến hành giải ngân và đề nghị người vay vốn ký nhận nợ vào Phụ lục Hợp đồng tín dụng, phần theo dõi giải ngân.

- NHCSXH nơi cho vay giải ngân số tiền còn lại khi người vay vốn đã sử dụng trên 50% phương án tính toán giá thành và phương án vay. Cán bộ được Giám đốc NHCSXH nơi cho vay phân công tiến hành kiểm tra thực tế công trình theo mẫu số 11/NÓXH, nếu đủ điều kiện thì tiến hành giải ngân và đề nghị người vay vốn ký nhận nợ vào Phụ lục Hợp đồng tín dụng, phần theo dõi giải ngân.

11. Định kỳ hạn trả nợ

a) Định kỳ hạn trả nợ gốc 06 tháng 01 lần kể từ ngày người vay vốn nhận khoản vay đầu tiên.

b) Khi người vay vốn nhận khoản vay cuối cùng, nếu số tiền đã vay thấp hơn số tiền đã được phê duyệt cho vay thì NHCSXH nơi cho vay và người vay thỏa thuận điều chỉnh lại số tiền phải trả của các kỳ hạn trả nợ gốc và/hoặc thời hạn cho vay và ghi vào phụ lục Hợp đồng tín dụng, phân định lại kỳ hạn trả nợ gốc và/hoặc số tiền trả nợ gốc.

12. Kiểm tra, giám sát

Tối đa 30 ngày kể từ ngày phát tiền vay lần cuối cùng, NHCSXH nơi cho vay tiến hành kiểm tra việc sử dụng vốn vay theo mẫu số 11/NOXH. NHCSXH nơi cho vay có trách nhiệm kiểm tra quá trình sử dụng vốn vay và trả nợ, trả lãi của người vay vốn, kiểm tra hiện trạng tài sản bảo đảm tiền vay nhằm đôn đốc người vay vốn thực hiện đúng và đầy đủ những cam kết đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng, Hợp đồng thế chấp tài sản.

13. Thu nợ, thu lãi

a) Thu nợ gốc

- Đến kỳ hạn trả nợ gốc, NHCSXH nơi cho vay trích số dư tài khoản thanh toán của người vay vốn để thu nợ gốc theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng. Người vay vốn được trả nợ trước hạn;

- NHCSXH nơi cho vay thu hồi nợ gốc trước hạn trong trường hợp theo văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc theo quy định tại Điều c Mục 14.

b) Thu lãi

Lãi tiền vay được thực hiện thu hàng tháng bắt đầu từ tháng sau tháng nhận khoản vay đầu tiên. Hàng tháng, NHCSXH nơi cho vay thực hiện trích từ tài khoản thanh toán của người vay vốn để thu lãi.

14. Xử lý nợ

a) Điều chỉnh kỳ hạn trả nợ gốc

Đến kỳ hạn trả nợ gốc theo quy định, người vay phải có trách nhiệm trả nợ; nếu người vay vốn không có khả năng trả nợ một phần hoặc toàn bộ số tiền vay của cả kỳ hạn trả nợ gốc đó thì được xem xét kéo dài thời gian trả nợ sang kỳ hạn trả nợ gốc tiếp theo, thời gian điều chỉnh không quá 06 tháng. Trước 05 ngày đến hạn, người vay vốn phải có Giấy đề nghị điều chỉnh kỳ hạn trả nợ gốc theo mẫu số 12/NOXH gửi NHCSXH nơi cho vay để xem xét điều chỉnh kỳ hạn trả nợ gốc.

b) Gia hạn nợ

Đến hạn trả nợ gốc cuối cùng, người vay vốn không có khả năng trả được nợ thì được xem xét gia hạn nợ. Trước 05 ngày đến hạn, người vay vốn phải có Giấy đề nghị gia hạn nợ theo mẫu số 13/NOXH gửi NHCSXH nơi cho vay để

xem xét cho gia hạn nợ. Việc gia hạn nợ có thể một hoặc nhiều lần, nhưng thời gian gia hạn nợ tối đa không quá 12 tháng.

c) Chuyển nợ quá hạn

❖ NHCSXH nơi cho vay gửi thông báo chuyển nợ quá hạn cho người vay vốn theo mẫu số 14/NOXH đối với các trường hợp:

- Người vay vốn sử dụng vốn vay sai mục đích đã ghi trong Hợp đồng tín dụng thì chuyển số nợ sai mục đích không trả được sang nợ quá hạn.

- Người vay vốn không trả nợ gốc đúng hạn theo thỏa thuận và không được NHCSXH nơi cho vay chấp thuận điều chỉnh kỳ hạn trả nợ gốc hoặc gia hạn nợ thì NHCSXH nơi cho vay chuyển số nợ gốc không trả được đúng hạn sang nợ quá hạn.

- Theo văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

❖ Trường hợp người vay vốn cung cấp thông tin sai sự thật, vi phạm các quy định tại Hợp đồng tín dụng và/hoặc Hợp đồng thế chấp tài sản nhưng trong thời gian 03 tháng tính từ ngày NHCSXH nơi cho vay lập Biên bản kiểm tra theo mẫu số 11/NOXH không khắc phục, sửa chữa thì NHCSXH nơi cho vay lập thông báo chấm dứt theo mẫu số 15/NOXH gửi người vay và sau 03 tháng tính từ ngày lập thông báo gửi theo mẫu 15/NOXH nếu người vay không trả được nợ trước hạn thì NHCSXH nơi cho vay thực hiện chuyển nợ quá hạn.

❖ Sau khi chuyển nợ quá hạn, NHCSXH nơi cho vay phối hợp với các cơ quan liên quan và chính quyền địa phương đôn đốc, yêu cầu người vay vốn thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

15. Xử lý các vi phạm

a) Chấm dứt cho vay

NHCSXH nơi cho vay căn cứ vào kết quả kiểm tra mức độ vi phạm ghi trong Biên bản kiểm tra theo mẫu số 11/NOXH hoặc theo văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền để quyết định chấm dứt cho vay, thu hồi nợ trước hạn và chuyển nợ quá hạn đối với người vay vốn vi phạm theo quy định.

b) NHCSXH nơi cho vay xử lý tài sản bảo đảm hoặc khởi kiện theo quy định của pháp luật và của NHCSXH

- Người vay vốn vi phạm Hợp đồng tín dụng, Hợp đồng thế chấp tài sản, đã được NHCSXH nơi cho vay thông báo bằng văn bản.

- Người vay vốn có nợ quá hạn do nguyên nhân chủ quan nhưng không có biện pháp khả thi để trả nợ ngân hàng.

- Người vay vốn có năng lực tài chính để trả nợ nhưng cố tình trốn tránh, chây ỳ trả nợ theo thỏa thuận.

- Người vay vốn có hành vi lừa đảo, gian lận.

- Các vi phạm khác theo quy định của pháp luật.

16. Xử lý nợ bị rủi ro

Việc xử lý nợ bị rủi ro được thực hiện theo quy định của Thủ tướng Chính phủ và NHCSXH về Quy chế xử lý nợ bị rủi ro tại NHCSXH.

17. Tài khoản tiền gửi của người vay vốn

a) NHCSXH nơi cho vay mở tài khoản thanh toán cho người vay vốn để người vay vốn gửi tiền tiết kiệm và thanh toán các khoản trả nợ gốc, trả lãi theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng và các giao dịch khác (nếu có). Người vay vốn nộp tiền mặt hoặc chuyển khoản vào tài khoản thanh toán tại NHCSXH nơi cho vay. Người vay vốn chuyển tiền trong hệ thống NHCSXH đến tài khoản thanh toán này thì được miễn phí chuyển tiền. NHCSXH nơi cho vay thực hiện trích số dư tài khoản thanh toán để thu nợ gốc, thu lãi theo thỏa thuận.

Đồng thời, NHCSXH nơi cho vay mở tài khoản tiền gửi cho người vay vốn để theo dõi việc gửi tiền tiết kiệm. NHCSXH nơi cho vay thực hiện trích số dư tài khoản thanh toán chuyển sang tài khoản tiền gửi của người vay vốn theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng. Tiền lãi được trả một lần khi tất toán tài khoản tiền gửi. Khi kết thúc thời gian gửi tiền tiết kiệm, NHCSXH nơi cho vay tất toán tài khoản tiền gửi chuyển sang tài khoản thanh toán của người vay vốn.

b) Hồ sơ mở tài khoản: thực hiện theo các quy định hiện hành của NHCSXH.

18. Bảo đảm tiền vay

a) Đối với vay vốn để xây dựng mới hoặc cải tạo, sửa chữa nhà ở thực hiện theo quy định bảo đảm tiền vay trong hệ thống NHCSXH.

b) Đối với vay vốn để mua, thuê mua nhà ở xã hội thực hiện theo quy định bảo đảm tiền vay trong hệ thống NHCSXH có bổ sung một số nội dung sau:

- Người vay vốn mua, thuê mua nhà ở xã hội hình thành từ vốn vay được thế chấp nhà ở này tại NHCSXH để mua, thuê mua chính nhà ở đó.

- Căn cứ Hợp đồng tín dụng, Hợp đồng ba bên đã ký, Hợp đồng mua bán nhà ở xã hội hoặc Hợp đồng thuê mua nhà ở xã hội; giấy tờ chứng minh đã đóng tiền mua hoặc thuê mua nhà ở cho chủ đầu tư theo tiến độ thỏa thuận trong Hợp đồng mua bán nhà ở hoặc Hợp đồng thuê mua nhà ở xã hội; NHCSXH nơi cho vay và người vay vốn lập Hợp đồng thế chấp tài sản theo mẫu số 09/NOXH. Giá trị của tài sản thế chấp tại thời điểm ký Hợp đồng thế chấp tài sản được xác định bằng giá trị Hợp đồng mua, thuê mua nhà ở xã hội. Việc thực hiện công chứng Hợp đồng thế chấp tài sản và đăng ký biện pháp bảo đảm được thực hiện theo đúng quy định hiện hành của pháp luật, chi phí do người vay vốn chi trả.

- Nhà ở hình thành từ vốn vay sau khi hình thành tiếp tục được dùng thế chấp để bảo đảm nghĩa vụ trả nợ cho NHCSXH. Khi người vay vốn để mua, thuê mua nhà ở xã hội đã trả tối đa 95% giá trị Hợp đồng mua, thuê mua nhà ở xã hội cho chủ đầu tư và bàn giao đưa vào sử dụng đối với mua nhà ở xã hội,

NHCSXH nơi cho vay cùng chủ đầu tư, người vay vốn làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đồng thời với thủ tục đăng ký thay đổi nội dung biện pháp bảo đảm đã đăng ký theo quy định của pháp luật tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền, chi phí do người vay vốn chi trả. Ngay sau khi nhận được giấy hẹn trả kết quả do cơ quan có thẩm quyền cấp, người vay vốn và chủ đầu tư phải bàn giao cho NHCSXH nơi cho vay.

- Khi được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định của pháp luật, NHCSXH nơi cho vay cử cán bộ, phương tiện, bảo vệ để nhận, quản lý, vận chuyển và làm thủ tục lưu trữ, bảo quản trong kho ngay trong ngày theo quy định của NHCSXH.

- Khi người vay vốn trả hết nợ (gốc, lãi) thì NHCSXH nơi cho vay làm thủ tục xuất kho trả giấy tờ của tài sản thế chấp cho Bên thế chấp.

IX. CHƯƠNG TRÌNH CHO VAY THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 28/2022/NĐ-CP NGÀY 26/4/2022 CỦA CHÍNH PHỦ (văn bản hướng dẫn số 4912/HD-NHCS và 7359/HD-NHCS)

1. Đối tượng được vay vốn

a. Đối với cho vay hỗ trợ đất ở; cho vay hỗ trợ nhà ở; cho vay hỗ trợ đất sản xuất, chuyển đổi nghề:

- Hộ nghèo dân tộc thiểu số.
- Hộ nghèo dân tộc Kinh cư trú hợp pháp ở xã đặc biệt khó khăn, thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (DTTS&MN).

b. Đối với cho vay hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị:

- Hộ nghèo, hộ cận nghèo.
- Doanh nghiệp (sản xuất, chế biến, kinh doanh), hợp tác xã tham gia vào chuỗi giá trị có từ 70% tổng số lao động trở lên là người dân tộc thiểu số.

c. Đối với cho vay đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý:

- Doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, hộ gia đình và các tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh hoạt động tại các địa bàn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào DTTS&MN, sử dụng từ 50% tổng số lao động trở lên là người dân tộc thiểu số, tham gia vào Dự án dược liệu quý được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

- Dự án dược liệu quý: bao gồm: (i). Dự án phát triển vùng trồng dược liệu quý (Dự án vùng trồng dược liệu quý) ; (ii). Dự án Trung tâm nhân giống, bảo tồn

và phát triển được liệu ứng dụng công nghệ cao (Dự án Trung tâm nhân giống).

2. Nguyên tắc cho vay và vay vốn

- Đảm bảo cho vay đúng đối tượng, đủ điều kiện, rõ ràng, công khai, minh bạch.
- Khách hàng sử dụng vốn vay đúng mục đích, hoàn trả đầy đủ, đúng hạn nợ gốc, lãi.

- Khách hàng thuộc đối tượng, đủ điều kiện vay vốn của nhiều chương trình tín dụng tại NHCSXH để thực hiện cùng mục đích về đất ở, nhà ở, đất sản xuất, chi phí học nghề thì được lựa chọn vay vốn chương trình tín dụng này hoặc tại chương trình tín dụng có mức ưu đãi cao nhất phù hợp với nhu cầu của khách hàng.

- Khách hàng là hộ nghèo, hộ cận nghèo thuộc đối tượng vay vốn theo quy định của chương trình tín dụng này và đủ điều kiện vay vốn của nhiều chương trình tín dụng tại NHCSXH để thực hiện mục đích sản xuất kinh doanh thì được lựa chọn vay vốn tại một hoặc nhiều chương trình tín dụng nhưng tổng dư nợ không vượt quá mức cho vay tối đa áp dụng đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo quy định trong từng thời kỳ.

3. Điều kiện vay vốn

a. Đối với cho vay hỗ trợ đất ở; cho vay hỗ trợ nhà ở; cho vay hỗ trợ đất sản xuất, chuyển đổi nghề.

Điều kiện chung các đối tượng vay vốn phải đáp ứng đủ:

- Cư trú hợp pháp tại địa phương.
- Thành viên đại diện vay vốn của hộ gia đình từ đủ 18 tuổi trở lên, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định của pháp luật.
- Có phương án vay vốn phù hợp với mục đích sử dụng vốn vay.

Điều kiện bổ sung thêm ngoài các điều kiện chung cho mỗi đối tượng vay vốn:

- Đối với cho vay hỗ trợ đất ở: có tên trong danh sách hộ gia đình được thụ hưởng chính sách hỗ trợ về đất ở do cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

- Đối với cho vay hỗ trợ nhà ở: có tên trong danh sách hộ gia đình được thụ hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở do cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

- Đối với cho vay hỗ trợ đất sản xuất, chuyển đổi nghề:

+ Có tên trong danh sách hộ gia đình được thụ hưởng chính sách hỗ trợ đất sản xuất hoặc hỗ trợ học nghề, chuyển đổi nghề do cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

+ Chỉ được thụ hưởng một trong hai chính sách hỗ trợ đất sản xuất hoặc hỗ trợ học nghề, chuyển đổi nghề.

b. Đối với cho vay hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị

Đối tượng vay vốn phải đáp ứng đủ các điều kiện sau:

- Đối với hộ nghèo, cận nghèo:

+ Hộ nghèo, hộ cận nghèo đáp ứng điều kiện vay vốn theo chương trình tín dụng đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo tại NHCSXH, có tên trong danh sách thành viên tham gia chuỗi giá trị được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

+ Có phương án vay vốn phù hợp với mục đích sử dụng vốn vay.

- Đối với doanh nghiệp, hợp tác xã:

+ Được thành lập, hoạt động hợp pháp, có phương án sử dụng vốn vay để tham gia chuỗi giá trị và được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, xác nhận tham gia vào chuỗi giá trị.

+ Được NHCSXH nơi cho vay tham gia thẩm định phương án vay vốn trước khi cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

+ Thực hiện bảo đảm tiền vay theo quy định của NHCSXH và quy định của pháp luật về giao dịch bảo đảm.

c. Đối với cho vay đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý:

- Được thành lập, hoạt động hợp pháp, có phương án đầu tư và sử dụng vốn vay để tham gia Dự án dược liệu quý được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

- Được NHCSXH nơi cho vay tham gia thẩm định phương án vay vốn trước khi cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

- Thực hiện bảo đảm tiền vay theo quy định của NHCSXH và quy định của pháp luật về giao dịch bảo đảm. Riêng đối với khách hàng là hộ nghèo, hộ cận nghèo (không phải hộ kinh doanh) không phải thực hiện bảo đảm tiền vay..

4. Mục đích sử dụng vốn vay

a. Đối với cho vay hỗ trợ đất ở:

Khách hàng được vay vốn để sử dụng vào việc trang trải chi phí để có đất ở (chi phí tạo mặt bằng, nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất ở theo quy định của pháp luật đất đai).

b. Đối với cho vay hỗ trợ nhà ở:

Khách hàng được vay vốn để sử dụng vào việc trang trải chi phí xây mới hoặc sửa chữa, cải tạo nhà ở.

c. Đối với cho vay hỗ trợ đất sản xuất, chuyển đổi nghề:

- Hỗ trợ đất sản xuất: khách hàng được vay vốn để sử dụng vào việc trang trải chi phí tạo quỹ đất sản xuất (chi phí khai hoang, phục hóa, cải tạo đất sản

xuất, nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất sản xuất theo quy định của pháp luật đất đai).

- Hỗ trợ chuyển đổi nghề: khách hàng được vay vốn để chi phí học nghề, chuyển đổi nghề (chi phí mua sắm máy móc, nông cụ, làm dịch vụ sản xuất nông nghiệp, học nghề, chuyển đổi sang làm các ngành nghề trồng trọt, chăn nuôi, sản xuất kinh doanh khác).

d. Đối với cho vay hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị:

Khách hàng được vay vốn để thực hiện hoạt động sản xuất kinh doanh theo chuỗi giá trị được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

e. Đối với cho vay đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý:

Khách hàng được vay vốn để thực hiện Dự án dược liệu quý do cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

5. Mức cho vay

a. Đối với cho vay hỗ trợ đất ở; cho vay hỗ trợ nhà ở; cho vay hỗ trợ đất sản xuất, chuyển đổi nghề: mức cho vay do NHCSXH nơi cho vay và khách hàng thỏa thuận.

- Cho vay hỗ trợ đất ở: *tối đa 50 triệu đồng/hộ*, căn cứ vào chi phí để có đất ở *sau khi loại trừ số tiền được hỗ trợ từ ngân sách nhà nước* (nếu có).

- Cho vay hỗ trợ nhà ở: *tối đa 40 triệu đồng/hộ*, căn cứ vào chi phí để xây mới hoặc sửa chữa, cải tạo nhà ở *sau khi loại trừ số tiền được hỗ trợ từ ngân sách nhà nước* (nếu có).

- Cho vay hỗ trợ đất sản xuất: *tối đa 77,5 triệu đồng/hộ*, căn cứ vào chi phí để có đất sản xuất *sau khi loại trừ số tiền được hỗ trợ từ ngân sách nhà nước* (nếu có).

- Cho vay hỗ trợ chuyển đổi nghề (bao gồm chi phí học nghề, chuyển đổi nghề): căn cứ vào nhu cầu vốn để thực hiện chuyển đổi nghề *sau khi loại trừ số tiền được hỗ trợ từ ngân sách nhà nước (nếu có) nhưng tối đa bằng mức cho vay phục vụ sản xuất kinh doanh đối với hộ nghèo* được quy định trong từng thời kỳ. Trong đó, *mức cho vay chi phí học nghề tối đa bằng mức cho vay áp dụng đối với chính sách tín dụng học sinh, sinh viên* quy định trong từng thời kỳ và *không vượt quá mức cho vay tối đa đối với hỗ trợ chuyển đổi nghề*.

b. Cho vay hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị

- Đối với hộ nghèo, cận nghèo: *tối đa bằng mức cho vay đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo*.

- Đối với doanh nghiệp, hợp tác xã: *tối đa là 2 tỷ đồng/khách hàng*.

c. Đối với cho vay đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý:

- Tổng mức cho vay không vượt quá 45% tổng mức đầu tư dự án và:
- + Đối với Dự án vùng trồng được liệu quý: tối đa là 96 tỷ đồng/01 dự án.
- + Đối với Dự án Trung tâm nhân giống: tối đa là 92 tỷ đồng/01 dự án.
- Mức cho vay đối với khách hàng tham gia Dự án được liệu quý do NHCSXH nơi cho vay xác định căn cứ phương án sử dụng vốn và quyết định phê duyệt thực hiện dự án của cơ quan có thẩm quyền, nhưng không vượt quá 45% mức đầu tư của khách hàng khi tham gia vào Dự án.
- Đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo (không phải hộ kinh doanh) thuộc đối tượng vay vốn và đủ điều kiện vay vốn của nhiều chương trình tín dụng tại NHCSXH để thực hiện mục đích sản xuất kinh doanh thì được lựa chọn vay vốn tại một hoặc nhiều chương trình tín dụng nhưng tổng dư nợ không vượt quá mức cho vay tối đa áp dụng đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo quy định trong từng thời kỳ.

6. Lãi suất

a. Lãi suất cho vay:

- Cho vay hỗ trợ đất ở và cho vay hỗ trợ nhà ở: **bằng 3%/năm.**
- Cho vay hỗ trợ đất sản xuất, chuyển đổi nghề: **bằng 50% lãi suất cho vay đối với hộ nghèo** quy định trong từng thời kỳ.
- Cho vay hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị:
- + Đối với hộ nghèo: **bằng 50% lãi suất cho vay sản xuất kinh doanh đối với hộ nghèo** quy định trong từng thời kỳ.
- + Đối với hộ cận nghèo, doanh nghiệp, hợp tác xã: **bằng 50% lãi suất cho vay sản xuất kinh doanh đối với hộ cận nghèo** quy định trong từng thời kỳ.
- Cho vay đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng trồng được liệu quý: **bằng 3,96%/năm.**

b. Lãi suất nợ quá hạn: bằng 130% lãi suất cho vay.

7. Thời hạn cho vay

Thời hạn cho vay do NHCSXH nơi cho vay và khách hàng thỏa thuận. Cụ thể:

- a. Cho vay hỗ trợ đất ở; cho vay hỗ trợ nhà ở:** tối đa là 15 năm, trong 5 năm đầu, khách hàng chưa phải trả nợ gốc.
- b. Cho vay hỗ trợ đất sản xuất, chuyển đổi nghề:** tối đa là 10 năm.
- c. Cho vay hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị**
 - Đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo: thời hạn cho vay tối đa bằng thời hạn cho vay áp dụng đối với chương trình cho vay hộ nghèo, hộ cận nghèo.
 - Đối với doanh nghiệp, hợp tác xã: tối đa là 5 năm.

d. Cho vay đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng trồng được liệu quý: tối đa là 10 năm, kể từ ngày giải ngân món vay đầu tiên theo Hợp đồng tín dụng đã ký.

8. Phương thức cho vay

- NHCSXH thực hiện phương thức cho vay trực tiếp có ủy thác một số nội dung công việc trong quy trình cho vay thông qua các tổ chức Hội, đoàn thể (gọi tắt là cho vay theo phương thức ủy thác): đối với khách hàng là hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ kinh doanh và hộ gia đình khác.

- NHCSXH thực hiện phương thức cho vay trực tiếp tại trụ sở NHCSXH nơi cho vay: đối với khách hàng là doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã và các tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh.

9. Hồ sơ, quy trình thủ tục cho vay

9.1. Hồ sơ, quy trình thủ tục cho vay theo phương thức ủy thác:

a. Hồ sơ vay vốn

Đối tượng lập hồ sơ	Đối với cho vay hỗ trợ đất ở; cho vay hỗ trợ nhà ở; cho vay hỗ trợ đất sản xuất, chuyển đổi nghề; cho vay hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị	Đối với cho vay đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng trồng được liệu quý
Khách hàng	- Giấy đề nghị vay vốn kèm phương án sử dụng vốn vay (01/TD); - Giấy ủy quyền (01/GUQ) (nếu có); - Đối với trường hợp vay vốn để trang trải chi phí học nghề, khách hàng cần gửi kèm Giấy xác nhận của cơ sở đào tạo nghề (mẫu số 01/TDSV đính kèm văn bản số 720/NHCS-TDNN-TDSV ngày 29/3/2011).	- Phương án vay vốn (mẫu 01/DLQ); - Giấy ủy quyền (mẫu số 01/GUQ) (nếu có); - Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh (nếu có); - Bản sao Giấy phép kinh doanh/Giấy phép hoạt động/Chứng chỉ hành nghề (đối với hộ kinh doanh thực hiện ngành nghề kinh doanh có điều kiện hoặc pháp luật có quy định). - Bản sao Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu còn hiệu lực của khách hàng. - Bản sao hồ sơ đề xuất tham gia Dự án. - Bản sao giấy tờ về tài sản bảo đảm tiền vay (đối với hộ gia đình không

		phải là hộ nghèo, hộ cận nghèo).
Tổ TK&VV	- Biên bản họp Tổ TK&VV (10C/TD hoặc 10A/TD); - Danh sách hộ gia đình đề nghị vay vốn (03/TD)	
Khách hàng, NHCSXH nơi cho vay và các bên liên quan	Sổ vay vốn	- Đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo: Sổ vay vốn. - Đối với hộ gia đình (bao gồm hộ kinh doanh) không thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo: + Hợp đồng tín dụng (mẫu số 05/DLQ); + Hồ sơ bảo đảm tiền vay.

Lưu ý khi làm hồ sơ vay vốn:

(1). Đối với vay vốn theo các chính sách cho vay hỗ trợ đất ở; nhà ở; đất sản xuất, trên Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay, khách hàng phải bổ sung nội dung cam kết *“và không chuyển nhượng quyền sử dụng đất ở/ quyền sử dụng đất sản xuất/nhà ở trong thời gian còn dư nợ khoản vay này”* vào cuối cùng phần cam kết của khách hàng.

(2) Trường hợp khách hàng thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo mà người đứng tên vay vốn không trùng với tên người đại diện cho hộ gia đình trong Danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo/ đối tượng được thụ hưởng chính sách hỗ trợ thì Chủ tịch UBND cấp xã nơi khách hàng cư trú xác nhận quan hệ của khách hàng và người có tên trong Danh sách là thành viên trong cùng một hộ gia đình và ký tên, đóng dấu dưới phần “Cam kết của hộ vay” trên Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay/phương án vay vốn.

b. Quy trình cho vay

*** Đối với cho vay hỗ trợ đất ở; cho vay hỗ trợ nhà ở; cho vay hỗ trợ đất sản xuất, chuyển đổi nghề; cho vay hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị:** thực hiện như cho vay đối với Hộ nghèo.

*** Đối với cho vay đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý:**

- Quy trình thủ tục đối với khách hàng, tại Tổ TK&VV, tại UBND cấp xã: thực hiện như cho vay đối với Hộ nghèo.

- Quy trình thủ tục tại NHCSXH nơi cho vay thực hiện như sau:

+ NHCSXH nơi cho vay tiếp nhận đầy đủ hồ sơ vay vốn do khách hàng và Tổ TK&VV lập, phân công cán bộ thực hiện:

✓ Kiểm tra tính đầy đủ, hợp pháp, hợp lệ của bộ hồ sơ vay vốn.

✓ Tổ chức thẩm định phương án vay vốn, lập Báo cáo kết quả thẩm định (mẫu 02/DLQ) trình Trưởng phòng Kế hoạch nghiệp vụ tín dụng/Tổ trưởng Tổ Kế hoạch - Nghiệp vụ kiểm soát, sau đó trình Giám đốc xem xét, phê duyệt.

+ Sau khi phê duyệt phương án vay vốn, NHCSXH nơi cho vay lập Báo cáo tổng hợp kết quả thẩm định (mẫu số 03/DLQ) kèm sao y bản chính các bộ hồ sơ vay vốn và Báo cáo kết quả thẩm định (mẫu số 02/DLQ) gửi NHCSXH cấp tỉnh.

+ NHCSXH cấp tỉnh lập Báo cáo tổng hợp kết quả thẩm định (mẫu số 03/DLQ) kèm các Báo cáo kết quả thẩm định (mẫu số 02/DLQ) gửi Hội đồng thẩm định dự án do UBND cấp tỉnh thành lập để xem xét, trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

+ NHCSXH cấp tỉnh gửi NHCSXH nơi cho vay kết quả phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được kết quả phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền, NHCSXH nơi cho vay gửi Thông báo kết quả phê duyệt cho vay (mẫu số 04a/DLQ) gửi UBND cấp xã để thông báo cho khách hàng đến điểm giao dịch xã hoặc trụ sở NHCSXH nơi cho vay để thực hiện các thủ tục nhận tiền vay theo quy định.

+ NHCSXH nơi cho vay phân công cán bộ thực hiện:

✓ Rà soát bộ hồ sơ vay vốn, đề nghị khách hàng bổ sung giấy tờ nếu hồ sơ do khách hàng lập có thay đổi so với thời điểm đề nghị vay vốn.

✓ Đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo: Cùng khách hàng lập sổ vay vốn và thực hiện giải ngân theo quy định.

✓ Đối với hộ gia đình (bao gồm hộ kinh doanh) không thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo:

(i) Tiếp nhận hồ sơ bảo đảm tiền vay và thực hiện thẩm định tài sản bảo đảm tiền vay theo quy định của NHCSXH.

(ii) Cùng khách hàng thỏa thuận, lập Hợp đồng tín dụng (mẫu số 05/DLQ) và hồ sơ bảo đảm tiền vay theo quy định của pháp luật và NHCSXH; tập hợp hồ sơ trình Giám đốc phê duyệt giải ngân. Các Hợp đồng nêu trên được lập phù hợp với từng đối tượng vay vốn, loại tài sản bảo đảm, nhưng phải tuân thủ nội dung theo mẫu hướng dẫn và được đánh máy.

(iii) Sau khi hoàn thiện, cán bộ được phân công bàn giao hồ sơ vay vốn cho bộ phận kế toán làm căn cứ giải ngân. NHCSXH nơi cho vay chỉ được giải ngân sau khi bên thế chấp đã bàn giao toàn bộ hồ sơ bảo đảm tiền vay cho bộ phận kế toán để lưu trữ, bảo quản theo chế độ quy định của NHCSXH.

9.2. Hồ sơ, quy trình thủ tục cho vay theo phương thức cho vay trực tiếp

9.2.1. Hồ sơ vay vốn

a. Đối với cho vay hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị.

***Hồ sơ do khách hàng lập và cung cấp**

- Hồ sơ pháp lý của khách hàng lập và cung cấp:

- + Bản sao các giấy tờ phù hợp với loại hình hoạt động:
 - ✓ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/hợp tác xã.
 - ✓ Giấy phép kinh doanh/Giấy phép hoạt động/Chứng chỉ hành nghề (đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện hoặc pháp luật có quy định); Giấy phép đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư (đối với doanh nghiệp được thành lập bởi nhà đầu tư nước ngoài);
 - + Bản sao điều lệ của doanh nghiệp/hợp tác xã.
 - + Giấy tờ, tài liệu chứng minh tư cách đại diện hợp pháp của khách hàng:
 - ✓ Bản sao Thẻ căn cước công dân/Hộ chiếu còn hiệu lực của người đại diện hợp pháp của khách hàng.
 - ✓ Bản gốc/bản chính/bản sao có chứng thực Giấy ủy quyền của người đại diện theo pháp luật (nếu có), trong đó phải có nội dung ủy quyền về số tiền vay, mục đích sử dụng vốn vay, thời hạn vay, tài sản bảo đảm.
 - + Bản gốc/bản chính văn bản của chủ sở hữu hoặc đại diện có thẩm quyền thực hiện quyền chủ sở hữu doanh nghiệp/hợp tác xã chấp thuận/phê duyệt cho doanh nghiệp/hợp tác xã vay vốn tại NHCSXH (theo quy định của pháp luật hoặc điều lệ của pháp nhân có quy định).
 - + Các giấy tờ khác (nếu có).

- Hồ sơ kinh tế:

- + Bản gốc/bản chính Báo cáo tài chính nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền và/hoặc Báo cáo tài chính đã kiểm toán của 2 năm gần nhất.
- + Trường hợp khách hàng mới thành lập hoặc đã hoạt động nhưng chưa đủ 2 năm thì cung cấp tình hình tài chính quý gần nhất hoặc báo cáo tài chính năm gần nhất tại thời điểm đề nghị vay vốn (nếu có).

- Hồ sơ vay vốn:

- + Đề nghị kiêm phương án vay vốn (mẫu số 01/DTTS);
- + Bản sao hồ sơ đề xuất thực hiện dự án, kế hoạch liên kết theo chuỗi giá trị;
- + Bản sao giấy tờ về tài sản bảo đảm tiền vay.

- Hồ sơ bảo đảm tiền vay: thực hiện theo quy định của NHCSXH

*** Hồ sơ do NHCSXH nơi cho vay, khách hàng và các bên liên quan cùng lập**

- Hợp đồng tín dụng (mẫu số 05/DTTS)
- Hồ sơ bảo đảm tiền vay: thực hiện theo quy định của NHCSXH.

b. Đối với cho vay đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng trồng được liệu quý

*** Hồ sơ do khách hàng lập và cung cấp**

- Hồ sơ pháp lý của khách hàng lập và cung cấp:

+ Bản sao các giấy tờ phù hợp với loại hình hoạt động:

✓ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/hợp tác xã/liên hiệp hợp tác xã; quyết định thành lập của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (nếu có);

✓ Giấy phép kinh doanh/Giấy phép hoạt động/Chứng chỉ hành nghề (đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện hoặc pháp luật có quy định); Giấy phép đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư (đối với doanh nghiệp được thành lập bởi nhà đầu tư nước ngoài);

+ Bản sao điều lệ của pháp nhân hoặc văn bản pháp lý của cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định về chức năng, nhiệm vụ của pháp nhân

+ Giấy tờ, tài liệu chứng minh tư cách đại diện hợp pháp của khách hàng:

✓ Bản sao Thẻ căn cước công dân/Hộ chiếu còn hiệu lực của khách hàng hoặc người đại diện hợp pháp của khách hàng;

✓ Bản sao văn bản/tài liệu hợp lệ xác định cổ đông, thành viên góp vốn (nếu có);

✓ Bản sao văn bản bổ nhiệm hoặc cử người đứng đầu pháp nhân theo quy định của Điều lệ pháp nhân hoặc quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (nếu có).

✓ Bản gốc/bản chính/bản sao có chứng thực Giấy ủy quyền của người đại diện theo pháp luật (nếu có), trong đó phải có nội dung ủy quyền về số tiền vay, mục đích sử dụng vốn vay, thời hạn vay, tài sản bảo đảm;

+ Bản gốc/bản chính văn bản của chủ sở hữu hoặc đại diện có thẩm quyền thực hiện quyền chủ sở hữu doanh nghiệp/hợp tác xã chấp thuận/phê duyệt cho pháp nhân vay vốn tại NHCSXH (theo quy định của pháp luật hoặc điều lệ của pháp nhân có quy định);

+ Các giấy tờ khác (nếu có).

- Hồ sơ kinh tế:

+ Bản gốc/bản chính Báo cáo tài chính nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền và/hoặc Báo cáo tài chính đã kiểm toán của 2 năm gần nhất.

+ Trường hợp khách hàng mới thành lập hoặc đã hoạt động nhưng chưa đủ 2 năm thì cung cấp tình hình tài chính quý gần nhất hoặc báo cáo tài chính năm gần nhất tại thời điểm đề nghị vay vốn.

+ Bản chính kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch tài chính trong thời gian vay vốn.

+ Bản sao Hợp đồng kinh tế giữa khách hàng với các đối tác mua, bán hàng (nếu có).

- Hồ sơ vay vốn:

- + Phương án vay vốn (mẫu số 01/DLQ).
- + Bản sao hồ sơ đề xuất tham gia dự án.
- + Bản sao giấy tờ về tài sản bảo đảm tiền vay.

- Hồ sơ bảo đảm tiền vay: thực hiện theo quy định của NHCSXH

*** Hồ sơ do NHCSXH nơi cho vay, khách hàng và các bên liên quan cùng lập**

- Hợp đồng tín dụng (mẫu số 05/DLQ)
- Hồ sơ bảo đảm tiền vay: thực hiện theo quy định của NHCSXH.

9.2.2. Quy trình cho vay:

Bước 1: NHCSXH nơi cho vay (tại địa bàn huyện nơi khách hàng thực hiện phương án vay vốn) tiếp nhận đầy đủ bộ hồ sơ khách hàng cung cấp nêu trên, phân công cán bộ:

- Kiểm tra, đối chiếu tính đầy đủ, hợp pháp, hợp lệ của bộ hồ sơ vay vốn:

+ Đối với bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/hợp tác xã/liên hiệp hợp tác xã thì kiểm tra trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp. Trường hợp không có thông tin hoặc thông tin không chính xác, đầy đủ thì đề nghị khách hàng cung cấp bản chính để đối chiếu hoặc nộp bản sao công chứng/chứng thực.

+ Đối với các giấy tờ còn lại quy định bản sao thì đề nghị khách hàng cung cấp bản chính để kiểm tra đối chiếu. Trường hợp khách hàng đã nộp bản sao công chứng/chứng thực thì không phải đối chiếu với bản chính.

- Tổ chức thẩm định phương án vay vốn, lập báo cáo thẩm định theo Mẫu số 02/DTTS/02/DLQ trình Trưởng phòng Kế hoạch nghiệp vụ tín dụng hoặc Tổ trưởng Tổ Kế hoạch nghiệp vụ kiểm soát, sau đó trình Giám đốc xem xét, phê duyệt.

Lưu ý: đối với khách hàng tham gia dự án vay vốn hỗ trợ phát triển theo chuỗi giá trị do UBND cấp tỉnh phê duyệt, trường hợp khách hàng không đủ điều kiện cho vay, lập thông báo từ chối cho vay (mẫu 04a/DTTS) và ghi rõ lý do từ chối cho vay.

Bước 2: sau khi phương án vay vốn được Giám đốc NHCSXH nơi cho vay phê duyệt thì:

- Đối với khách hàng tham gia dự án vay vốn hỗ trợ phát triển theo chuỗi giá trị do UBND cấp huyện phê duyệt: Lập báo cáo tổng hợp kết quả thẩm định

(mẫu số 03/DTTS) trình Giám đốc ký gửi cơ quan chủ trì dự án cấp huyện để xem xét, trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Lưu ý: trường hợp khách hàng không đủ điều kiện cho vay, lập thông báo từ chối cho vay (mẫu 04a/DTTS) và ghi rõ lý do từ chối cho vay.

- Đối với khách hàng tham gia dự án vay vốn hỗ trợ phát triển theo chuỗi giá trị do UBND cấp tỉnh phê duyệt và cho vay đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng trồng được liệu quý:

+ Lập Báo cáo tổng hợp kết quả thẩm định (mẫu số 03/DTTS hoặc mẫu 03/DLQ) kèm sao ý bản chính cả hồ sơ vay vốn và Báo cáo kết quả thẩm định (mẫu số 02/DTTS/mẫu 02/DLQ) gửi NHCSXH cấp tỉnh.

+ NHCSXH cấp tỉnh lập Báo cáo tổng hợp kết quả thẩm định (mẫu số 03/DTTS hoặc mẫu số 03/DLQ) (đối với cho vay đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng trồng được liệu quý gửi kèm kèm các Báo cáo kết quả thẩm định) gửi cơ quan chủ quản dự án cấp tỉnh/Hội đồng thẩm định dự án do UBND cấp tỉnh thành lập để xem xét, trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

Bước 3: gửi thông báo cho vay đến khách hàng vay vốn

- Đối với khách hàng tham gia dự án vay vốn hỗ trợ phát triển theo chuỗi giá trị do UBND cấp huyện phê duyệt: Trong thời hạn 3 ngày làm việc, kể từ khi nhận được kết quả phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền. NHCSXH phải thông báo cho khách hàng (mẫu số 04/DTTS).

- Đối với khách hàng tham gia dự án vay vốn hỗ trợ phát triển theo chuỗi giá trị do UBND cấp tỉnh phê duyệt và cho vay đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng trồng được liệu quý:

+ NHCSXH cấp tỉnh gửi NHCSXH nơi cho vay kết quả phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền.

+ NHCSXH nơi cho vay: Trong thời hạn 3 ngày kể từ khi nhận được kết quả phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền. NHCSXH phải thông báo cho khách hàng (mẫu số 04/DTTS hoặc mẫu số 04b/DLQ).

* **Lưu ý:** trường hợp khách hàng vay vốn đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng trồng được liệu quý không đủ điều kiện cho vay, lập thông báo từ chối cho vay (mẫu 04c/DLQ) và ghi rõ lý do từ chối cho vay trình Giám đốc ký gửi khách hàng.

Bước 4: NHCSXH nơi cho vay phân công cán bộ thực hiện:

- Rà soát lại bộ hồ sơ vay vốn, đề nghị khách hàng bổ sung hồ sơ và báo cáo tài chính của năm gần nhất nếu có thay đổi so với thời điểm đề nghị vay vốn;

- Tiếp nhận hồ sơ bảo đảm tiền vay và thực hiện thẩm định tài sản bảo đảm theo quy định;

- Cùng khách hàng thỏa thuận, lập Hợp đồng tín dụng (mẫu số 05/DTTS/ mẫu số 05/DLQ) và hồ sơ bảo đảm tiền vay; tập hợp hồ sơ trình Giám đốc phê duyệt giải ngân. Các Hợp đồng nêu trên được lập phù hợp với từng đối tượng vay vốn, loại tài sản bảo đảm, kế hoạch sử dụng vốn nhưng phải tuân thủ nội dung theo mẫu hướng dẫn và được đánh máy.

Bước 5: sau khi hoàn thiện, cán bộ được phân công bàn giao hồ sơ vay vốn cho bộ phận kế toán làm căn cứ giải ngân.

Lưu ý: *NHCSXH nơi cho vay chỉ được giải ngân sau khi bên thế chấp đã bàn giao hồ sơ bảo đảm tiền vay cho bộ phận kế toán lưu trữ, bảo quản theo chế độ quy định của NHCSXH.*

10. Tài khoản thanh toán của khách hàng

Đối với khách hàng là doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã và các tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh: thực hiện mở tài khoản thanh toán tại NHCSXH nơi cho vay trước khi phát tiền vay. Việc mở tài khoản thanh toán được thực hiện theo quy định của NHCSXH.

11. Tổ chức giải ngân

a. Khách hàng vay vốn theo phương thức cho vay ủy thác: giải ngân trực tiếp một hoặc nhiều lần tại Điểm giao dịch xã hoặc trụ sở NHCSXH nơi cho vay. Mỗi lần giải ngân, NHCSXH nơi cho vay phải ghi đầy đủ nội dung và khách hàng ký xác nhận tiền vay.

Lưu ý:

(1) *Đối với khách hàng vay vốn để chi phí học nghề, việc giải ngân được áp dụng theo quy định về giải ngân của chương trình cho vay học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn.*

(2) *Đối với cho vay đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng trồng được liệu quý: Đối với giải ngân từ lần thứ 2, khách hàng lập Giấy đề nghị giải ngân (mẫu số 06/DLQ).*

b. Khách hàng vay vốn theo phương thức cho vay trực tiếp: giải ngân bằng hình thức chuyển khoản một hoặc nhiều lần tại trụ sở NHCSXH nơi cho vay theo thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng. Đối với giải ngân từ lần thứ hai trở đi, khách hàng phải lập Giấy đề nghị giải ngân (mẫu số 06/DTTS/ mẫu số 06/DLQ).

12. Định kỳ hạn trả nợ gốc, trả lãi

a. Định kỳ hạn trả nợ gốc

* Cho vay theo phương thức ủy thác:

- Cho vay có thời hạn từ 12 tháng trở xuống: trả nợ gốc 01 lần khi đến hạn.
- Cho vay có thời hạn trên 12 tháng:

+ Đối với cho vay hỗ trợ đất ở; nhà ở; đất sản xuất, chuyển đổi nghề và phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, định kỳ hạn trả nợ gốc tối đa 12 tháng/lần kể từ ngày nhận món vay đầu tiên. Đối với cho vay hỗ trợ đất ở/nhà ở khách hàng trả nợ gốc từ năm thứ 6, mức trả nợ tối thiểu 10% tổng số tiền gốc.

+ Đối với đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý: định kỳ hạn trả nợ gốc tối đa 06 tháng/lần kể từ ngày nhận món vay đầu tiên.

* Cho vay theo phương thức cho vay trực tiếp:

- Cho vay có thời hạn từ 12 tháng trở xuống: trả nợ gốc 01 lần khi đến hạn.

- Cho vay có thời hạn trên 12 tháng: định kỳ hạn trả nợ gốc tối đa 06 tháng/lần kể từ ngày nhận món vay đầu tiên.

b. Định kỳ hạn trả lãi

Định kỳ trả lãi theo tháng. Lãi tiền vay được tính kể từ ngày giải ngân món vay đầu tiên.

13. Kiểm tra sau cho vay

a. Đối với phương thức cho vay ủy thác:

Thực hiện theo quy định hiện hành về nghiệp vụ ủy thác cho vay thông qua các tổ chức Hội, đoàn thể (như cho vay hộ nghèo).

Lưu ý: đối với khách hàng vay vốn để trang trải chi phí nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất ở/đất sản xuất, phải đề nghị khách hàng cung cấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ở/đất sản xuất theo quy định của pháp luật và ghi nhận vào Phiếu kiểm tra sử dụng vốn vay (mẫu số 06/TD).

b. Đối với phương thức cho vay trực tiếp:

- Đối với NHCSXH nơi cho vay: trực tiếp thực hiện kiểm tra việc sử dụng vốn vay trong thời gian 30 ngày kể từ ngày giải ngân và kiểm tra định kỳ tối thiểu 01 lần/năm. Ngoài ra có thể kiểm tra đột xuất theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền hoặc xuất phát từ yêu cầu thực tế.

- Khi kiểm tra, cán bộ kiểm tra căn cứ hồ sơ, tài liệu, chứng từ do khách hàng cung cấp và thực tế hoạt động của khách hàng để lập và yêu cầu khách hàng xác nhận trên Biên bản kiểm tra (mẫu số 07/DTTS/mẫu số 07/DLQ). Khách hàng có trách nhiệm phải cung cấp đầy đủ hồ sơ, tài liệu, chứng từ chứng minh việc sử dụng tiền để phản ánh vào Biên bản kiểm tra.

- Trường hợp giải ngân nhiều lần, tại lần giải ngân tiếp theo, khách hàng cung cấp đầy đủ hồ sơ, tài liệu, chứng từ chứng minh mục đích sử dụng vốn vay của lần giải ngân liền kề trước đó.

14. Thu nợ gốc, thu lãi

a. Thu nợ gốc

*** Đối với phương thức cho vay ủy thác:**

- Nợ gốc đến hạn phân kỳ: NHCSXH phối hợp với tổ chức Hội, đoàn thể nhận ủy thác cấp xã, Ban quản lý Tổ TK&VV thực hiện đôn đốc khách hàng trả nợ.

- Nợ gốc đến hạn trả nợ cuối cùng: trước khi đến hạn tối thiểu 30 ngày, NHCSXH nơi cho vay lập và gửi Thông báo danh sách nợ đến hạn (mẫu 19/TD) cho Tổ trưởng Tổ TK&VV để thông báo, đôn đốc khách hàng trả nợ.

- Khách hàng trả nợ gốc trực tiếp cho Ngân hàng tại Điểm giao dịch xã hoặc trụ sở NHCSXH nơi cho vay.

*** Đối với phương thức cho vay trực tiếp:**

Khách hàng chuyển khoản hoặc nộp tiền mặt vào tài khoản thanh toán đã mở tại NHCSXH nơi cho vay. NHCSXH nơi cho vay thực hiện trích từ tài khoản thanh toán để thu nợ gốc, thu lãi theo thỏa thuận.

***Lưu ý cho cả 2 phương thức cho vay:** khách hàng có thể trả nợ gốc trước hạn. Trường hợp khách hàng trả nợ trước hạn, trả nợ quá hạn thì thu nợ gốc đến đâu, thu hết lãi tương ứng của phần gốc đó.*

b. Thu lãi: hàng tháng, NHCSXH nơi cho vay thực hiện thu lãi theo quy định.

15. Xử lý nợ đến hạn

a. Điều chỉnh kỳ hạn trả nợ: khách hàng gặp khó khăn do nguyên nhân khách quan chưa trả được nợ gốc đúng hạn theo phân kỳ trả nợ đã thỏa thuận thì:

- Đối với cho vay theo phương thức ủy thác (hộ nghèo, cận nghèo): được theo dõi vào kỳ hạn trả nợ tiếp theo nhưng không quá kỳ hạn trả nợ cuối cùng.

- Đối với cho vay theo phương thức trực tiếp và cho vay theo phương thức ủy thác đối với hộ gia đình (bao gồm hộ kinh doanh) không thuộc hộ nghèo, cận nghèo: trước tối thiểu 05 ngày đến kỳ hạn trả nợ phải có Giấy đề nghị điều chỉnh kỳ hạn trả nợ (mẫu số 08/DTTS/mẫu số 08/DLQ) gửi NHCSXH nơi cho vay xem xét điều chỉnh kỳ hạn trả nợ. Thời hạn điều chỉnh cho 01 kỳ hạn trả nợ có thể một hoặc nhiều lần nhưng **tối đa không quá 06 tháng** cho mỗi kỳ hạn trả nợ.

b. Gia hạn nợ:

- Đối với phương thức cho vay ủy thác: Đến hạn trả nợ cuối cùng, khách hàng chưa trả được nợ do nguyên nhân khách quan và có nhu cầu xin gia hạn nợ thì được NHCSXH thực hiện theo quy định của NHCSXH về nghiệp vụ gia hạn nợ.

- Đối với phương thức cho vay trực tiếp: trước tối thiểu 05 ngày đến hạn trả nợ cuối cùng, khách hàng gặp khó khăn chưa trả được nợ và có nhu cầu xin gia hạn nợ phải có Giấy đề nghị gia hạn nợ theo mẫu số 09/DTTS/ mẫu số 09/DLQ gửi NHCSXH nơi cho vay xem xét cho gia hạn nợ.

Việc gia hạn nợ có thể một hoặc nhiều lần nhưng tối đa là 12 tháng đối với khoản cho vay từ 12 tháng trở xuống và 1/2 thời hạn cho vay đối với các khoản vay trên 12 tháng (tính theo thời gian ban đầu khi ký kết vay vốn).

c. Chuyển nợ quá hạn

- Đối với phương thức cho vay ủy thác:

+ Đối với hộ nghèo, cận nghèo: Đến hạn trả nợ cuối cùng, nếu khách hàng chưa trả được nợ và không được NHCSXH nơi cho vay cho gia hạn nợ thì chuyển toàn bộ số dư nợ còn lại sang nợ quá hạn.

+ Đối với hộ gia đình (bao gồm hộ kinh doanh) không thuộc hộ nghèo, cận nghèo: Đến kỳ hạn trả nợ theo phân kỳ, kể cả nợ gốc của kỳ hạn trước đó đã được điều chỉnh mà khách hàng chưa trả được nợ và không được NHCSXH nơi cho vay cho gia hạn nợ thì chuyển toàn bộ số dư nợ đó sang nợ quá hạn. Đến hạn trả nợ cuối cùng, nếu khách hàng chưa trả được nợ và không được NHCSXH nơi cho vay cho gia hạn nợ thì chuyển toàn bộ số dư nợ còn lại sang nợ quá hạn.

Khi chuyển nợ quá hạn, NHCSXH nơi cho vay lập Thông báo chuyển nợ quá hạn (mẫu số 14/TD) gửi Tổ trưởng tổ TK&VV để thông báo cho khách hàng.

- Đối với phương thức cho vay trực tiếp:

+ Đến kỳ hạn trả nợ gốc phân kỳ, kể cả nợ gốc của kỳ hạn trước đó được điều chỉnh mà khách hàng chưa trả được nợ và không được NHCSXH nơi cho vay cho điều chỉnh kỳ hạn trả nợ thì chuyển số dư nợ đó sang nợ quá hạn.

+ Đến hạn trả nợ cuối cùng, nếu khách hàng chưa trả được nợ và không được NHCSXH nơi cho vay cho gia hạn nợ thì chuyển toàn bộ số dư nợ còn lại sang nợ quá hạn.

Khi chuyển nợ quá hạn, lập thông báo chuyển nợ quá hạn mẫu số 11/DTTS hoặc 11/DLQ gửi khách hàng.

16. Xử lý vi phạm

a. Chuyển nợ quá hạn

Trong vòng tối đa 30 ngày kể từ ngày phát hiện vi phạm được ghi nhận trong Phiếu kiểm tra sử dụng vốn vay hoặc kết luận của cơ quan có thẩm quyền, NHCSXH xử lý:

- Đối với khách hàng là hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ kinh doanh và hộ gia đình khác:

+ Khách hàng sử dụng vốn vay sai mục đích xin vay, NHCSXH nơi cho vay phối hợp với chính quyền địa phương, tổ chức chính trị - xã hội nhận ủy thác và Tổ TK&VV áp dụng các biện pháp đôn đốc yêu cầu khách hàng trả nợ. Nếu khách hàng không trả hết số nợ sử dụng sai mục đích thì chuyển số nợ sử

dụng sai mục đích còn lại sang nợ quá hạn và lập thông báo chuyển nợ quá hạn gửi khách hàng.

+ Khách hàng thực hiện chuyển nhượng nhà ở, quyền sử dụng đất ở, đất sản xuất cho người khác trong thời gian vay vốn (tại các chính sách cho vay hỗ trợ nhà ở, đất ở, đất sản xuất), NHCSXH nơi cho vay phối hợp với chính quyền địa phương, các tổ chức chính trị - xã hội nhận ủy thác và Ban quản lý Tổ TK&VV áp dụng các biện pháp để đôn đốc, yêu cầu khách hàng trả nợ. Nếu khách hàng không thực hiện trả nợ thì chuyển số toàn bộ số dư nợ gốc còn lại sang nợ quá hạn.

- Đối với khách hàng là doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã và các tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh: Khách hàng sử dụng vốn vay sai mục đích, NHCSXH nơi cho vay phối hợp với các cơ quan liên quan và chính quyền địa phương áp dụng các biện pháp để đôn đốc, yêu cầu khách hàng thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Nếu khách hàng không trả hết số nợ sử dụng sai mục đích thì chuyển số nợ sử dụng sai mục đích còn lại sang nợ quá hạn, đồng thời lập Thông báo chuyển nợ quá hạn và lập thông báo chuyển nợ quá hạn gửi khách hàng.

b. Chấm dứt cho vay

Khách hàng vi phạm quy định của pháp luật, có kết luận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc vi phạm các cam kết trong Hợp đồng tín dụng nhưng không khắc phục, sửa chữa. Trong thời gian tối đa 03 tháng kể từ thời điểm gửi cho khách hàng Thông báo chấm dứt cho vay (mẫu số 10/DTTS/ mẫu số 10/DLQ), NHCSXH nơi cho vay thực hiện thu hồi nợ trước hạn. Nếu khách hàng không trả hết số nợ vi phạm thì chuyển số nợ vi phạm còn lại sang nợ quá hạn.

c. Xử lý tài sản bảo đảm theo quy định của pháp luật và của NHCSXH

d. Khởi kiện trước pháp luật trong các trường hợp sau:

- Khách hàng vi phạm Sổ vay vốn, Hợp đồng tín dụng, Hợp đồng bảo đảm tiền vay đã được NHCSXH nơi cho vay thông báo bằng văn bản nhưng không khắc phục.

- Khách hàng có hành vi lừa đảo, gian lận.

- Khách hàng có các vi phạm khác theo quy định của pháp luật.

17. Xử lý nợ rủi ro: thực hiện theo Quyết định số 62/QĐ-HĐQT ngày 27/9/2021 và các văn bản liên quan khác.

VĂN BẢN LIÊN QUAN

1. Nghị quyết số 88/2019/QH14 ngày 18/11/2019 của Quốc hội về việc Phê duyệt Đề án tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030.

2. Nghị quyết số 120/2020/QH14 ngày 19/6/2020 của Quốc hội về việc Phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 – 2030.

3. Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.

4. Nghị định số 28/2022/NĐ-CP ngày 26/4/2022 của Chính phủ về chính sách tín dụng ưu đãi thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (DTTS&MN) giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2030, giai đoạn 1: từ năm 2021 đến năm 2025.

5. Thông tư số 02/2022/TT-UBDT ngày 30/6/2022 của Ủy ban Dân tộc hướng dẫn thực hiện một số dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025.

6. Văn bản số 4912/HD-NHCS ngày 30/6/2022 của Ngân hàng Chính sách xã hội về việc Hướng dẫn nghiệp vụ cho vay hỗ trợ đất ở, nhà ở, đất sản xuất, chuyển đổi nghề và phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị theo Nghị định số 28/2022/NĐ-CP ngày 26/4/2022 của Chính phủ.

7. Thông tư số 10/2022/TT-BYT ngày 22/9/2022 của Bộ Y tế hướng dẫn triển khai nội dung Đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025.

8. Văn bản số 7359/HD-NHCS ngày 22/09/2022 của Ngân hàng Chính sách xã hội về việc Hướng dẫn Nghiệp vụ cho vay đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý theo Nghị định số 28/2022/NĐ-CP ngày 26/4/2022 của Chính phủ.

9. Văn bản số 9053/NHCS-TDNN ngày 02/11/2022 của Ngân hàng Chính sách xã hội về việc đính chính lỗi tại văn bản số 4912/HD-NHCS ngày 30/6/2022.

10. Các văn bản có liên quan khác.
